

Số: **003661** /PTC-KHTH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **21** tháng 9 năm 2022

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1. Tên tổ chức: Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP.

- Mã chứng khoán: PEG.

- Địa chỉ: 194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp.Hồ Chí Minh.

- Điện thoại liên hệ: (028) 3930 3633

Fax: (028) 3930 5686

2. Nội dung thông tin công bố:

Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP công bố thông tin toàn văn bản cáo bạch chào bán cổ phiếu Công ty cổ phần PETEC Bình Định ra công chúng.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty vào ngày 21/09/2022 tại đường dẫn <https://petec.com.vn/vn/thong-tin-co-dong.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm về những thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Bản cáo bạch chào bán cổ phiếu ra công chúng

Nơi nhận: 
- Như trên;
- HĐQT; BKS;
- Lưu: VT; KHTH.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC




Nguyễn Thanh Hải

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

(Giấy CNDKKD số 0300649476 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 30/07/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 30/03/2021)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU CÔNG TY CỔ PHẦN PETEC BÌNH ĐỊNH RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 295/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 15 tháng 9 năm 2022)

**BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TỪ NGÀY .../.../2022
TẠI:**

TO CHỨC CHÀO BÁN



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ – CTCP

Địa chỉ: Số 194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3,
Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3930 3633- Fax : (028) 3930 5686

Website: www.PETEC.com.vn

TO CHỨC TƯ VẤN



CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH TP.HCM

Địa chỉ: Tầng 1 đến tầng 3, 65 Phạm Ngọc Thạch, Phường Võ Thị Sáu,
Quận 3, TP.HCM

Điện thoại: (028) 3820 8116 - Fax : (028) 3820 8117

Website: www.vCBS.com.vn

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Trần Văn Dương

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Số điện thoại: (028) 3930 3633

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 09 năm 2022

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ
– CÔNG TY CỔ PHẦN**

*(Giấy CNĐKKD số 0300649476 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 30/07/2010,
đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 30/03/2021)*



**CHÀO BÁN CỔ PHIẾU CÔNG TY CỔ PHẦN PETEC BÌNH ĐỊNH
RA CÔNG CHÚNG**

Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần PETEC Bình Định
Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phiếu
Giá chào bán:	26.010 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng cổ phiếu chào bán:	1.274.064 cổ phiếu
Tổng giá trị cổ phiếu chào bán:	12.740.640.000 đồng
(theo mệnh giá)	

TỔ CHỨC TƯ VẤN



**CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI
THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH TP.HCM**

Địa chỉ: tầng 1 đến tầng 3, số 65 Phạm Ngọc Thạch, Phường Võ Thị Sáu,
Quận 3, TP.HCM

Điện thoại: (028) 3930 3633 – Fax : (028) 3930 5686

Website: www.vCBS.com.vn

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

Địa chỉ: Lô 78-80, Đường 30 tháng 4, Quận Hải Châu, Tp.Đà Nẵng

Điện thoại: (0236) 3655 886 – Fax : (0236) 3655 887

Website: www.aac.com.vn

MỤC LỤC

I.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	5
1.	Cổ đông chào bán cổ phiếu ra công chúng: Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – Công ty cổ phần	5
2.	Tổ chức tư vấn: công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.....	5
II.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	6
1.	Rủi ro về kinh tế.....	6
2.	Rủi ro về luật pháp	8
3.	Rủi ro đặc thù.....	8
4.	Rủi ro luật pháp.....	9
5.	Rủi ro khác	10
6.	Rủi ro của đợt chào bán.....	10
III.	CÁC KHÁI NIỆM.....	11
IV.	GIỚI THIỆU VỀ CỔ ĐÔNG CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG	12
1.	Thông tin sơ lược về cổ đông.....	12
2.	Mối quan hệ giữa cổ đông với công ty đại chúng có cổ phiếu được chào bán.....	13
3.	Mối quan hệ giữa PEG với cổ đông sáng lập, cổ đông lớn, thành viên hội đồng quản trị, kiểm soát viên, tổng giám đốc, phó tổng giám đốc của GCB và người có liên quan.....	13
4.	Thông tin về sở hữu của những người có liên quan của PEG tại GCB	13
5.	Thông tin về hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa PEG và những người có liên quan với GCB	14
V.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG CÓ CỔ PHIẾU ĐƯỢC CHÀO BÁN... ..	14
1.	Thông tin chung về công ty đại chúng.....	14
2.	Danh sách cổ đông lớn.....	16
3.	Cơ cấu tổ chức của công ty đại chúng.....	16
4.	Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của công ty đại chúng	17
5.	Thông tin về công ty mẹ, công ty con của công ty đại chúng	18
6.	Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.....	18
7.	Hoạt động kinh doanh	19
8.	Kết quả hoạt động kinh doanh.....	20
9.	Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	21
10.	Ý kiến của tổ chức kiểm toán đối với báo cáo tài chính của công ty đại chúng	22
11.	Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức.....	23
12.	Thông tin về thành viên hội đồng quản trị, kiểm soát viên, tổng giám đốc, phó tổng giám đốc, kế toán trưởng... ..	24
12.1.	Hội đồng quản trị	24
12.2.	Ban tổng giám đốc và kế toán trưởng	30

13.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của công ty đại chúng có cổ phiếu được chào bán.....	36
14.	Các thông tin, tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty đại chúng có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của công ty cổ phần PETEC bình định, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán	36
VI.	THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN.....	37
1.	Loại cổ phiếu.....	37
2.	Mệnh giá.....	37
3.	Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán	37
4.	Tỷ lệ số lượng cổ phiếu chào bán/tổng số lượng cổ phiếu thuộc sở hữu của cổ đông.....	37
5.	Tỷ lệ số lượng cổ phiếu chào bán/tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành của công ty đại chúng.....	37
6.	Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá	37
7.	Giá chào bán dự kiến	37
8.	Nguyên tắc xác định giá chào bán	37
9.	Phương thức phân phối	37
10.	Đăng ký mua cổ phiếu.....	38
11.	Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu.....	39
12.	Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu	39
13.	Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt chào bán cổ phiếu của cổ đông	39
14.	Biện pháp bảo đảm tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài	39
15.	Các loại thuế có liên quan (thuế thu nhập và các thuế khác liên quan đến cổ phần chào bán).....	40
VII.	MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN.....	40
VIII.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN.....	41
IX.	CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ.....	42
X.	BÁO CÁO CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG CÓ CỔ PHIẾU ĐƯỢC CHÀO BÁN VỀ CÁC THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TY ĐẠI CHÚNG TRONG BẢN CÁO BẠCH.....	42
XI.	NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC CHÀO BÁN, TỔ CHỨC TƯ VẤN, CÔNG TY ĐẠI CHÚNG CÓ CỔ PHIẾU ĐƯỢC CHÀO BÁN.....	43
XII.	PHỤ LỤC.....	44

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Cổ đông chào bán cổ phiếu ra công chúng: Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – Công ty Cổ phần

Đối với cổ đông là tổ chức: Ông Trần Văn Dưỡng, Chức vụ: Tổng giám đốc

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, Chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

2. Tổ chức tư vấn: Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Quốc Việt. Chức vụ: Giám đốc chi nhánh

Theo giấy ủy quyền số 31/2020/UQ-VCBS-KSNB ngày 09/07/2020 của Giám đốc Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu Công ty cổ phần PETEC Bình Định ra công chúng do Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn thoả vốn số 05/2022/VCBS-TVTCĐN.HCM ngày 10 tháng 02 năm 2022 với Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – Công ty Cổ phần. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – Công ty Cổ phần cung cấp.

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Rủi ro về kinh tế là loại rủi ro hệ thống thông qua những biến động của các yếu tố vĩ mô như tốc độ tăng trưởng kinh tế, tỷ lệ lạm phát, lãi suất. Các yếu tố này có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Do tác động của các yếu tố kinh tế vĩ mô đến hoạt động của doanh nghiệp rất nhanh và mạnh nên việc phân tích môi trường vĩ mô của nền kinh tế nhằm mục đích dự phòng mức độ tác động của yếu tố rủi ro đến chiến lược phát triển và đảm bảo vận hành mô hình kinh doanh của Công ty là rất cần thiết.

1.1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế. Tăng trưởng kinh tế nói chung sẽ làm tăng nhu cầu tiêu dùng xã hội, thúc đẩy sự gia tăng của sản lượng công nghiệp và giúp cho các doanh nghiệp mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm của mình.

Theo số liệu của Tổng Cục Thống kê, tính chung cả năm 2021, CPI tăng 1,84% so với năm trước, mức tăng thấp nhất kể từ năm 2016. Lạm phát cơ bản 12 tháng năm 2021 tăng 0,81%. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý IV/2021 ước tính tăng 5,22% so với cùng kỳ năm trước; trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,16%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 5,61%, khu vực dịch vụ tăng 5,42%.

Năm 2020, nền kinh tế Việt Nam chịu ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch COVID-19, nhưng cũng thể hiện sức chống chịu đáng kể. Tăng trưởng GDP ước đạt 2,9% năm 2020. Việt Nam là một trong số ít quốc gia trên thế giới tăng trưởng kinh tế dương.

Trước tình hình kinh tế biến động như trên, Công ty Cổ phần PETEC Bình Định luôn theo dõi sát sao diễn biến thị trường và ảnh hưởng của biến động thị trường đối với kết quả kinh doanh nhằm kịp thời đưa ra các phương án linh hoạt theo tình hình kinh tế và dự phòng hạn chế rủi ro có thể xảy ra cho Công ty Cổ phần PETEC Bình Định.

1.2. Lãi suất

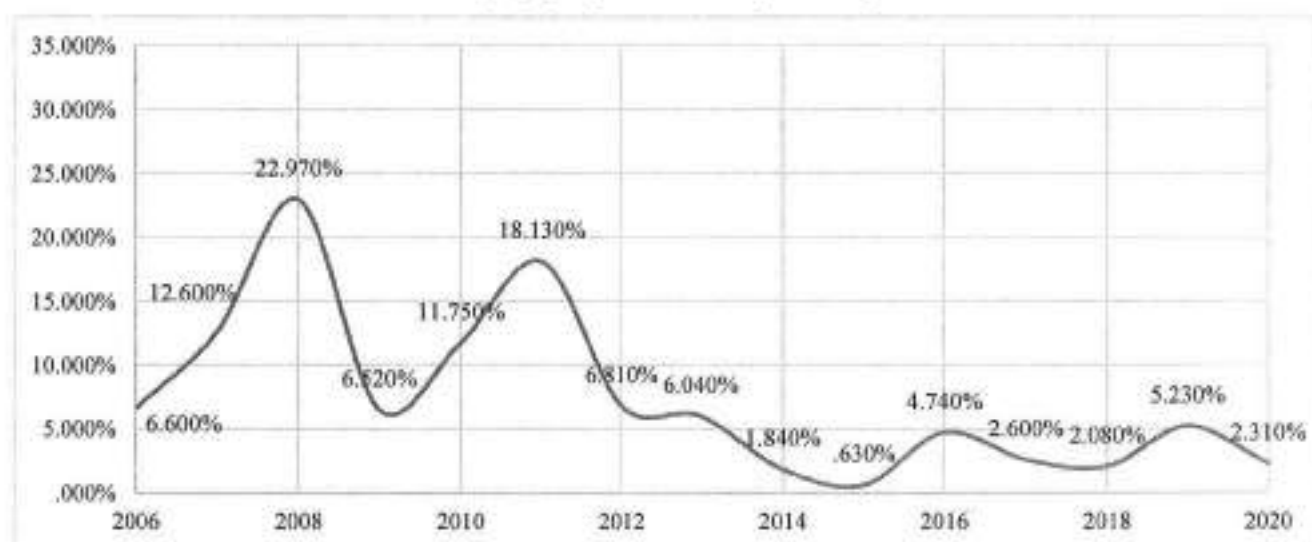
Lãi suất có vai trò rất quan trọng đối với sự phát triển của ngành nghề trong nền kinh tế. Các biến động lãi suất sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí vốn của doanh nghiệp và qua đó gián tiếp tác động đến chi tiêu của người tiêu dùng. Mức lãi suất thấp và ổn định giúp cho doanh nghiệp có cơ hội sử dụng được nguồn vốn chi phí thấp qua đó tiết giảm được chi phí.

Rủi ro lãi suất xảy ra khi doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng vốn vay từ ngân hàng dẫn đến chi phí đi vay tăng ảnh hưởng đến lợi nhuận của doanh nghiệp. Từ đầu năm 2020 đến nay, để giảm bớt khó khăn do tác động của dịch COVID-19, từ đó nền kinh tế có điều kiện phục hồi nhanh, tăng khả năng tiếp cận vốn vay ngân hàng đối với nền kinh tế, trên cơ sở diễn biến kinh tế trong và ngoài nước, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã liên tiếp điều chỉnh giảm 3 lần các mức lãi suất, tổng mức giảm 1,5-2,0%/năm đối với lãi suất điều hành, sẵn sàng hỗ trợ thanh khoản cho tổ chức tín dụng, tạo điều kiện cho các ngân hàng thương mại tiếp cận nguồn vốn từ NHNN với chi phí thấp hơn, qua đó có điều kiện giảm lãi suất cho vay để hỗ trợ khách hàng phục hồi sản xuất kinh doanh. Cụ thể, NHNN đã giảm lãi suất tái cấp vốn từ 6%/năm xuống 4%/năm; Lãi suất tái chiết khấu giảm từ 4%/năm xuống 2,5%/năm; Lãi suất chào mua giấy tờ có giá qua nghiệp vụ thị trường mở giảm từ 4%/năm xuống 2,5%/năm; Lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt vốn trong thanh toán bù trừ của NHNN giảm từ 7%/năm xuống 5%/năm.

1.3. Lạm phát

Các rủi ro trong tài chính doanh nghiệp thường gắn liền với hiện tượng lạm phát trong nền kinh tế. Theo những số liệu được công bố, trong những năm gần đây Việt Nam đang đứng trước sức ép gia tăng lạm phát. Tỷ lệ lạm phát giai đoạn 2006 – 2020 cụ thể như sau:

Biểu đồ 2: Tỷ lệ lạm phát của Việt Nam qua các năm



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Trong quá trình phát triển kinh tế, giai đoạn 2000 – 2011, lạm phát ở Việt Nam xảy ra với xu hướng tăng và biến động với biên độ khá lớn góp phần tạo ra những biến động bất thường của giá cả nguyên nhiên vật liệu đầu vào, ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp. Tuy nhiên, với nỗ lực từ phía Chính phủ và NHNN, cung tiền được điều tiết hợp lý, mặt bằng giá cả ổn định hơn góp phần kiềm hãm được mức tăng của chỉ số CPI. Điều này được thể hiện khá rõ qua các báo cáo của Tổng cục thống kê về tình hình kinh tế xã hội Việt Nam.

Trong giai đoạn 2013 và 2014 chỉ số CPI bình quân chỉ còn tăng lần lượt là 6,04% và 1,84% so với năm 2012 và năm 2013. Năm 2015, lạm phát Việt Nam là 0,63%, mức thấp nhất trong 10 năm qua. Đây là dấu hiệu tích cực cho thấy mục tiêu kiểm soát lạm phát và ổn định vĩ mô của Việt Nam đã phát huy tác dụng, nhờ vậy các doanh nghiệp có thể yên tâm phát triển sản xuất kinh doanh. Bước sang năm 2016, tỷ lệ lạm phát lại tăng trở lại, lên mức 4,74% và trong giai đoạn 2017-2018, tỷ lệ lạm phát của nền kinh tế dao động quanh mức 3,5% - 4%. Năm 2020, lạm phát cơ bản bình quân tăng 2,31% so với bình quân năm 2019, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra là dưới 4%. Ở góc độ điều hành vĩ mô, Chính phủ luôn chỉ đạo đúng đắn, kịp thời nhằm khống chế đà tăng CPI ngay từ đầu năm. Với chỉ tiêu lạm phát mục tiêu dao động quanh mức 4% thì Công ty Cổ phần PETEC Bình Định đã chủ động xây dựng các kịch bản ứng phó nên mức lạm phát mục tiêu này cũng không tác động quá mạnh đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

1.4. Tỷ giá

Tỷ giá USD/VND trải qua một năm biến động thăng trầm, chủ yếu do tác động từ thị trường quốc tế. Trong năm 2021, tỷ giá trung tâm của đồng Việt Nam so với đồng USD do NHNN công bố tăng 0,1%, trong khi tỷ giá giao dịch trên thị trường liên ngân hàng giảm khoảng 1,6% so với đầu năm. Trên thị trường tự do, tỷ giá của đồng Việt Nam so với đồng USD tăng 0,5% do chênh lệch giá vàng trong nước và thế giới tiếp tục nới rộng. Trong năm 2021, giá vàng trong nước cao hơn giá vàng thế giới khoảng 11,2 triệu đồng/lượng. Yếu tố tác động lên tỷ giá trong năm nay chủ yếu đến từ thị trường quốc tế, trong đó hai yếu tố chính là tăng trưởng kinh tế Mỹ chậm lại do ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 cùng với việc Cục

Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) vẫn giữ chính sách tiền tệ nới lỏng để kích thích nền kinh tế bị ảnh hưởng từ đại dịch khiến đồng USD chỉ tăng nhẹ 0,1% so với đầu năm.

Trong suốt năm 2020, NHNN đã có những chi đạo kịp thời để đảm bảo thị trường nói chung ổn định và phát triển bền vững. Chẳng hạn NHNN đã hạ tỉ giá bán đô la Mỹ trong tháng 3/2020, để đáp ứng nhu cầu chính đáng khi thị trường ngoại hối chịu áp lực trong thời kỳ xã hội giãn cách và giảm tỷ giá mua đô la Mỹ vào tháng 11 khi nguồn cung đô la Mỹ trên thị trường trở lại dồi dào. Nhìn chung cả năm 2020, diễn biến tỷ giá không giống như những năm trước, vì Việt Nam Đồng thậm chí đã tăng giá nhẹ khoảng 0,2% so với đô la Mỹ, trong khi thị trường ngoại hối gần như không có áp lực cuối năm.

Trong bối cảnh của dịch bệnh Covid-19, nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng khó tránh khỏi những ảnh hưởng không nhỏ của dịch bệnh. Trước những diễn biến phức tạp trên, Công ty Cổ phần PETEC Bình Định luôn ý thức trong việc thu thập và theo dõi sát sao diễn biến thị trường kinh doanh, ảnh hưởng của biến động tỷ giá lên kết quả kinh doanh nhằm kịp thời đưa ra các đối sách linh hoạt theo tình hình kinh tế, các biện pháp tài chính và dự phòng rủi ro nhằm hạn chế tối đa rủi ro có thể xảy ra cho Công ty.

2. Rủi ro về luật pháp

Mọi hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần PETEC Bình Định chịu sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật hiện hành như Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2021, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2021, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13, Luật thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12... Tuy nhiên, hệ thống luật pháp của Việt Nam đang trong quá trình xây dựng và hoàn thiện, do đó các luật và văn bản dưới luật này sẽ có thể được chỉnh sửa cho phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế. Những sự thay đổi này có thể gây ảnh hưởng nhất định đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Để hạn chế rủi ro này, Công ty luôn tiếp cận sớm và tham khảo các chính sách, văn bản mới nhất nhằm triển khai thực hiện theo đúng các quy định pháp luật, hạn chế rủi ro về pháp luật có thể xảy ra trong hoạt động kinh doanh.

3. Rủi ro đặc thù

3.1. Rủi ro biến động giá xăng dầu

Liên minh giữa Tổ chức các nước xuất khẩu dầu lửa và đồng minh (OPEC+) tuyên bố giữ nguyên kế hoạch tăng sản lượng nhằm hưởng lợi từ mức giá cao, thay vì tăng sản lượng cao hơn như kêu gọi của các nước tiêu thụ dầu lớn như Mỹ và Ấn Độ. Thế giới dự kiến hứng chịu cuộc khủng hoảng năng lượng và đối mặt với mùa đông 2022 khắc nghiệt, lạnh sớm nên các nước có xu hướng tăng cường dự trữ xăng dầu, càng làm giá dầu gia tăng.

Tại châu Âu, giá nhiên liệu đã lên tới mức cao kỷ lục từ giữa tháng 10/2021. Tại Bỉ, giá một lít dầu diesel là 1,78 euro, xăng 95 là 1,66 euro. Tại Anh, giá xăng dầu đã tăng đến mức kỷ lục, 1 lít dầu diesel là 151 xu Anh, 1 lít xăng là 147 xu Anh.

Các bất ổn địa chính trị đang ngày càng gia tăng làm cho giá xăng dầu lên mức cao. Tại thời điểm ngày 25/02/2022, sau khi Nga tuyên bố tiến quân vào Ukraine, giá dầu Brent đã vượt ngưỡng 100 USD/thùng, lần đầu kể từ năm 2014. Giá dầu WTI giao tương lai của Mỹ cũng tăng 4,73%, lên mức 96,46 USD/thùng. Nếu tình hình căng thẳng giữa hai nước còn tiếp diễn, giá dầu được dự báo sẽ tiếp tục tăng vọt, thậm chí lên mức 150 USD/thùng. Tại thị trường trong nước, giá xăng RON 95 tăng 961 đồng/lít, xăng E5 RON 92 tăng 965 đồng/lít trong khi dầu tăng 273-936 đồng/lít so với giá bán hiện hành. Giá dầu

thế giới tăng cũng kéo theo biến động giá dầu trong nước và có tác động mạnh tới các ngành khác sử dụng nhiều xăng dầu.

3.2. Rủi ro cơ chế điều hành giá xăng dầu

Xăng dầu là mặt hàng chiến lược quốc gia và được Nhà nước quản lý giám sát chặt chẽ, đặc biệt dưới góc độ giá bán, chất lượng và sản lượng kinh doanh xăng dầu. Kể từ cuối năm 2009 đến nay, giá xăng dầu trong nước đã được vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước và Nhà nước tiếp tục sử dụng các công cụ tài chính như thuế, Quỹ bình ổn giá để điều tiết giá xăng dầu nhằm ổn định vĩ mô và tránh tác động tiêu cực của biến động giá xăng dầu tới nền kinh tế. Đầu năm 2022, nhiều văn bản pháp luật đã được ban hành để hướng dẫn về dịch vụ kinh doanh xăng dầu và quản lý Quỹ bình ổn giá xăng dầu, bao gồm: Thông tư số 103/2021/TT-BTC hướng dẫn phương thức trích lập, chi sử dụng, quản lý Quỹ bình ổn giá xăng dầu; Thông tư 104/2021/TT-BTC hướng dẫn phương pháp xác định yếu tố cấu thành trong công thức giá cơ sở xăng dầu, Nghị định 95/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định 83/2014/NĐ-CP. Các văn bản này đều có hiệu lực từ 02/01/2022. Mặc dù giá xăng dầu đã được điều chỉnh theo xu thế biến động của giá xăng dầu thế giới, tuy nhiên, do xăng dầu là mặt hàng nằm trong diện quản lý và bình ổn giá của Nhà nước, nên mức tăng/giảm giá xăng dầu trong nước nhiều thời điểm không cùng xu thế hoặc có biên độ điều chỉnh không tương ứng với mức tăng/giảm của giá xăng dầu thế giới.

Nghị định 95/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 83/2014/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 02/01/2022 được ban hành nhằm tạo ra sự tiệm cận với diễn biến giá xăng dầu thế giới. Theo đó, liên quan đến thời gian điều hành giá xăng dầu, một tháng sẽ có ba lần điều chỉnh giá bán lẻ xăng dầu vào các ngày mùng 1, ngày 11 và ngày 21, mỗi lần cách nhau 10 ngày, thay vì 15 ngày như hiện nay. Nghị định 95 cũng bổ sung Điều 5a sau Điều 5 về việc chuyển nhượng cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài. Theo đó, ngoài các thương nhân kinh doanh xăng dầu đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt góp vốn hoặc chuyển nhượng cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài, thương nhân kinh doanh xăng dầu có hoạt động sản xuất xăng dầu nếu có nhu cầu chuyển nhượng cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài thì phải được Thủ tướng Chính phủ cho phép.

Bảo đảm thực hiện tốt vai trò kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý Nhà nước, hài hòa lợi ích người tiêu dùng, doanh nghiệp và Nhà nước. Tính cạnh tranh, công khai, minh bạch trong kinh doanh xăng dầu được tăng cường đi đôi với quản lý chặt chẽ hệ thống phân phối xăng dầu, bảo đảm cung ứng ổn định xăng dầu trong hệ thống, bảo đảm chất lượng xăng dầu lưu thông trên thị trường. Giá xăng dầu trong nước phản ánh kịp thời diễn biến giá xăng dầu thế giới; tần suất, biên độ điều chỉnh giá xăng dầu phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội, tâm lý người tiêu dùng. Nhiên liệu sinh học được khuyến khích phát triển nhằm giảm sự phụ thuộc vào nhiên liệu có nguồn gốc hóa thạch, đồng thời góp phần bảo vệ môi trường.

3.3. Rủi ro cháy nổ và ô nhiễm môi trường

Mặt hàng xăng dầu là mặt hàng dễ gây cháy nổ và có thể gây thiệt hại lớn đối với các công ty kinh doanh xăng dầu nếu có sơ suất xảy ra trong quá trình bảo quản, vận chuyển, lưu thông. Tuy nhiên, rủi ro này có thể kiểm soát nếu các quy định về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh được tuân thủ chặt chẽ. Công ty Cổ phần PETEC Bình Định luôn coi trọng và ưu tiên hàng đầu công tác bảo đảm an toàn phòng chống cháy nổ, mua bảo hiểm tài sản, cháy nổ, trách nhiệm cộng đồng, môi trường.

4. Rủi ro luật pháp

Tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam chưa đồng bộ với thay đổi trong khung luật pháp và chính sách như các nền kinh tế đã phát triển. Hơn nữa, sự thay đổi chính sách hay cách hiểu và vận dụng pháp luật có thể dẫn đến những hậu quả không mong đợi mà có thể gây ảnh hưởng bất lợi đáng kể đối với các doanh nghiệp trong nước. Hoạt động dưới sự điều chỉnh của pháp luật Việt Nam, Công ty chịu nhiều rủi ro do hệ thống pháp luật chưa chặt chẽ và còn nhiều quy định chồng chéo. Bất kỳ điều chỉnh nào trong những

quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và quy định khác liên quan đến ngành nghề hoạt động kinh doanh của Công ty đều có ảnh hưởng và tác động đến hoạt động và kết quả kinh doanh của Công ty.

5. Rủi ro khác

Có một số nhân tố rủi ro mang tính bất khả kháng như: thiên tai, chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo trên quy mô lớn. Những rủi ro này hiếm khi xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ để lại những hậu quả thực sự nghiêm trọng, tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh và phát triển của Công ty.

6. Rủi ro của đợt chào bán

Rủi ro về thị trường: Trong giai đoạn hiện nay, các cổ phiếu trên thị trường chứng khoán thường xuyên biến động do tác động của căng thẳng Nga – Ukraine, dịch bệnh Covid 19 năm thứ 3 và giá dầu gia tăng. Đặc biệt là cổ phiếu của các công ty đã niêm yết nhưng mức độ thanh khoản thấp và ít được chú ý từ thị trường, điều này tạo tâm lý e ngại cho các nhà đầu tư khi quyết định mua cổ phiếu của những doanh nghiệp này trên thị trường chứng khoán.

Đợt chào bán cổ phiếu Công ty Cổ phần PETEC Bình Định của Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP (PETEC) sẽ phụ thuộc vào diễn biến tình hình thị trường chứng khoán tại thời điểm chính thức chào bán, tâm lý của các nhà đầu tư cũng như tính hấp dẫn của cổ phần Công ty Cổ phần PETEC Bình Định. Vì vậy, có thể có rủi ro không bán hết số cổ phần dự định chào bán. Tuy nhiên, đây là đợt chào bán nhằm chuyển quyền sở hữu cổ phần Công ty Cổ phần PETEC Bình Định do Tổng Công ty PETEC nắm giữ, không phải là đợt chào bán huy động thêm vốn, do đó trường hợp số cổ phần chào bán không bán được hết, hoạt động của Công ty Cổ phần PETEC Bình Định vẫn diễn ra liên tục và không bị ảnh hưởng.

III. CÁC KHÁI NIỆM

- BCTC:	Báo cáo tài chính
- BKS:	Ban Kiểm soát
- PETEC BIDICO, Công ty:	Công ty Cổ phần PETEC Bình Định
- PETEC, Tổng Công ty:	Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – Công ty Cổ phần
- Chào bán:	Là việc chào bán cổ phần thuộc sở hữu của Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP
- CNĐKDN:	Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
- CTCP:	Công ty Cổ phần
- ĐHĐCĐ:	Đại hội đồng cổ đông
- HĐQT:	Hội đồng quản trị
- HĐKD:	Hoạt động kinh doanh
- LNTT:	Lợi nhuận trước thuế
- LNST:	Lợi nhuận sau thuế
- TMCP:	Thương mại cổ phần
- TSCĐ:	Tài sản cố định
- VCSH:	Vốn chủ sở hữu
- VND:	Việt Nam Đồng
- USD:	Đô la Mỹ

IV. GIỚI THIỆU VỀ CỔ ĐÔNG CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

1. Thông tin sơ lược về Cổ đông

Tên: **TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ – CÔNG TY CỔ PHẦN**
Tên tiếng Anh: **PETEC TRADING AND INVESTMENT CORPORATION**
Tên viết tắt: **PETEC**
Giấy CNĐKDN: **Giấy CNĐKKD số 0300649476 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 30/07/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 30/03/2021**
Quốc tịch: **Việt Nam**
Địa chỉ trụ sở chính: **194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh**
Điện thoại: **(028) 3930 3633 – (028) 3930 3299**
Fax: **(028) 3930 5686 – (028) 39305 991**

Vốn điều lệ trên Giấy đăng ký kinh doanh: **2.600.000.000.000 đồng**

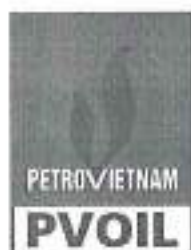
Vốn điều lệ thực góp tại ngày 31/12/2021: **2.488.774.701.456 đồng**

Vốn điều lệ thực góp của Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP có chênh lệch so với vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nguyên nhân do công tác quyết toán cổ phần hóa của PETEC đến nay vẫn chưa hoàn thành, chưa có biên bản bàn giao vốn từ Nhà nước sang công ty cổ phần, do vậy, PETEC chưa có cơ sở để điều chỉnh số lượng chứng khoán theo vốn thực góp. Một số khó khăn, vướng mắc ảnh hưởng đến tiến độ quyết toán cổ phần hóa của PETEC được nêu cụ thể như sau:

- Xử lý khoản bù lỗ xăng dầu của Bộ Tài Chính giai đoạn 2007-2008;
- Xử lý lỗ giai đoạn từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa đến thời điểm chuyển sang công ty cổ phần;
- Định giá tài sản tại Xí nghiệp xăng dầu Cát Lái.

Ngoài 3 khó khăn, vướng mắc chính như trên, việc quyết toán cổ phần hóa của PETEC còn một số vấn đề về xử lý các khoản chi phí loại trừ khi xác định thu nhập chịu thuế theo biên bản quyết toán thuế; chênh lệch chi phí cổ phần hóa thực tế so với quy định và việc xử lý tài chính đối với Quỹ khen thưởng phúc lợi, phân phối lợi nhuận của PETEC. Đối với các vấn đề này, hàng năm PETEC vẫn tiếp tục làm việc và báo cáo với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để có thể hoàn tất việc quyết toán cổ phần hóa.

Logo:



❖ **Ngành nghề kinh doanh chính:**

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan.
Chi tiết: Xuất nhập khẩu, tổ chức kênh bán buôn xăng dầu.
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.
Chi tiết: Xuất nhập khẩu thiết bị toàn bộ, máy móc và thiết bị lẻ.
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu.

Chi tiết: Xuất nhập khẩu phân bón.

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

Chi tiết: Cung cấp dịch vụ hàng hải (đại lý tải biển, cung cấp nhiên liệu, thực phẩm và các dịch vụ khác).

- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh.

Chi tiết: Bán lẻ xăng dầu.

- Đại lý, môi giới, đấu giá.

Chi tiết: Đại lý tiêu thụ hàng hóa.

- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa, động vật sống).

Chi tiết: Xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm, thủy hải sản.

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

Chi tiết: Kinh doanh vận tải xăng dầu đường bộ.

- Vận tải hàng hóa đường thủy nội bộ.

Chi tiết: Kinh doanh vận tải xăng dầu đường thủy.

- Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế.

(Không hoạt động tại trụ sở)

- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác.

Chi tiết: Xuất nhập khẩu phương tiện vận tải.

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Chi tiết: Kinh doanh bất động sản.

Ngày 31/05/2013, Bộ Công thương đã ban hành Công văn số 3548/QĐ-BCT thu hồi Giấy phép kinh doanh xuất nhập khẩu xăng dầu của Công ty. Theo đó, Công ty không còn là thương nhân đầu mối nhập khẩu xăng dầu theo Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/09/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Trần Văn Dưỡng** Chức vụ: Tổng Giám đốc

2. Mọi quan hệ giữa Cổ đông với Công ty đại chúng có cổ phiếu được chào bán

Tổng Công ty Thương Mại Kỹ Thuật và Đầu Tư – CTCP là cổ đông lớn của Công ty Cổ phần PETEC Bình Định.

Hiện tại, Tổng Công ty Thương Mại Kỹ Thuật và Đầu Tư – CTCP đang sở hữu 1.274.064 cổ phần phổ thông, chiếm 31,54% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty Cổ phần PETEC Bình Định. Tỷ lệ biểu quyết hiện tại: 31,54%. Tổng Công ty Thương Mại Kỹ Thuật và Đầu Tư – CTCP chào bán toàn bộ 1.274.064 cổ phiếu tự do chuyển nhượng đang nắm giữ, tương đương tỷ lệ cổ phiếu chào bán/cổ phiếu tự do chuyển nhượng đang sở hữu là 100%.

3. Mọi quan hệ giữa PEG với cổ đông sáng lập, cổ đông lớn, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc của GCB và người có liên quan

Không có

4. Thông tin về sở hữu của những người có liên quan của PEG tại GCB

4.1. Nguyễn Thanh Hải – Phó tổng giám đốc

Số lượng cổ phần đang sở hữu (Cổ phiếu)	Loại cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết hiện tại	Tỷ lệ biểu quyết dự kiến sau đợt chào bán
916	Cổ phần phổ thông	0,07%	0,07%	0,07%

4.2. Nguyễn Thu Phong – Phó tổng giám đốc

Số lượng cổ phiếu đang sở hữu (Cổ phiếu)	Loại cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết hiện tại	Tỷ lệ biểu quyết dự kiến sau đợt chào bán
3.009	Cổ phần phổ thông	0,02%	0,02%	0,02%

5. Thông tin về hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa PEG và những người có liên quan với GCB: không có

V. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG CÓ CỔ PHIẾU ĐƯỢC CHÀO BÁN

1. Thông tin chung về Công ty đại chúng

Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN PETEC BÌNH ĐỊNH**
 Tên tiếng Anh: **PETEC BINH DINH JOINT STOCK COMPANY**
 Tên viết tắt: **PETEC BIDICO**
 Trụ sở chính: 389 Trần Hưng Đạo, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
 Điện thoại: (056) 3822 233
 Fax: (056) 3823 863
 Giấy CNĐKDN: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3503000014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 15/05/2001 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 14 vào ngày 05/07/2022 với mã số doanh nghiệp là 4100406219.

Vốn điều lệ đăng ký: **40.391.470.000 đồng**

Vốn điều lệ thực góp tại ngày 31/12/2021: **40.391.470.000 đồng**

Logo:



Công ty Cổ phần PETEC Bình Định là công ty cổ phần đã đăng ký giao dịch Upcom trên thị trường chứng khoán (Mã Chứng khoán GCB).

❖ Quá trình hình thành và phát triển

Tiền thân của Công ty Cổ phần PETEC Bình Định là Công ty Thương nghiệp Tổng hợp Bình Định.

Thực hiện theo Nghị định số 338/CP của Chính Phủ về việc sắp xếp lại các doanh nghiệp Nhà nước, được sự đồng ý của Bộ Thương Mại: Công ty Thương nghiệp Tổng hợp Bình Định được thành lập ngày

21/03/1991 theo Quyết định số 290/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Bình Định trên cơ sở hợp nhất giữa hai đơn vị là: Công ty Công nghệ phẩm Bình Định và Công ty Vật liệu xây dựng Chất đốt Bình Định dưới sự chỉ đạo và quản lý trực tiếp của Sở Thương Mại và Du lịch Bình Định.

Ngày 14/05/2001, UBND tỉnh Bình Định có Quyết định số 35/2001/QĐ-UB về việc chuyển Công ty Thương nghiệp Tổng hợp Bình Định thành Công ty Cổ phần Thương mại Bình Định, với vốn điều lệ là: 7.319.400.000 đồng. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2007 (ngày 14/04/2007), đã thông qua và thống nhất đổi tên từ Công ty Cổ phần Thương mại Bình Định (viết tắt là BITRACO) thành Công ty Cổ phần PETEC Bình Định (tên viết tắt là PETEC BIDICO), đồng thời, tăng vốn điều lệ từ 15.000.000.000 đồng lên thành 30.600.000.000 đồng (tức tăng 104%), tương đương 3.060.000 cổ phần.

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 (ngày 18/5/2016), đã thông qua phương án tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu từ 30.600.000.000 đồng lên thành 40.391.470.000 đồng (tức tăng 32%), tương đương 4.039.147 cổ phần.

❖ **Ngành nghề kinh doanh chính:**

Kinh doanh vận tải đường thủy, đường bộ bao gồm: vận chuyển khách du lịch, vận chuyển hàng hóa. Kinh doanh dịch vụ và mua bán sản phẩm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông. Chế biến thực phẩm đồ hộp, nông, lâm, thủy, hải sản.

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan.
Chi tiết: Mua bán xăng dầu, mỡ phụ, khí dầu mỏ hóa lỏng và các chế phẩm từ dầu mỏ.
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng.
Chi tiết: Sản xuất nước uống tinh khiết, nước giải khát đóng chai.
- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú).
Chi tiết: Sản xuất, gia công hàng may mặc.
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.
Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất.
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh.
Chi tiết: Bán lẻ xăng dầu và các sản phẩm liên quan.
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu.
Chi tiết: Mua bán hóa chất, phân bón, vật tư công, nông, ngư nghiệp, nguyên vật liệu phi kim loại.
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp.
Chi tiết: Mua bán hàng công nghệ phẩm, sữa và các sản phẩm từ sữa, nước giải khát, thuốc lá, rượu, bia, mỹ phẩm, hàng thủ công mỹ nghệ.
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh.
Chi tiết: Bán lẻ xăng dầu và các sản phẩm liên quan.
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác.
Chi tiết: Mua bán phương tiện vận tải.
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy.
- Bán mô tô, xe máy.
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống.
Chi tiết: Mua bán thức ăn gia súc, hàng nông sản.
- Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo.
Chi tiết: Bán buôn thuốc lá.

C. T.
Đ. T. V.
(M. H. U.)
C. K. H. O.
N. H. A. N. G.
S. A. T. C. O.
T. H. U. O. C.
N. A. M.
N. A. M.
C. H. O. C.

- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông.
Chi tiết: Mua bán hàng điện tử, viễn thông.
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.
Chi tiết: Mua bán máy móc, dây chuyền thiết bị đồng bộ. Mua bán hàng điện lạnh công nghiệp.
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại.
Chi tiết: Tổ chức hội thảo, hội nghị, triển lãm quốc tế.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
Chi tiết: kinh doanh bất động sản, đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng đô thị, khu công nghiệp; cho thuê văn phòng, cửa hàng, ki ốt.
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.
Chi tiết: Tư vấn, lập dự án đầu tư mua sắm, đổi mới thiết bị công nghệ, lập hồ sơ mời thầu, đấu thầu, và chọn thầu mua sắm thiết bị công nghệ.
- Điều hành tua du lịch.
Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ du lịch, lữ hành nội địa và quốc tế.
- Khách sạn.
- Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống.

2. Danh sách cổ đông lớn:

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu
1	Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP	1.274.064 cổ phiếu	31,54%

3. Cơ cấu tổ chức của Công ty đại chúng

Cơ cấu tổ chức của Công ty Cổ phần PETEC Bình Định như sau:



Nguồn: PETEC BIDICO

4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Công ty đại chúng

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty và tất cả các cổ đông có quyền bỏ phiếu đều được tham dự. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần.

Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến loại cổ phần và số lượng cổ phần của từng loại; thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty; tổ chức lại, giải thể Công ty; dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty phải được thông qua bởi từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông. Các trường hợp còn lại, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông qua bởi từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng quản trị

Được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) bầu ra gồm 4 (bốn) thành viên với nhiệm kỳ là 5 (năm) năm. Các thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với nhiệm kỳ không hạn chế. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông Công ty. Hội đồng quản trị bầu ra 1 (một) chủ tịch. Hội đồng quản trị quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh mang tính chiến lược tổng quát và đảm bảo các kế hoạch được thực hiện thông qua Ban Tổng Giám Đốc. Bên cạnh đó Ban Kiểm soát cũng là một cơ quan quản trị với nhiệm vụ thay mặt Đại hội đồng cổ đông kiểm tra, giám sát, theo dõi mọi hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành cũng như báo cáo và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và pháp luật.

Ban Kiểm soát

Được Đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm 03 (ba) thành viên. Ban Kiểm soát là cơ quan quản trị có nhiệm vụ thay mặt ĐHĐCĐ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong hoạt động quản lý của Hội đồng quản trị, hoạt động điều hành kinh doanh của Ban Giám đốc; trong ghi chép sổ kế toán và báo cáo tài chính, cũng như báo cáo và chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật.

Ban Giám đốc

Ban tổng giám đốc gồm 3 thành viên, 01 Tổng giám đốc, 02 Phó Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm là cơ quan tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo mục tiêu định hướng, kế hoạch mà HĐQT, ĐHĐCĐ đã thông qua. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm hoàn toàn các hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh hàng ngày của công ty, giúp việc cho Tổng Giám đốc là các Phó Tổng giám đốc. Tổng Giám đốc công ty sẽ căn cứ vào khả năng và nhu cầu quản lý để thực hiện việc ủy quyền một số quyền hạn nhất định cho các thành viên trong Ban Tổng Giám đốc về những công việc điều hành chuyên môn.

Dựa trên quy mô, ngành nghề và thị trường, cơ cấu tổ chức của Công ty hiện nay được phân chia theo chức năng, bao gồm:

- Ban Tổng Giám đốc công ty;
- Phòng Tài chính – Kế toán;
- Phòng Tổ chức – Hành chính;
- Phòng Kế hoạch & Đầu tư;
- Phòng Kinh doanh tổng hợp;
- Phòng Kinh doanh xăng dầu;
- Xí nghiệp Chế biến và Kinh doanh hàng tiêu dùng (kinh doanh hàng công nghệ phẩm).

Đứng đầu các bộ phận này là các Trưởng phòng, Giám đốc Xí nghiệp và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Tổng Giám đốc. Ngoài ra, trong công ty còn có các tổ chức đoàn thể chính trị Chi bộ, Công đoàn và Đoàn thanh niên hoạt động trên cơ sở luật pháp của Nhà Nước và Điều lệ của các tổ chức này.

5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Công ty đại chúng

Không có.

6. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty đại chúng theo quy định pháp luật: 0%.
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty đại chúng theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định tại Điều lệ công ty: không quy định.
- Theo số liệu về tỷ lệ sở hữu nước ngoài do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam công bố ngày 21/03/2022, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty Cổ phần PETEC Bình Định hiện tại: 0%.

7. Hoạt động kinh doanh

Công ty Cổ phần PETEC Bình Định hoạt động trong lĩnh vực thương mại với nhiều ngành nghề kinh doanh đa dạng trong đó hai lĩnh vực chiếm tỷ trọng lớn trong doanh thu đó là kinh doanh xăng dầu và kinh doanh xi măng. Công ty chủ yếu hoạt động tại tỉnh Bình Định, Phú Yên và các tỉnh Tây Nguyên.

7.1. Các sản phẩm và dịch vụ chính

❖ Kinh doanh xăng dầu

Công ty có hai mảng kinh doanh chính: bán buôn và bán lẻ. Về mảng bán lẻ, công ty có hệ thống các cửa hàng bán lẻ xăng dầu tại Bình Định với hơn 40 đại lý, cung cấp 3 triệu lít dầu mỗi tháng.

❖ Kinh doanh xi măng

Công ty có hệ thống các sản phẩm xi măng bao gồm: xi măng Nghi Sơn, xi măng Hoàng Long, xi măng Phúc Sơn. Xi măng Phúc Sơn được sản xuất trên hệ thống máy nghiền thể hệ mới của Loesche – Cộng hòa liên bang Đức kết hợp với công nghệ sản xuất tiên tiến, nhờ vậy luôn đạt được những đặc tính vượt trội.

❖ Kinh doanh ngành nghề khác

Mảng kinh doanh các tài sản khai thác cho thuê tài sản trên đất (cửa hàng, nhà xưởng,...) hợp tác kinh doanh.

7.2. Cơ cấu doanh thu qua các năm

Bảng 1: Cơ cấu doanh thu 02 năm gần nhất của GCB

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020		Năm 2021		6 tháng năm 2022	
	Giá trị	Tỷ trọng/DTT	Giá trị	Tỷ trọng/DTT	Giá trị	Tỷ trọng/DTT
Doanh thu kinh doanh xi măng	188.999	45,20%	137.151	47,36%	71.083	27,3%
Doanh thu kinh doanh xăng dầu	225.743	61,17%	149.540	51,64%	94.410	36,3%
Doanh thu cho thuê nhà, kho bãi	166	0,04%	197	0,07%	62	0,02%
Doanh thu từ hợp tác kinh doanh	2.654	0,63%	2.707	0,93%	2.189	0,84%
Doanh thu kinh doanh thực phẩm	0	0	0	0	92.321	35,49%

Chỉ tiêu	Năm 2020		Năm 2021		6 tháng năm 2022	
	Giá trị	Tỷ trọng/DTT	Giá trị	Tỷ trọng/DTT	Giá trị	Tỷ trọng/DTT
Doanh thu khác	538	0,13%	0	0%	0	0
Tổng cộng	418.100	100%	289.594	100%	260.067	100%

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2020 và 2021 của PETEC BIDICO

7.3. Cơ cấu lợi nhuận gộp qua các năm

Bảng 2: Cơ cấu lợi nhuận gộp 02 năm gần nhất của GCB

Chỉ tiêu	Năm 2020		Năm 2021		6 tháng Năm 2022	
	Giá trị	Biên lợi nhuận	Giá trị	Biên lợi nhuận	Giá trị	Biên lợi nhuận
Lợi nhuận gộp kinh doanh xi măng	18.615	4,45%	15.971	5,51%	8.023	3%
Lợi nhuận gộp kinh doanh xăng dầu	9.257	9,39%	9.896	3,42%	5.474	2%
Lợi nhuận gộp cho thuê nhà, kho bãi	166	0,04%	197	0,07%	62	0,02%
Lợi nhuận gộp từ hợp tác kinh doanh	2.174	0,52%	2.057	0,71%	1.754	1%
Lợi nhuận gộp bán thực phẩm	0	0	0	0	328	0,12%
Lợi nhuận gộp khác	538	0,13%	0	0%	0	0
Tổng cộng	30.751	7,35%	28.120	9,71%	15.641	5,99%

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2020 và 2021; BCTC 6 tháng 2022 (đã soát xét) của PETEC BIDICO

8. Kết quả hoạt động kinh doanh

Bảng 3: Tóm tắt kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	%+/- 2021/2020	6 tháng Năm 2022
Tổng giá trị tài sản	88.046	81.055	-7,9%	160.500

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	%+/- 2021/2020	6 tháng Năm 2022
Doanh thu thuần	418.100	289.594	-30,7%	260.038
Lợi nhuận gộp	30.750	28.120	-8,5%	15.611
Lợi nhuận từ HĐKD	(564)	753	+233,5%	2.225
Lợi nhuận khác	1.889	3.684	+95%	230
Lợi nhuận trước thuế	1.324	4.438	+235,1%	2.456
Lợi nhuận sau thuế	1.033	3.537	+242,4%	1.937
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0	0	0	0
Tỷ lệ trả cổ tức	0%	0%	0%	0

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020, 2021 và BCTC 6 tháng năm 2022 (đã soát xét) của PETEC BIDICO

Trong năm 2020, do diễn biến phức tạp từ dịch bệnh Covid và sức ép cạnh tranh trên thị trường, cùng chi phí đầu vào ngày càng cao đã tạo áp lực rất lớn lên hoạt động kinh doanh chung của Công ty. Riêng đối với ngành hàng xăng dầu, mảng kinh doanh bán buôn có sự sụt giảm lớn do Trạm trung chuyển dầu không thể hoạt động. Việc này xuất phát từ Cảng Quy Nhơn thu hồi kho trên bờ tại Cảng Quy Nhơn, mảng kinh doanh bán buôn có mức giảm khá lớn – chỉ đạt 50% sản lượng so với kế hoạch do không thể khai thác được kho dầu An Phú dẫn đến Công ty không thể nhập hàng bằng đường biển, phải vận chuyển hàng bằng đường bộ, làm tăng đáng kể chi phí, hiệu quả tính trên đầu lít giảm hơn 50% so với cùng kỳ năm trước. Mảng kinh doanh bán lẻ có sự nỗ lực lớn trong bối cảnh nhu cầu thị trường sụt giảm (tổng sản lượng bán ra vượt 52% so với kế hoạch đề ra, tương đương năm 2019 – thời điểm trước dịch bệnh Covid). Mặc dù ngành xi-măng đã có những nỗ lực, song do cạnh tranh gay gắt, trở ngại trong vận chuyển do dịch Covid, cùng chi phí vận chuyển ngày càng tăng cao đã khiến cho hoạt động kinh doanh của nhóm hàng ngày suy giảm cả về sản lượng và lợi nhuận. Lợi nhuận nhóm hàng này năm 2020 không đạt được mục tiêu đề ra, trong đó sản lượng bán ra năm 2020 là 148 ngàn tấn, chỉ đạt 84% kế hoạch, giảm 28% so với cùng kỳ năm trước). Tình hình dịch bệnh đã tác động rất lớn đến khả năng hoạt động kinh doanh của mảng kinh doanh dịch vụ khai thác tài sản trên đất. Đến Quý III, khi dịch bệnh được kiểm soát – hoạt động kinh doanh khai thác mặt bằng của Công ty bắt đầu có sự phục hồi. Nhìn chung với sự cố gắng lớn, hoạt động kinh doanh của mảng dịch vụ này đạt 90% kế hoạch đề ra của năm.

Năm 2021, đại dịch tiếp tục gây ra nhiều khó khăn khi doanh thu không đạt được như kế hoạch.

– Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập (nếu có): không có.

9. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 4: Các chỉ tiêu tài chính cơ bản trong 02 năm gần nhất

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2020	Năm 2021
----------	-------------	----------	----------

1. Khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	2,23	3,27
- Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	2	2,78
2. Cơ cấu vốn			
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,30	0,20
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,43	0,25
3. Năng lực hoạt động			
- Vòng quay tổng tài sản: Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần/năm	4,36	3,43
- Vòng quay vốn lưu động: Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân	Lần/năm	6,24	5,27
- Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	Lần/năm	56,03	37,45
4. Khả năng sinh lời			
- Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS): Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,25	1,22
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA): Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	1,08	4,18
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE): Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	1,64	5,61
- Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng	182	876

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020 và 2021 của PETEC BIDICO

– Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập (nếu có): không có

10. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Công ty đại chúng

10.1. Về báo cáo tài chính năm 2020 được kiểm toán

“Theo báo cáo tài chính kiểm toán số 495/2021/BCKT-AAC ngày 29/03/2021 của Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC, ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực

kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.”

10.2. Về báo cáo tài chính năm 2021 được kiểm toán

“Theo báo cáo tài chính kiểm toán số 168/2022/BCKT-AAC ngày 03/03/2022 của Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC, ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.”

11. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

Bảng 5: Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức năm 2022 của GCB

Chi tiêu	Năm 2022	
	Kế hoạch	% tăng/giảm so với năm trước
Doanh thu thuần hoặc Thu nhập lãi thuần	2.030 tỷ đồng	701%
Lợi nhuận sau thuế	20 tỷ đồng	451%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần hoặc Thu nhập lãi thuần	1%	0%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	31%	551%
Tỷ lệ cổ tức	0%	0%

11.1. Cấp có thẩm quyền thông qua kế hoạch

Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức năm 2022 của GCB đã được thông qua theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 ngày 28/06/2022.

11.2. Cơ sở xây dựng kế hoạch năm 2022

Kế hoạch Kinh doanh năm 2022 được lập trên cơ sở chương trình phục hồi kinh tế bền vững của chính phủ Việt Nam. Đối với ngành kinh doanh xăng dầu, xi măng, thực phẩm, nông nghiệp và các vật liệu xây dựng khác, đây đều là những mặt hàng thiết yếu, do đó cơ hội để phát triển trong năm 2022 là rất tiềm năng. Đối với mảng kinh doanh xi măng, công ty sẽ mở rộng thị trường rộng khắp các tỉnh thành miền Trung – Tây Nguyên, tiến tới độc quyền phân phối. Đối với mảng kinh doanh mặt bằng, công ty sẽ cho thuê đối với các chuỗi hệ thống cửa hàng danh tiếng, đảm bảo nguồn doanh thu được nâng cao.

✦ Giải pháp kinh doanh

- Về kinh doanh xi-măng: Hợp tác chặt chẽ với các mặt hàng xi măng Công ty đang độc quyền, và các mặt hàng đạt chất lượng tốt, phù hợp với thị hiếu tiêu dùng của thị trường; nghiên cứu mở rộng và ký kết làm nhà Phân phối độc quyền hoặc tổng đại lý của một số hãng xi măng khác để đa dạng hóa mặt hàng; xây dựng lại bộ phận thị trường và siết chặt công tác quản lý trong các hoạt động bốc xếp.
- Về khai thác mặt bằng: Hợp tác với các đối tác giàu tiềm năng, có thương hiệu để khai thác tối đa những vị trí đất nằm ở trung tâm; lên kế hoạch chuyển đổi, đầu tư xây dựng một số vị trí đất có thể làm tòa nhà văn phòng.
- Về kinh doanh xăng dầu: Khôi phục Giấy phép thương nhân phân phối; tái thiết lập kho trung chuyển dầu An Phú; xây dựng lại công tác quản lý ở các cửa hàng xăng dầu đảm bảo minh bạch. Tiếp tục chú trọng phát triển kênh bán lẻ, sẽ đầu tư thêm cửa hàng bán lẻ xăng dầu.

- Về quản lý sử dụng và khai thác các tài sản, cơ sở vật chất: nghiên cứu nâng cao hiệu quả quản lý sử dụng và khai thác các tài sản, cơ sở vật chất, đảm bảo đúng quy định pháp luật của Nhà nước.

✚ **Giải pháp về tài chính**

- Thường xuyên rà soát, hoàn thiện, bổ sung các quy chế như: quy chế quản lý nợ, quy chế bán hàng ... bảo đảm vừa thuận lợi cho phát triển kinh doanh vừa theo đúng quy định pháp luật của Nhà nước. Nâng cao hiệu quả quản lý tài chính, tiết kiệm chi phí.
- Đối với công tác quản lý nợ phải thu: tập trung và quyết liệt công tác thu hồi nợ, không để phát sinh thêm nợ xấu và xử lý nợ tồn đọng, nợ xấu. Nâng tỷ trọng đảm bảo an toàn công nợ bằng bảo lãnh ngân hàng/tài sản đảm bảo.
- Lập kế hoạch, cân đối nhu cầu vốn đầu tư dài hạn và vốn lưu động; xác định nhu cầu vốn hợp lý giữa các ngành hàng để phân bổ nguồn vốn và tìm kiếm nguồn tài trợ với lãi suất tốt nhất.
- Tiếp tục các phương án khai thác và sử dụng tài sản: khai thác 100% các mặt bằng, kho bãi; đối với các mặt bằng/kho bãi đang hợp tác kinh doanh/cho thuê cần đánh giá hiệu quả định kỳ; xem xét phương án đầu tư để nâng cao hiệu quả khai thác; tiếp tục cơ cấu lại các tài sản có hiệu quả khai thác chưa cao hoặc không có phương án sử dụng để thu hồi vốn đầu tư và sử dụng vốn vào các dự án có khả năng sinh lời cao hơn.

✚ **Giải pháp về tổ chức, lao động**

- Thường xuyên quan tâm củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy và nhân sự nhằm bảo đảm đáp ứng yêu cầu hoạt động kinh doanh ổn định và phát triển hiệu quả.
- Kịp thời xem xét điều chỉnh, bổ sung cơ chế điều hành, quản lý hoạt động kinh doanh bảo đảm trách nhiệm, kỷ cương, linh hoạt, phù hợp thực tế và có hiệu quả.
- Luôn nêu cao ý thức, trách nhiệm trong công tác: động viên, khuyến khích người lao động nỗ lực, sáng tạo, đoàn kết phấn đấu đưa Công ty ngày càng phát triển.
- Ban TGD ngoài việc duy trì ổn định đội ngũ lao động hiện nay còn chú trọng việc tổ chức tuyển dụng và đào tạo đội ngũ kế cận; bồi dưỡng nhân sự, đặc biệt ở khâu thị trường, và cơ cấu bộ máy quản lý tại các phòng ban/đơn vị.

11.3. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức:

Trên cơ sở thu thập thông tin, phân tích thực trạng hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính hiện nay của Công ty Cổ phần PETEC Bình Định, cùng với việc phân tích ngành, Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh cho rằng, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 là có thể đạt được nếu không chịu ảnh hưởng bởi các sự kiện bất khả kháng.

VCBS lưu ý rằng, các nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ một tổ chức tư vấn dựa trên cơ sở thông tin thu thập được có chọn lọc và cân nhắc một cách khách quan. Tuy nhiên, những nhận xét trên không hàm ý bảo đảm giá chứng khoán cũng như tính chắc chắn của các số liệu dự báo. VCBS khuyến cáo các nhà đầu tư nên tham khảo Bản cáo bạch này trước khi quyết định đầu tư.

12. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng

12.1. Hội đồng quản trị

STT	Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái nhiệm
1	Trần Trọng Bình	Chủ tịch HĐQT	28/06/2022

STT	Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái nhiệm
2	Nguyễn Thanh Hải	Thành viên HĐQT	19/06/2020
3	Ngô Minh Hải	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc	04/11/2021
4	Tăng Vũ Giang	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	28/06/2022
5	Nhữ Thị Việt Dung	Thành viên HĐQT độc lập	28/06/2022

12.1.1. TRẦN TRỌNG BÌNH – CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Năm sinh : 1976
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ học vấn : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân đại học Tài chính – Kế toán Hà Nội
- Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị, vị trí công tác
+ 1998-2005	Kế toán trưởng, giám đốc Trung tâm Nam Hải – Công ty TNHH Nam Vang
+ 2005-2010	Kế toán trưởng; Giám đốc công ty TNHH Nhật Long
+ 2010-2019	Kế toán trưởng; trưởng phòng Kinh Doanh; Phó giám đốc Công ty TNHH TM và SX Minh Việt
+ 2019 đến nay	Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính Công ty CP Tập đoàn Hoàng Minh
+ 28/06/2022 đến nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị CTCP PETEC Bình Định

- Chức vụ hiện nay tại Công ty : Chủ tịch Hội đồng quản trị CTCP PETEC Bình Định
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính Công ty CP Tập đoàn Hoàng Minh
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 0 cổ phần
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: 0%
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:

STT	Quan hệ	Họ và tên	Số lượng CP sở hữu
1	Bố đẻ	Trần Trọng Thủy	0 CP
2	Mẹ đẻ	Nguyễn Thị Nghiên	0 CP

STT	Quan hệ	Họ và tên	Số lượng CP sở hữu
3	Em ruột	Trần Trọng Thanh	0 CP
4	Em dâu	Đào Thị Phương Thảo	0 CP
5	Vợ	Dương Thị Thanh Tùng	0 CP
6	Con	Trần Ngân Hà	0 CP
7	Con	Trần Trọng Nhật Long	0 CP

- Lợi ích liên quan đối với GCB: Không có.
- Các khoản nợ đối với GCB: Không có.

12.1.2. NGUYỄN THANH HẢI – THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Năm sinh : 1963
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ học vấn : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư công nghệ khai thác dầu khí
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị, vị trí công tác
+ 01/1985 – 05/1991	Nhân viên phòng nhập khẩu thiết bị dầu khí – Công ty Xuất nhập khẩu dầu khí PETECHIM
+ 05/1991 – 08/1995	Nhân viên phòng Kinh doanh tổng hợp, Công ty Thương mại kỹ thuật và đầu tư PETEC
+ 08/1995 – 10/1995	Phó phòng Kinh doanh Tổng hợp, Công ty Cổ phần PETEC
+ 10/1995 – 02/1999	Phó phòng kinh doanh xăng dầu, Công ty PETEC
+ 02/1999 – 02/2000	Quyền trưởng phòng bán lẻ xăng dầu, Công ty PETEC
+ 02/2000 – 06/2011	Trưởng phòng bán lẻ xăng dầu, Công ty PETEC
+ 06/2011 – 08/2014	Trưởng ban đầu tư phát triển, Tổng Công ty PETEC
+ 08/2014 – 06/2017	Trợ lý Tổng Giám đốc, Tổng Công ty Thương Mại Kỹ thuật và Đầu tư PETEC
+ 06/2017 – nay	Phó Tổng Giám đốc tổng công ty PETEC
+ 19/06/2020 – nay	Thành viên Hội đồng quản trị CTCP PETEC Bình Định

- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT CTCP PETEC Bình Định
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:
 - + Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty PETEC.
 - + Chủ tịch HĐQT Công ty CP Cà phê PETEC.

- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:
 - + Đại diện cho PEG: 1.274.064 cổ phần, chiếm 31,54 % vốn điều lệ.
 - + Cá nhân sở hữu: 916 cổ phần, chiếm 0,001% vốn điều lệ.
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác:
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:

STT	Quan hệ	Họ và tên	Số lượng CP sở hữu
1	Bố	Nguyễn Văn Quảng	0 cp
2	Mẹ	Lê Thị Duệ	0 cp
3	Vợ	Nguyễn Thị Tổ Mỹ	0 cp
4	Con	Nguyễn Đức Tuấn	0 cp
5	Chị	Nguyễn Thị Thanh Thủy	0 cp
6	Anh	Nguyễn Thanh Sơn	0 cp
7	Bố vợ	Nguyễn Văn Vân	0 cp
8	Mẹ vợ	Lê Thị Nhi	0 cp
9	Anh vợ	Nguyễn Duy Khanh	0 cp

- Lợi ích liên quan đối với GCB: Không có.
- Các khoản nợ đối với GCB: Không có.

12.1.3. NGÔ MINH HẢI – THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIỂM TÓNG GIÁM ĐỐC

- Năm sinh : 1978
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ học vấn : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Công nghệ thông tin, Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị, vị trí công tác
+ 2/2002 – 10/2013	Chuyên viên Công nghệ thông tin, trưởng phòng Điện toán BIDV – Chi nhánh Phú Thọ, Đảng viên Đảng Cộng Sản Việt Nam từ 26/03/2008
+ 01/2014 – 12/2019	Ủy viên Hội đồng quản trị, phó Tổng Giám đốc Mekong Group, Tổng giám đốc Công ty cổ phần 925
+ 2020 – 10/2021	Công ty Cổ phần tập đoàn Tân Hoàng Minh (HMG)
+ 11/2021 đến nay	Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc Công ty CP PETEC Bình Định.

- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc CTCP PETEC Bình Định
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: 0%
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:

STT	Quan hệ	Họ và tên	Số lượng CP sở hữu
1	Bố	Ngô Minh Hường	0 cp
2	Mẹ	Đặng Thị Ước	0 cp
3	Em trai	Ngô Văn Hòa	0 cp
4	Vợ	Nguyễn Thị Hồng Vân	0 cp
5	Con trai	Ngô Minh Hoàng	0 cp
6	Con gái	Ngô Thủy Dung	0 cp

- Lợi ích liên quan đối với GCB: Không có.
- Các khoản nợ đối với GCB: Không có.

12.1.4. TĂNG VŨ GIANG – THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIỂM PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

- Năm sinh : 1982
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ học vấn : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ tài chính
- Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị, vị trí công tác
+ 2010 – 2017	Ủy ban Giám sát tài chính Quốc Gia
+ 2017 – 2020	Trợ lý CT HĐQT kiêm phụ trách Trung tâm khách chiến lược, Khối NHDN, Ngân hàng TMCP Quốc Dân (NCB)
+ 2020 – 2021	Chuyên gia Quản trị quan hệ công- Khối Quản trị ngân hàng, Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank)
+ 9/2021	Phó GD Ban Đầu tư, công ty CP Tập đoàn Hoàng Minh
+ 11/2021 – Nay	Phó Tổng Giám đốc CTCP PETEC Bình Định.

Thời gian	Đơn vị, vị trí công tác
+ 28/06/2022 – nay	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc CTCP PETEC Bình Định.

- Chức vụ hiện nay tại Công ty : Thành viên HĐQT CTCP PETEC Bình Định.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : không có
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: không có
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: không có
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:

STT	Quan hệ	Họ và tên	Số lượng CP sở hữu
1	Cha	Tăng Văn Bền	0 cp
2	Mẹ	Vũ Thị Hoài Đức	0 cp
3	Anh trai	Tăng Vũ Hùng	0 cp
4	Chị dâu	Nguyễn Phương Lan	0 cp
5	Vợ	Phùng Thị Thu Hiền	0 cp
6	Con gái	Tăng Vũ Hà Anh	0 cp

- Lợi ích liên quan đối với GCB: Không có.
- Các khoản nợ đối với GCB: Không có.

12.1.5. NHỮNG THỊ VIỆT DUNG – THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

- Năm sinh : 1984
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ học vấn : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tiếng Anh kỹ thuật
- Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị, vị trí công tác
+ 2008 – 2009	Phiên dịch viên tại Công ty Cổ phần Uniden Việt Nam
+ 2009	Chuyên viên Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Nam
+ 2009 – 2016	Chuyên viên Trường Đại học Công nghệ Giao Thông Vận Tải
+ 2016 – 2018	Phụ trách phòng giáo vụ tại Trường Phổ thông liên cấp Đoàn Thị Điểm Ecopark

Thời gian	Đơn vị, vị trí công tác
+ 2018	Quản lý bán hàng tại Siêu thị Qcmart
+ 07/2019 – 10/2019	Chuyên viên tại Trung tâm đào tạo bóng đá trẻ PVF
+ 2019 – Nay	Chủ tịch HĐQT Công ty Phú Khang
+ 28/06/2022 – nay	Thành viên độc lập HĐQT CTCP PETEC Bình Định

- Chức vụ hiện nay tại Công ty : Thành viên độc lập HĐQT CTCP PETEC Bình Định.
- Chức vụ hiện nay tại Tổ chức khác : Chủ tịch HĐQT Công ty Phú Khang
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 0 cổ phần, chiếm 0% số lượng cổ phần đang lưu hành.
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:

STT	Quan hệ	Họ và tên	Số lượng CP sở hữu
1	Bố ruột	Nhữ Quang Bằng	0 CP
2	Mẹ ruột	Phạm Thị Phát	0 CP
3	Chị ruột	Nhữ Thị Kim Chung	0 CP
4	Anh rể	Nguyễn Tiến Quý	0 CP
5	Chồng	Lê Cao Chiến	0 CP

- Lợi ích liên quan đối với GCB: Không có.
- Các khoản nợ đối với GCB: Không có.

12.2. Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

STT	Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái nhiệm
1	Ngô Minh Hải	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	04/11/2021
2	Tăng Vũ Giang	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc	04/11/2021
3	Nguyễn Trường Quang	Phó Tổng giám đốc	01/03/2022
4	Nguyễn Thị Bích Trâm	Kế toán trưởng	04/01/2022

12.2.1. NGÔ MINH HẢI – THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIÊM TỔNG GIÁM ĐỐC

- Như đã trình bày tại mục V.12.1.3 nêu trên

12.2.2. TĂNG VŨ GIANG – THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIỂM PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

- Như đã trình bày tại mục V.12.1.4 nêu trên.

12.2.3. NGUYỄN TRƯỜNG QUANG – PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

- Năm sinh : 1982
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ học vấn : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư xây dựng dân dụng & Công nghiệp
- Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị, vị trí công tác
Tháng 08/2006 – Tháng 01/2009	: Kỹ thuật thi công tại Công ty CP Xây dựng Hoàng Ngân
Tháng 02/2009 – Tháng 03/2010	: Tư vấn giám sát khu chung cư cao tầng tại Công ty TNHH tư vấn Nhiệt Đới
Tháng 04/2010 – Tháng 03/2013	: Ban Quản lý dự án Công ty CP Phát triển Đầu tư Xây dựng và Du lịch An Phú Thịnh
Tháng 04/2013 – Tháng 9/2021	: Giám đốc Công ty CP Phát triển Đầu tư Xây dựng và Du lịch An Phú Thịnh
Tháng 04/2013 – Tháng 9/2021	: Giám đốc Công ty CP Phát triển Đầu tư Xây dựng và Du lịch An Phú Thịnh
Ngày 10/01/2022 đến hết ngày 28/02/2022	: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Foodinco Quy Nhơn
Tháng 03/2022 – Nay	: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần PETEC Bình Định

- Chức vụ hiện nay tại Công ty : Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Không có
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 0 cổ phần, chiếm 0% số lượng cổ phần đang lưu hành.
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: không có
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có

12.2.4. NGUYỄN THỊ BÍCH TRÂM – KẾ TOÁN TRƯỞNG

- Năm sinh : 1982
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ học vấn : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ kinh tế (chuyên ngành kế toán)
- Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị, vị trí công tác
-----------	-------------------------

+ 08/2006 – 5/2014	: Công ty cổ phần PETEC Bình Định, nhân viên kế toán
+ 06/2014 đến 01/2022	: Công ty cổ phần PETEC Bình Định, Phó trưởng phòng Tài chính kế toán
Thời gian	Đơn vị, vị trí công tác
+ 01/2022 đến nay	: Công ty cổ phần PETEC Bình Định, kế toán trưởng

- Chức vụ hiện nay tại Công ty : Kế toán trưởng Công ty CP PETEC Bình Định
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Giám đốc Công ty TNHH Du lịch Trâm Anh
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 12.606 cổ phần, chiếm 0,31% số lượng cổ phần đang lưu hành.
 - + Đại diện cho PEG: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
 - + Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác:
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:

STT	Quan hệ	Họ và tên	Số lượng CP sở hữu
1	Mẹ	Bùi Thị Ngọc Trọng	0 cp
2	Em gái	Nguyễn Thị Bích Kiều	0 cp
3	Em trai	Nguyễn Hồng Quân	0 cp
4	Chồng	Phạm Tiến Thành	0 cp
5	Con	Phạm Thành Quan	0 cp
6	Con	Phạm Tấn Vinh	0 cp

- Lợi ích liên quan đối với GCB: Không có.
- Các khoản nợ đối với GCB: Không có.

12.3. Ban Kiểm soát

STT	Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái nhiệm
1	Lê Thị Ngọc	Trưởng Ban kiểm soát	28/06/2022
2	Nguyễn Văn Ánh	Thành viên Ban kiểm soát	04/11/2021
3	Hoàng Anh Tuấn	Thành viên Ban kiểm soát	19/06/2020

12.3.1. LÊ THỊ NGỌC – TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

- Năm sinh : 1979

- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ học vấn : 12/12
- Trình độ chuyên môn : thạc sỹ chuyên ngành Kinh tế tài chính ngân hàng
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị, vị trí công tác
+ 12/2001 – 04/2008	Chuyên viên Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng HUD3
+ 05/2008 – 07/2012	Chuyên viên Kiểm soát sau Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam
+ 07/2012 – 05/2022	Chuyên viên kiểm tra Kiểm soát nội bộ Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam
+ 28/06/2022 – nay	Trưởng Ban kiểm soát CTCP PETEC Bình Định

- Chức vụ hiện nay tại Công ty : Trưởng Ban Kiểm soát
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Không có
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: không có
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:

STT	Quan hệ	Họ và tên	Số lượng CP sở hữu
1	Bố ruột	Lê Anh Thụy	0 CP
2	Mẹ ruột	Đặng Thị Bình	0 CP
3	Con	Vũ Gia Bách	0 CP
4	Chồng	Vũ Trần Hùng	0 CP
5	Em gái	Lê Thị Lan	0 CP
6	Em gái	Lê Thu Trang	0 CP
7	Em trai	Lê Xuân Trường	0 CP

- Lợi ích liên quan đối với GCB: Không có.
- Các khoản nợ đối với GCB: Không có.

12.3.2. NGUYỄN VĂN ÁNH – THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

- Năm sinh : 1965
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ học vấn : 12/12

- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị, vị trí công tác
+ Từ 1994 – 2002	: Kế toán trưởng XN Công ty Cổ phần PETEC Bình Định
+ Từ 2003 – 2008	: Giám đốc XN Công ty Cổ phần PETEC Bình Định
+ Từ 2009 – 2010	: Trưởng phòng Phòng Xăng Dầu Công ty Cổ phần PETEC Bình Định
+ Từ 2011 – 2015	: Giám đốc XN CBTP Quy Nhơn Công ty Cổ phần PETEC Bình Định
+ Từ 2016 – 2020	: Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần PETEC Bình Định
+ Từ 04/11/2021 – nay	: Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần PETEC Bình Định

- Chức vụ hiện nay tại Công ty : Thành viên Ban Kiểm soát.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Không
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 5.000 cổ phần, chiếm 0,1% số lượng cổ phần đang lưu hành.
 + Đại diện cho PEG: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% số lượng cổ phần đang lưu hành
 + Cá nhân sở hữu: 5.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,1% số lượng cổ phần đang lưu hành
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: không có
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:

STT	Quan hệ	Họ và tên	Số lượng CP sở hữu
1	Vợ	Nguyễn Thị Huyền Vy	0 cp
2	Con	Nguyễn Thanh Nguyên	0 cp
3	Con	Nguyễn Thị Thanh Ngân	0 cp

- Lợi ích liên quan đối với GCB: Không có.
- Các khoản nợ đối với GCB: Không có.

12.3.3. HOÀNG ANH TUẤN – THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

- Năm sinh : 1974
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ học vấn : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Tài chính doanh nghiệp

– Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị, vị trí công tác
+ Từ 07/2008 – 04/2012	Kế toán trưởng Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Thạch Quang
+ Từ 05/2012 – 06/2016	Chuyên viên ban Kiểm soát nội bộ, P. TCKT, P. PCTT Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP
+ Từ 07/2016 – 01/2019	Phó phòng P. TCKT và P. PCTT Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP
+ Từ 02/2019 – nay	Thành viên Ban Kiểm soát Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP
+ Từ 06/2020 – nay	Thành viên Ban Kiểm soát CTCP PETEC Bình Định

- Chức vụ hiện nay tại Công ty: : Thành viên Ban Kiểm soát.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: : + CTCP Bất động sản và Kỹ thuật Xăng Dầu: Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc
+ CTCP Kho vận PETEC: Thành viên Ban kiểm soát
+ Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP: Thành viên Ban kiểm soát
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 0 cổ phần, chiếm 0% số lượng cổ phần đang lưu hành.
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: không có
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:

STT	Quan hệ	Họ và tên	Số lượng CP sở hữu
1	Cha	Hoàng Văn Hòa	0 cp
2	Mẹ	Nguyễn Thị Nhiệm	0 cp
3	Vợ	Võ Văn Hạnh	0 cp
4	Con	Hoàng Minh Trí	0 cp
5	Con	Hoàng Phương Anh	0 cp
6	Chị	Hoàng Minh Trang	0 cp
7	Chị	Hoàng Thị Kim Loan	0 cp
8	Em	Hoàng Thị Thanh Xuân	0 cp

- Lợi ích liên quan đối với GCB: Không có.
- Các khoản nợ đối với GCB: Không có.

13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty đại chúng có cổ phiếu được chào bán

Không có.

14. Các thông tin, tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty đại chúng có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty cổ phần PETEC Bình Định, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán.

Không có.

<Phần còn lại của bản cáo bạch được cố ý để trống>

VI. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

1. **Loại cổ phiếu:** Cổ phiếu phổ thông, tự do chuyển nhượng.
2. **Mệnh giá:** 10.000 VND/cổ phiếu (Bằng chữ: Mười nghìn đồng mỗi cổ phiếu).
3. **Tổng số cổ phiếu chào bán:** 1.274.064 cổ phần (chiếm tỷ lệ 31,54% tổng số cổ phần đang lưu hành).
4. **Tỷ lệ số lượng cổ phiếu chào bán/tổng số lượng cổ phiếu thuộc sở hữu của Cổ đông:** chiếm 100% tổng số cổ phiếu thuộc sở hữu của Cổ đông.
5. **Tỷ lệ số lượng cổ phiếu chào bán/tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty đại chúng:** chiếm 31,54% tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty Cổ phần PETEC Bình Định.
6. **Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá:** 12.740.640.000 đồng.
7. **Giá khởi điểm chào bán:**
 - Bán đấu giá công khai theo lô (01 lô cổ phiếu tương đương 1.274.064 cổ phiếu) 1.274.064 cổ phiếu với mức giá khởi điểm 26.010 đồng/cổ phiếu;
 - Giá khởi điểm chào bán cho 01 lô cổ phiếu: là 33.138.404.640 đồng/lô cổ phiếu.
8. **Nguyên tắc xác định giá chào bán**

Theo báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021 và Báo cáo tài chính soát xét 6 tháng đầu năm 2022 của CTCP PETEC Bình Định:

- Giá trị sổ sách tại 31/12/2021: 15.999 đồng/cổ phiếu
- Giá trị sổ sách tại 30/06/2022: 16.404 đồng/cổ phiếu

Giá giao dịch bình quân của cổ phiếu GCB trong vòng 30 phiên giao dịch gần nhất (từ 16/05/2022 đến hết 24/06/2022): 18.553 đồng/cổ phiếu

Tuy nhiên, giá trị một cổ phiếu GCB được xác định tại chứng thư thẩm định giá được PETEC xem xét là hợp lý. Do vậy mức giá khởi điểm bán đấu giá cổ phiếu của PETEC BIDICO thuộc sở hữu của PETEC được tính dựa trên các căn cứ:

- (i) Chứng thư thẩm định số 011/DN.21PNVC ngày 31 tháng 12 năm 2021 do Công ty TNHH Tư vấn và Thẩm định giá Phương Nam ban hành (là đơn vị có chức năng thẩm định giá đã được Bộ Tài Chính cấp giấy phép).
Giá trị một cổ phiếu GCB được xác định là: 26.008 đồng/cổ phiếu.
- (ii) Theo Nghị quyết số 001089/NQ-PTC ngày 18/3/2022 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP về việc phê duyệt phương án thực hiện đấu giá cổ phần của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần PETEC Bình Định.

9. Phương thức phân phối

Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP thực hiện chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần PETEC Bình Định thông qua phương thức đấu giá công khai theo lô tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Số lượng lô cổ phiếu chào bán: 01 lô.

Số lượng cổ phiếu chào bán một lô: 1.274.064 cổ phiếu.

Tổ chức bán đấu giá có trách nhiệm:

- Yêu cầu PEG cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin về bán đấu giá cổ phiếu theo quy định;

- Cử đại diện tham gia Hội đồng bán đấu giá và tham gia kiểm tra, giám sát hoạt động bán đấu giá theo quy định của quy chế và các quy định hiện hành;
- Nhập lệnh tại Tổ chức thực hiện bán đấu giá;
- Thông báo về việc đăng ký làm đại lý đấu giá cho các công ty chứng khoán trước khi thực hiện công bố thông tin liên quan đến việc bán đấu giá theo quy định. Ký hợp đồng đại lý đấu giá với Đại lý đấu giá;
- Thống nhất với PEG về thời gian, địa điểm tổ chức đấu giá theo đúng quy định;
- Thực hiện thông báo và công bố thông tin theo Quy chế bán đấu giá cổ phiếu;
- Kiểm tra giám sát việc công bố thông tin theo Quy chế bán đấu giá và các vấn đề liên quan khác;
- Tổng hợp, đối chiếu giữa kết quả đăng ký với số lượng đăng ký trên hệ thống và số tiền đặt cọc thực nộp sau khi kết thúc thời hạn đăng ký của nhà đầu tư. Thông báo công khai tại nơi bán đấu giá và trên các phương tiện thông tin của Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phiếu về tổng số nhà đầu tư tham gia và tổng số cổ phần đăng ký mua (phân theo tổ chức và cá nhân) chậm nhất hai (02) ngày làm việc trước ngày dự kiến tổ chức đấu giá;
- Giữ bí mật về giá đặt mua của các nhà đầu tư cho đến khi công bố kết quả chính thức;
- Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phiếu và chịu trách nhiệm về việc xác định kết quả đấu giá theo quy định;
- Đồng ký Biên bản xác định kết quả đấu giá theo Quy chế đấu giá;
- Phối hợp với PEG công bố kết quả đấu giá cổ phiếu, hoàn trả tiền đặt cọc cho nhà đầu tư tham dự đấu giá hợp lệ nhưng không trúng đấu giá theo Quy chế bán đấu giá cổ phiếu và thu tiền mua cổ phiếu;
- Gửi kết quả đấu giá cho các Đại lý đấu giá;
- Chuyển tiền đặt cọc của nhà đầu tư tham gia đấu giá không hợp lệ (vi phạm quy chế đấu giá) vào tài khoản nhận tiền thu từ chuyển nhượng vốn theo quy định;
- Chuyển tiền thu từ bán cổ phần về tài khoản nhận tiền thu từ chuyển nhượng vốn theo quy định;
- Chuyển giao toàn bộ hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá của nhà đầu tư cho PEG trong vòng mười (10) ngày kể từ ngày hết hạn nộp tiền thanh toán mua cổ phần của nhà đầu tư;
- Thực hiện các hoạt động khác có liên quan đến bán đấu giá cổ phiếu;
- Đối tượng chào bán: các nhà đầu tư trong nước.

10. Đăng ký mua cổ phiếu

Sau khi được UBCKNN chấp thuận và theo quy định tại Quy chế đấu giá cổ phiếu của Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP tại Công ty Cổ phần PETEC Bình Định ban hành.

- Số lượng cổ phiếu đăng ký mua, phương án xử lý trong trường hợp đấu giá công khai không thành công: Căn cứ Nghị quyết HĐQT số 001958/NQ-PTC ngày 12/05/2022, trong trường hợp đợt đấu giá không thành công, Hội đồng quản trị sẽ báo cáo kết quả đấu giá lên Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP và sẽ xem xét thực hiện thoái vốn tại một thời điểm khác khi điều kiện thích hợp, tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.
- Thời gian đăng ký mua cổ phiếu: được quy định tại Quy chế đấu giá cổ phiếu của Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP tại Công ty Cổ phần PETEC Bình Định, đảm bảo thời gian đăng ký mua cổ phần cho nhà đầu tư tối thiểu 20 ngày theo đúng quy định.
- Phương thức thanh toán tiền đăng ký mua cổ phiếu được thực hiện theo Quy chế đấu giá cổ phiếu của Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP tại Công ty Cổ phần PETEC Bình Định.

- Chuyển giao cổ phiếu: toàn bộ số lượng cổ phiếu bán thành công sẽ chuyển giao cho nhà đầu tư sau khi Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP báo cáo kết quả chào bán cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

11. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu

Thời gian phân phối cổ phiếu được thực hiện sau khi UBCKNN cấp giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng nhưng không được vượt quá 90 ngày kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký chào bán do UBCKNN cấp có hiệu lực. Trong trường hợp kết thúc 90 ngày nhưng Công ty cần thêm thời gian để phân phối cổ phiếu, Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP sẽ xin Ủy ban chứng khoán Nhà nước gia hạn thêm thời gian chào bán cổ phiếu nhưng không quá 30 ngày.

STT	Nội dung công việc	Thời gian dự kiến
1	Giấy chứng nhận đăng ký chào bán do UBCKNN cấp có hiệu lực	D
2	Công bố thông tin về việc chào bán cổ phiếu ra công chúng sau khi có Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định	D + 1 đến D + 7
3	Nộp hồ sơ đề nghị tổ chức chào bán cổ phiếu ra công chúng thông qua đấu giá tại SGDCK TP.HCM, thống nhất lộ trình chào bán, hoàn thiện hồ sơ chào bán.	D + 1 đến D + 6
4	Công bố thông tin về đợt chào bán chứng khoán ra công chúng	D + 7 đến D + 9
5	Nhà đầu tư đăng ký và nộp tiền đặt cọc	D + 10 đến D + 30
6	Tổ chức buổi đấu giá chứng khoán ra công chúng	D + 32
7	Thông báo kết quả đấu giá và thu tiền mua cổ phần theo kết quả đấu giá	D + 33 đến D + 37
8	SGDCK TP.HCM chuyển tiền thu được từ bán đấu giá cổ phiếu GCB cho PETEC	D + 38
9	Gửi báo cáo kết quả chào bán cổ phần cho UBCKNN Chuyển giao cổ phần cho nhà đầu tư mua thành công	D + 39 đến D + 47

12. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

- Số tài khoản: 108000180042
- Chủ tài khoản: Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – Công ty Cổ phần
- Ngân hàng mở tài khoản: Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh.

13. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt chào bán cổ phiếu của Cổ đông

Không có.

14. Biện pháp bảo đảm tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty Cổ phần PETEC Bình Định được xác định là 0% căn cứ theo Công văn số 2268/UBCK-PTTT ngày 25 tháng 04 năm 2022 về việc hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của CTCP PETEC Bình Định.
- Tại thời điểm ngày 05/10/2021, số lượng cổ phần sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty Cổ phần PETEC Bình Định là 0 cổ phần, tương ứng 0%. Vì vậy, Nhà đầu tư nước ngoài không được

tham gia mua cổ phần chào bán đầu giá của Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – Công ty Cổ phần tại Công ty Cổ phần PETEC Bình Định trong đợt chào bán này.

- Căn cứ Nghị quyết HĐQT của Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – Công ty Cổ phần số 001769/NQ-PTC ngày 29/04/2022 về việc điều chỉnh đối tượng tham gia mua cổ phiếu chào bán của Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – Công ty Cổ phần tại CTCP PETEC Bình Định, đối tượng tham gia mua cổ phần là các nhà đầu tư trong nước nên không làm thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty Cổ phần PETEC Bình Định. Do đó, đợt chào bán này của PETEC vẫn đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại CTCP PETEC Bình Định đã được UBCKNN chấp thuận tại công văn số 2268/UBCK-PTT ngày 25/04/2022.

15. Các loại thuế có liên quan (thuế thu nhập và các thuế khác liên quan đến cổ phần chào bán)

Căn cứ Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, tại Điều 15, Chương IV: “Doanh nghiệp có thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán thì khoản thu nhập này được xác định là khoản thu nhập khác và kê khai vào thu nhập chịu thuế khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

VII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Căn cứ Công văn số 2052/DVN-KH ngày 06/04/2018 của Tổng Công ty Dầu Việt Nam về việc thông qua chủ trương thoái vốn của Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – Công ty Cổ phần;

Căn cứ Công văn số 8365/DVN-KH ngày 04/12/2019 của Tổng Công ty Dầu Việt Nam về việc thoái toàn bộ vốn của PETEC tại PETEC Bình Định;

Căn cứ Tờ trình số 1070/TTr-PTC ngày 17/03/2022 của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP.

Mục đích của việc chào bán cổ phần của Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – Công ty Cổ phần tại Công ty Cổ phần PETEC Bình Định nhằm thực hiện tái cơ cấu Tổng Công ty, theo đó thực hiện thoái vốn tại các doanh nghiệp ngoài ngành hoặc các doanh nghiệp mà Tổng Công ty không cần nắm giữ cổ phần.

Đợt chào bán này không phải là đợt chào bán để huy động vốn và không làm tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần PETEC Bình Định.

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

✦ TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH GIÁ

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ PHƯƠNG NAM

Địa chỉ: 121 Lương Định Của, Khu phố 3, Phường Bình An, Quận 2, Tp.Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 6682 9775

✦ TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

Địa chỉ: Lô 78-80, Đường 30 tháng 4, Quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng

Điện thoại: (0236) 3655 886

Fax: (0236) 3655 887

✦ TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Tầng 1 đến tầng 3, 65 Phạm Ngọc Thạch, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM

Điện thoại: (028) 3820 8116

Fax: (028) 3820 8117

Ý kiến của tổ chức tư vấn về đợt chào bán

Thực hiện Nghị quyết số 001089/NQ-PTC ngày 18 tháng 3 năm 2022 về việc thông qua phương án thoái vốn của Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – Công ty Cổ phần tại Công ty Cổ phần PETEC Bình Định của HĐQT Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – Công ty Cổ phần, PEG tiến hành đăng ký chào bán 1.274.064 cổ phần sở hữu tại Công ty Cổ phần PETEC Bình Định.

Trong những năm qua, với những nỗ lực và thành tích đạt được trong công tác kinh doanh, GCB được đánh giá là một đơn vị hoạt động ổn định trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu. Trong bối cảnh thị trường xăng dầu hiện nay đang có sự cạnh tranh gay gắt, việc GCB vẫn đứng vững trên thị trường này đã chứng tỏ sản phẩm dịch vụ của GCB đã tạo dựng được uy tín trong khách hàng. Những thành quả này chính là kết quả của việc không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ của tập thể cán bộ công nhân viên GCB nhằm đáp ứng nhu cầu khách hàng. Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN TPHCM đánh giá đợt chào bán cổ phiếu của Công ty Cổ phần PETEC Bình Định do Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – Công ty Cổ phần sở hữu có khả năng thành công.



IX. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Không có

X. BÁO CÁO CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG CÓ CỔ PHIẾU ĐƯỢC CHÀO BÁN VỀ CÁC THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TY ĐẠI CHÚNG TRONG BẢN CÁO BẠCH

Bản cáo bạch này được cung cấp nhằm mục đích giúp nhà đầu tư có thể đánh giá chung về tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trước khi đăng ký mua cổ phiếu. Tuy nhiên, do đợt chào bán này không phải là đợt phát hành/chào bán cổ phiếu của doanh nghiệp để huy động vốn trên thị trường sơ cấp nên Bản công bố thông tin này được chúng tôi xây dựng với khả năng và nỗ lực cao nhất từ các nguồn đáng tin cậy như đã trình bày và mong muốn công bố/thông báo tới Nhà đầu tư về tình hình doanh nghiệp và các thông tin liên quan đến doanh nghiệp.

Bản cáo bạch này không bảo đảm rằng đã chứa đựng đầy đủ các thông tin về doanh nghiệp và chúng tôi cũng không thực hiện phân tích, đưa ra bất kỳ ý kiến đánh giá nào với hàm ý đảm bảo giá trị của cổ phiếu. Do đó, chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư trước khi tham gia đấu giá cần tìm hiểu thông tin về doanh nghiệp, bao gồm nhưng không giới hạn như Điều lệ doanh nghiệp, các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các Nghị quyết Hội đồng quản trị, các Báo cáo của Ban Kiểm soát, các Báo cáo tài chính, Báo cáo Kiểm toán, tình hình doanh nghiệp,... cũng như việc tham gia phải bảo đảm rằng việc đăng ký mua hay thực hiện giao dịch là đúng thẩm quyền, tuân thủ các quy định về công bố thông tin, giao dịch của cổ đông lớn, người nội bộ, giới hạn tỷ lệ sở hữu, được thanh toán bằng nguồn tiền hợp pháp, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. Nhà đầu tư tham gia đấu giá mua cổ phần có trách nhiệm tìm hiểu, đánh giá các thông tin về doanh nghiệp và chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình.

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

✚ TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH GIÁ

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ PHƯƠNG NAM

Địa chỉ: 121 Lương Định Của, Khu phố 3, Phường Bình An, Quận 2, Tp.Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 6682 9775

✚ TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

Địa chỉ: Lô 78-80, Đường 30 tháng 4, Quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng

Điện thoại: (0236) 3655 886

Fax: (0236) 3655 887

✚ TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Tầng 1 đến tầng 3, 65 Phạm Ngọc Thạch, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM

Điện thoại: (028) 3820 8116

Fax: (028) 3820 8117

Ý kiến của tổ chức tư vấn về đợt chào bán

Thực hiện Nghị quyết số 001089/NQ-PTC ngày 18 tháng 3 năm 2022 về việc thông qua phương án thoái vốn của Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – Công ty Cổ phần tại Công ty Cổ phần PETEC Bình Định của HĐQT Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – Công ty Cổ phần, PEG tiến hành đăng ký chào bán 1.274.064 cổ phần sở hữu tại Công ty Cổ phần PETEC Bình Định.

Trong những năm qua, với những nỗ lực và thành tích đạt được trong công tác kinh doanh, GCB được đánh giá là một đơn vị hoạt động ổn định trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu. Trong bối cảnh thị trường xăng dầu hiện nay đang có sự cạnh tranh gay gắt, việc GCB vẫn đứng vững trên thị trường này đã chứng tỏ sản phẩm dịch vụ của GCB đã tạo dựng được uy tín trong khách hàng. Những thành quả này chính là kết quả của việc không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ của tập thể cán bộ công nhân viên GCB nhằm đáp ứng nhu cầu khách hàng. Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN TPHCM đánh giá đợt chào bán cổ phiếu của Công ty Cổ phần PETEC Bình Định do Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – Công ty Cổ phần sở hữu có khả năng thành công.

IX. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Không có

X. BÁO CÁO CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG CÓ CỔ PHIẾU ĐƯỢC CHÀO BÁN VỀ CÁC THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TY ĐẠI CHÚNG TRONG BẢN CÁO BẠCH

Bản cáo bạch này được cung cấp nhằm mục đích giúp nhà đầu tư có thể đánh giá chung về tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trước khi đăng ký mua cổ phiếu. Tuy nhiên, do đợt chào bán này không phải là đợt phát hành/chào bán cổ phiếu của doanh nghiệp để huy động vốn trên thị trường sơ cấp nên Bản cáo bạch này được chúng tôi xây dựng với khả năng và nỗ lực cao nhất từ các nguồn đáng tin cậy như đã trình bày và mong muốn công bố/thông báo tới Nhà đầu tư về tình hình doanh nghiệp và các thông tin liên quan đến doanh nghiệp.

Chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư trước khi tham gia đấu giá cần tìm hiểu thông tin về doanh nghiệp, bao gồm nhưng không giới hạn như Điều lệ doanh nghiệp, các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các Nghị quyết Hội đồng quản trị, các Báo cáo của Ban Kiểm soát, các Báo cáo tài chính, Báo cáo Kiểm toán, tình hình doanh nghiệp,... cũng như việc tham gia phải bảo đảm rằng việc đăng ký mua hay thực hiện giao dịch là đúng thẩm quyền, tuân thủ các quy định về công bố thông tin, giao dịch của cổ đông lớn, người nội bộ, giới hạn tỷ lệ sở hữu, được thanh toán bằng nguồn tiền hợp pháp, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. Nhà đầu tư tham gia đấu giá mua cổ phần có trách nhiệm tìm hiểu, đánh giá các thông tin về doanh nghiệp và chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình.



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ – CTCP

**XI. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC CHÀO BÁN,
TỔ CHỨC TƯ VẤN, CÔNG TY ĐẠI CHỨNG CÓ CỔ PHIẾU ĐƯỢC CHÀO BÁN**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2022

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC CHÀO BÁN CỔ PHẦN

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ – CTCP
TỔNG GIÁM ĐỐC**



TRẦN VĂN DƯỠNG

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN

**CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG
VIỆT NAM – CHI NHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH**

GIÁM ĐỐC



TRẦN QUỐC VIỆT

ĐẠI DIỆN CÔNG TY ĐẠI CHỨNG CÓ CỔ PHIẾU ĐƯỢC CHÀO BÁN

CÔNG TY CỔ PHẦN PETEC BÌNH ĐỊNH



TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngô Minh Hải



XII. PHỤ LỤC

1. Nghị quyết Hội đồng quản trị số 001089/NQ-PTC ngày 18/3/2022 thông qua việc bán cổ phiếu, phương án chào bán cổ phiếu;
2. Nghị quyết Hội đồng quản trị số 001769/NQ – PTC đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng đúng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài
3. Công văn số 47/CPPT xác nhận tổng số 1.274.064 cổ phần đăng ký chào bán thuộc sở hữu hợp pháp của Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP và số cổ phần này được phép tự do chuyển nhượng theo quy định pháp luật.
4. Báo cáo tài chính năm 2020 và năm 2021 đã kiểm toán và báo cáo tài chính soát xét 6 tháng năm 2022 của CTCP PETEC Bình Định.



NGHỊ QUYẾT

Về việc phê duyệt phương án thực hiện đấu giá cổ phần của
Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – Công ty Cổ phần
tại Công ty Cổ phần PETEC Bình Định

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CTCP

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – Công ty Cổ phần;
- Căn cứ công văn số 2052/DVN-KH ngày 06/04/2018 của Tổng Công ty Dầu Việt Nam về việc thông qua chủ trương thoái vốn của Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP;
- Căn cứ công văn số 8365/DVN-KH ngày 04/12/2019 của Tổng Công ty Dầu Việt Nam về việc thoái toàn bộ vốn của PETEC tại PETEC Bình Định;
- Xét Tờ trình số 1070/TTr-PTC ngày 17/3/2022 của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP;
- Căn cứ Phiếu lấy ý kiến ngày 18/3/2022 về việc thông qua phương án thoái vốn của Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP tại Công ty Cổ phần PETEC Bình Định.

TỔNG GIÁM ĐỐC



SAO Y BẢN CHÍNH

Trần Văn Dương



QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua phương án thực hiện đấu giá cổ phần của Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP tại Công ty Cổ phần PETEC Bình Định theo đề xuất của Ban Tổng Giám đốc tại Tờ trình số 1070/TTr-PTC ngày 17/3/2022.

- Số lượng cổ phần chào bán: **1.274.064 cổ phần** (tương đương với 31,54% số cổ phiếu lưu hành của Công ty Cổ phần PETEC Bình Định), với tổng giá trị theo mệnh giá là 12.740.640.000 đồng (Bằng chữ: Mười hai tỷ bảy trăm bốn mươi triệu sáu trăm bốn mươi ngàn đồng);
- Giá khởi điểm: **26.010 đồng/cổ phần**. (Bằng chữ: Hai mươi sáu ngàn không trăm mười đồng một cổ phần);
- Số mức giá: 01 (một) mức giá;
- Phương thức bán cổ phần: Thực hiện chào bán cổ phần ra công chúng của cổ đông công ty đại chúng thông qua hình thức bán đấu giá theo lô theo quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan, trong đó số lô là 01 lô cổ phần;
- Đơn vị tổ chức đấu giá: Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Giao Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chỉ đạo tổ chức triển khai các thủ tục cần thiết để thực hiện công tác bán cổ phần theo quy định của Tổng công ty Dầu Việt Nam-CTCP, PETEC và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các phòng có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Kiểm soát (để biết);
- Người ĐDV(để p/h);
- Phòng TC-KT (để thực hiện);
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Tú



TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM-CTCP
TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI
KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CTCP
Số: 001769/NQ - PTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

V/v điều chỉnh đối tượng tham gia mua cổ phần chào bán của
Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – Công ty Cổ phần
tại Công ty Cổ phần PETEC Bình Định

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CTCP

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – Công ty Cổ phần;
- Căn cứ Công văn số 2052/DVN-KH ngày 06/04/2018 của Tổng Công ty Dầu Việt Nam về việc thông qua chủ trương thoái vốn của Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP;
- Căn cứ Công văn số 8365/DVN-KH ngày 04/12/2019 của Tổng Công ty Dầu Việt Nam về việc thoái toàn bộ vốn của PETEC tại PETEC Bình Định;
- Căn cứ Nghị quyết số 1089/NQ-PTC ngày 18/3/2022 về việc phê duyệt phương án thực hiện đấu giá cổ phần của Tổng Công ty Cổ phần PETEC Bình Định;
- Theo đề nghị Tờ trình số 001721/TTr-PTC ngày 27/4/2022 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP về việc điều chỉnh đối tượng tham gia mua cổ phần và việc đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài Phương án chào bán cổ phiếu của Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – Công ty Cổ phần tại Công ty CP PETEC Bình Định;

SAO Y BẢN CHÍNH

TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Văn Dương



- Căn cứ Phiếu lấy ý kiến ngày 27/4/2022 về việc thông qua việc điều chỉnh đối tượng tham gia mua cổ phần và việc đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài Phương án chào bán cổ phiếu của Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – Công ty Cổ phần tại Công ty CP PETEC Bình Định.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh đối tượng tham gia mua cổ phần trong Phương án thoái vốn của Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP tại Công ty CP PETEC Bình Định được thông qua tại Nghị quyết HĐQT số 1089/NQ-PTC ngày 18/3/2022, cụ thể:

Đối tượng tham gia mua cổ phần: các nhà đầu tư trong nước theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Phương án đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty CP PETEC Bình Định:

Đối tượng tham gia mua cổ phần trong đợt chào bán cổ phiếu Công ty Cổ phần PETEC Bình Định thuộc sở hữu của Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP là nhà đầu tư trong nước nên không làm thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty Cổ phần PETEC Bình Định. Do đó, đợt chào bán này của PETEC vẫn đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty Cổ phần PETEC Bình Định đã được Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận tại công văn số 2268/UBCK-PTTT ngày 25/4/2022.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng phòng Kế hoạch – Tổng hợp và Người đại diện theo ủy quyền của PETEC tại Công ty Cổ phần PETEC Bình Định chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- HĐQT, Ban Kiểm soát (để biết);
- Lưu: VT, HĐQT, KHTH.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Tú

**CÔNG TY CỔ PHẦN PETEC
BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 47/CPPT

V/v: cổ phần phổ thông tự do
chuyển nhượng

Bình Định, ngày 31 tháng 05 năm 2022

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Lời đầu tiên, Công ty Cổ phần PETEC Bình Định xin gửi lời chào trân trọng và lời cảm ơn Quý Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) đã quan tâm và giúp đỡ Công ty chúng tôi trong suốt thời gian qua.

Liên quan đến việc Tổng Công Ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP đang thực hiện thoái vốn tại Công ty cổ phần PETEC Bình Định, CTCP PETEC Bình Định xin xác nhận với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước toàn bộ 1.274.064 cổ phần do Tổng Công Ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP sở hữu tại CTCP PETEC Bình Định là cổ phần phổ thông tự do chuyển nhượng.

Chúng tôi xin cam kết những thông tin trên đây là đúng sự thật.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT (để b/c);
- Ban KS (để biết);
- Lưu VT, KHTH.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PETEC BÌNH ĐỊNH
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Chữ ký
Ngô Minh Hải



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

Thành viên của PrimeGlobal

**CÔNG TY CỔ PHẦN PETEC
BÌNH ĐỊNH**
Báo cáo tài chính

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 4
Báo cáo kiểm toán độc lập	5
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	6 - 7
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 33

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Petec Bình Định công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Petec Bình Định (tên viết tắt là "PETEC BIDICO" sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp nhà nước (Công ty Thương nghiệp Tổng hợp Bình Định thuộc Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Định chuyển đổi thành Công ty Cổ phần thương mại Bình Định) theo Quyết định số 35/2001/QĐ-UB ngày 14/05/2001 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Định và Quyết định số 98/QĐ-CPTM ngày 14/04/2007 đổi tên Công ty Cổ phần Thương mại Bình Định thành Công ty Cổ phần Petec Bình Định của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Bình Định. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3503000014 ngày 15/05/2001. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 12 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100406219) và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 25/10/2016. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Vốn điều lệ : 40.391.470.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến 31/12/2020: 40.391.470.000 đồng.

Cổ phiếu của công ty đã chính thức giao dịch trên thị trường Upcom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 21/12/2016 với mã chứng khoán GCB.

Tại ngày 31/12/2020, Công ty có 7 đơn vị trực thuộc:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Petec Bình Định tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cửa hàng Xăng dầu Trung Hậu - Đường Đào Tấn - TP Quy Nhơn;
- Cửa hàng Xăng dầu Trung Hậu - Đường Hùng Vương - TP Quy Nhơn;
- Cửa hàng Xăng dầu Phước Lộc - Tuy Phước - Bình Định;
- Cửa hàng Xăng dầu Phù Mỹ - Phù Mỹ - Bình Định;
- Cửa hàng Xăng dầu Hoài Hảo - Hoài Nhơn - Bình Định;
- Cửa hàng Xăng dầu Chợ Gồm - Phù Cát - Bình Định.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 389 Trần Hưng Đạo - Phường Trần Hưng Đạo - Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định.
- Điện thoại: (84) 0256 3822 233
- Fax: (84) 0256 3823 863
- Website: www.petecbidico.com.vn

Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Mua bán xăng dầu, mỡ phụ, khí dầu mỏ hóa lỏng và các chế phẩm từ dầu mỏ;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ xăng dầu và các sản phẩm liên quan;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Mua bán hóa chất, phân bón, vật tư công, nông, ngư nghiệp, nguyên vật liệu phi kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Mua bán phương tiện vận tải;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Mua bán thực ăn gia súc, hàng nông sản;
- Bán mô tô, xe máy;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán máy móc, dây chuyền thiết bị đồng bộ. Mua bán hàng điện lạnh công nghiệp;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông. Chi tiết: Mua bán hàng điện tử, viễn thông;
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp. Chi tiết: Mua bán hàng công nghệ phẩm, sữa và các sản phẩm từ sữa, nước giải khát, thuốc lá, rượu, bia, mỹ phẩm, hàng thủ công mỹ nghệ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản, đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng đô thị, khu công nghiệp; Cho thuê văn phòng, cửa hàng, ki ốt;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. Chi tiết: Tổ chức hội thảo, hội nghị, triển lãm quốc tế;
- Khách sạn;
- Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. Chi tiết: Sản xuất nước uống tinh khiết, nước giải khát đóng chai;
- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú). Chi tiết: Sản xuất, gia công hàng may mặc;
- Điều hành tua du lịch. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ du lịch, lữ hành nội địa và quốc tế;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn, lập dự án đầu tư mua sắm, đổi mới thiết bị công nghệ, lập hồ sơ mời thầu, đấu thầu và chọn thầu mua sắm thiết bị công nghệ;
- Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo. Chi tiết: Bán buôn thuốc lá;
- Kinh doanh vận tải đường thủy, đường bộ bao gồm: vận chuyển khách du lịch, vận chuyển khách bằng xe buýt và taxi, vận chuyển hàng hóa; kinh doanh dịch vụ và mua bán sản phẩm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông. Chế biến thực phẩm đồ hộp, nông, lâm, thủy, hải sản.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Nhân sự

Tổng số công nhân viên đến cuối năm tài chính là 72 người. Trong đó nhân viên quản lý 12 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

• Ông Lương Duy Văn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 01/08/2020
• Ông Nguyễn Trọng Phát	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 19/06/2020
	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 01/08/2020
	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 19/06/2020
• Ông Huỳnh Đức Trường	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 25/05/2015
		Miễn nhiệm ngày 19/06/2020
• Bà Đỗ Khoa Mỹ Linh	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 19/06/2020
• Ông Nguyễn Thanh Hải	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 19/06/2020
• Ông Nguyễn Đức Linh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23/05/2015
		Miễn nhiệm ngày 19/06/2020

Ban Kiểm soát

• Ông Nguyễn Văn Ánh	Trưởng ban	Bổ nhiệm lại ngày 19/06/2020
• Ông Hoàng Anh Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 19/06/2020
• Ông Nguyễn Văn Phàn	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 19/06/2020

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

• Ông Nguyễn Trọng Phát	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 19/06/2020
• Ông Lương Duy Văn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 19/06/2020
• Bà Đỗ Khoa Mỹ Linh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 19/06/2020
• Bà Khổng Thị Hà	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm lại ngày 19/06/2020

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên nguyên tắc hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc

CÔNG TY

CỔ PHẦN

PETEC

BÌNH ĐỊNH

Nguyễn Trọng Phát

Quy Nhơn, ngày 29 tháng 03 năm 2021

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG THANH BÌNH

Chứng thực bản sao đúng với bản chính

Số CT 000309 Quyển Số 01

Ngày: 24-02-2022

CÔNG CHỨNG VIÊN
Phạm Thị Thanh Hà



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dnng.vn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 495/2021/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Petec Bình Định

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính lập ngày 22/03/2021 của Công ty Cổ phần Petec Bình Định (sau đây gọi tắt là "Công ty"), đính kèm từ trang 6 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC


Trần Thị Phương Lan - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKKH kiểm toán: 0396-2018-010-1
Đà Nẵng, ngày 29 tháng 03 năm 2021


Trần Xuân Quang - Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKKH kiểm toán 4492-2018-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		57.847.847.564	76.136.895.944
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		6.554.823.133	6.725.452.788
1. Tiền	111	5	6.554.823.133	6.725.452.788
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		200.000.000	200.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	200.000.000	200.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		44.775.974.641	59.970.597.559
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	39.447.214.902	58.990.007.013
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	7.602.006.751	3.206.660.739
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9.a	324.180.061	220.761.459
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(2.597.427.073)	(2.446.831.652)
IV. Hàng tồn kho	140	11	6.084.924.313	7.742.320.430
1. Hàng tồn kho	141		6.084.924.313	7.742.320.430
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		232.125.477	1.498.525.167
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12.a	84.297.862	519.748.068
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		108.707.799	327.770.171
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	19	39.119.816	651.006.928
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		30.197.922.424	27.628.079.116
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	315.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	9.b	-	315.000.000
II. Tài sản cố định	220		23.547.314.403	25.135.940.748
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	22.646.666.403	24.235.292.748
- Nguyên giá	222		50.530.253.030	50.625.104.443
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(27.883.586.627)	(26.389.811.695)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	900.648.000	900.648.000
- Nguyên giá	228		900.648.000	900.648.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		5.724.181.224	1.159.137.852
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	5.724.181.224	1.159.137.852
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	16	847.666.158	834.218.697
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		5.479.064.524	5.479.064.524
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(4.631.398.366)	(4.644.845.827)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		78.760.639	183.781.819
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12.b	78.760.639	183.781.819
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		88.045.769.988	103.764.975.060

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Ngày 31 tháng 12 năm 2020

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		26.660.398.028	39.262.346.840
I. Nợ ngắn hạn	310		25.920.398.028	38.130.546.104
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	3.963.398.912	4.401.463.923
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	5.038.687.227	35.310.389
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	1.117.431.054	1.880.783.576
4. Phải trả người lao động	314		1.287.055.952	2.041.397.527
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		460.909.091	-
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		416.666.667	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	20.a	7.954.884.460	2.935.113.408
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	4.918.983.750	26.217.998.630
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		762.380.915	618.478.651
II. Nợ dài hạn	330		740.000.000	1.131.800.736
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Phải trả dài hạn khác	337	20.b	740.000.000	1.131.800.736
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		61.385.371.960	64.502.628.220
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	61.385.371.960	64.502.628.220
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	22	40.391.470.000	40.391.470.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		40.391.470.000	40.391.470.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	22	(54.000.000)	(54.000.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	22	17.028.679.974	17.028.679.974
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	22	4.019.221.986	7.136.478.246
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	22	2.985.358.382	2.985.358.382
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	22	1.033.863.604	4.151.119.864
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		88.045.769.988	103.764.975.060



Nguyễn Trọng Phát

Quy Nhơn, ngày 22 tháng 03 năm 2021

Kế toán trưởng

Khổng Thị Hà

Người lập

Hồ Thị Phong Nguyệt

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	23	418.099.676.963	675.207.778.554
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		418.099.676.963	675.207.778.554
4. Giá vốn hàng bán	11	24	387.349.066.398	640.633.049.434
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		30.750.610.565	34.574.729.120
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	819.359.799	1.418.136.886
7. Chi phí tài chính	22	26	1.262.733.229	2.306.818.053
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.263.317.674	2.299.910.810
8. Chi phí bán hàng	25	27.a	25.272.433.812	31.192.572.829
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27.b	5.599.707.347	6.800.899.686
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(564.904.024)	(4.307.424.562)
11. Thu nhập khác	31	28	1.940.757.277	9.544.789.430
12. Chi phí khác	32	29	51.218.998	17.172.031
13. Lợi nhuận khác	40		1.889.538.279	9.527.617.399
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.324.634.255	5.220.192.837
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	290.770.651	1.069.072.973
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		1.033.863.604	4.151.119.864
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	256	800
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	31	256	800



Nguyễn Đông Phát

Quy Nhơn, ngày 22 tháng 03 năm 2021

Kế toán trưởng

Khổng Thị Hà

Người lập

Hồ Thị Phong Nguyệt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		1.324.634.255	5.220.192.837
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	13	1.921.959.676	1.588.169.863
- Các khoản dự phòng	03	26, 27.b	137.147.960	683.748.688
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	25,28	(454.332.008)	(2.175.257.253)
- Chi phí lãi vay	06	26	1.263.317.674	2.299.910.810
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08		4.192.727.557	7.616.764.945
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		16.189.976.981	3.927.300.625
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.657.396.117	5.926.695.678
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		4.266.603.546	3.678.329.270
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		540.471.386	644.007.173
- Tiền lãi vay đã trả	14	26	(1.263.317.674)	(2.299.910.810)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	19	(1.069.072.973)	(500.592.976)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(775.900.000)	(680.360.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		23.738.884.940	18.312.233.905
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		(4.955.043.372)	(7.069.634.957)
2. Tiền thu từ TLÝ, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	28	5.489.772.727	2.168.996.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	6	-	(200.000.000)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	25	21.225.950	6.261.253
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		555.955.305	(5.094.377.704)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33	21	346.207.245.909	652.746.853.895
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	21	(367.506.260.789)	(663.132.703.315)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	20, 22	(3.166.455.020)	(3.168.169.770)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(24.465.469.900)	(13.554.019.190)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(170.629.655)	(336.162.989)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		6.725.452.788	7.061.615.777
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		6.554.823.133	6.725.452.788



Nguyễn Trọng Phát

Quy Nhơn, ngày 22 tháng 03 năm 2021

Kế toán trưởng

Khổng Thị Hà

Người lập

Hồ Thị Phong Nguyệt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN

Đan hành theo thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Petec Bình Định (tên viết tắt là "PETEC BIDICO" sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp nhà nước (Công ty Thương nghiệp Tổng hợp Bình Định thuộc Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Định chuyển đổi thành Công ty Cổ phần thương mại Bình Định) theo Quyết định số 35/2001/QĐ-UB ngày 14/05/2001 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Định và Quyết định số 98/QĐ-CPTM ngày 14/04/2007 đổi tên Công ty Cổ phần Thương mại Bình Định thành Công ty Cổ phần Petec Bình Định của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Bình Định. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3503000014 ngày 15/05/2001, từ khi thành lập đến nay Công ty đã 12 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100406219) và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 25/10/2016. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Thương mại và dịch vụ.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Mua bán xăng dầu, mỡ phụ, khí dầu mỏ hóa lỏng và các chế phẩm từ dầu mỏ;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ xăng dầu và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Mua bán hóa chất, phân bón, vật tư công, nông, ngư nghiệp, nguyên vật liệu phi kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Mua bán phương tiện vận tải;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Mua bán thức ăn gia súc, hàng nông sản;
- Bán mô tô, xe máy;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán máy móc, dây chuyền thiết bị đồng bộ. Mua bán hàng điện lạnh công nghiệp;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông. Chi tiết: Mua bán hàng điện tử, viễn thông;
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp. Chi tiết: Mua bán hàng công nghệ phẩm, sữa và các sản phẩm từ sữa, nước giải khát, thuốc lá, rượu, bia, mỹ phẩm, hàng thủ công mỹ nghệ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản, đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng đô thị, khu công nghiệp; Cho thuê văn phòng, cửa hàng, ki ốt;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. Chi tiết: Tổ chức hội thảo, hội nghị, triển lãm quốc tế;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Khách sạn;
- Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. Chi tiết: Sản xuất nước uống tinh khiết, nước giải khát đóng chai;
- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú). Chi tiết: Sản xuất, gia công hàng may mặc;
- Điều hành tua du lịch. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ du lịch, lữ hành nội địa và quốc tế;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn, lập dự án đầu tư mua sắm, đổi mới thiết bị công nghệ, lập hồ sơ mời thầu, đấu thầu và chọn thầu mua sắm thiết bị công nghệ;
- Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo. Chi tiết: Bán buôn thuốc lá;
- Kinh doanh vận tải đường thủy, đường bộ bao gồm: vận chuyển khách du lịch, vận chuyển khách bằng xe buýt và taxi, vận chuyển hàng hóa; kinh doanh dịch vụ và mua bán sản phẩm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông. Chế biến thực phẩm đồ hộp, nông, lâm, thủy, hải sản.

1.4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2020, Công ty có 7 đơn vị trực thuộc:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Petec Bình Định tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cửa hàng Xăng dầu Trung Hậu - Đường Đào Tấn - TP Quy Nhơn;
- Cửa hàng Xăng dầu Trung Hậu - Đường Hùng Vương - TP Quy Nhơn;
- Cửa hàng Xăng dầu Phước Lộc - Tuy Phước - Bình Định;
- Cửa hàng Xăng dầu Phú Mỹ - Phú Mỹ - Bình Định;
- Cửa hàng Xăng dầu Hoài Hào - Hoài Nhơn - Bình Định;
- Cửa hàng Xăng dầu Chợ Gồm - Phù Cát - Bình Định.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Trường hợp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối niên độ kế toán.

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà Công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Dự phòng đối với khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào căn cứ vào khoản lỗ của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: Phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi. Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

4.5 Tài sản cố định hữu hình***Nguyên giá***

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 40
Máy móc, thiết bị	5 - 20
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3

4.6 Tài sản cố định vô hình***Nguyên giá***

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)****Quyền sử dụng đất***

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao. Đối với quyền sử dụng đất có thời hạn thì thời gian trích khấu hao là thời gian được phép sử dụng đất của Công ty.

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm;
- Chi phí bảo hiểm, thuê tài sản được phân bổ đều theo thời gian thực tế bảo hiểm, thuê tài sản;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.8 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: Phải trả người bán và phải trả khác.

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***4.9 Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.10 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện tại Công ty bao gồm: Tiền nhận trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán đối với các dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng được phân bổ theo số kỳ mà Công ty đã nhận tiền trước.

4.11 Vay và nợ thuế tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuế tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuế tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cầu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho các cổ đông theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Cổ tức, lợi nhuận trả cho các cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.13 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.14 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.15 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: Chi phí lãi tiền vay, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.16 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.17 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.18 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư tài chính, phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.19 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế Giá trị gia tăng: Các mặt hàng xi măng, xăng dầu, công nghệ phẩm: Áp dụng mức thuế suất 10%. Các mặt hàng và dịch vụ khác áp dụng mức thuế suất theo quy định hiện hành.
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất 20%.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền

	31/12/2020	01/01/2020
Tiền mặt	344.179.789	56.441.270
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.210.643.344	6.669.011.518
Cộng	6.554.823.133	6.725.452.788

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn 12 tháng	200.000.000	200.000.000
Cộng	200.000.000	200.000.000

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2020	01/01/2020
Doanh nghiệp Tư nhân Hoài Thương	2.006.713.000	2.734.218.000
Doanh nghiệp Tư nhân Nguyễn Khánh	1.329.556.160	1.999.567.380
Công ty TNHH Nguyễn Khánh Sơn	2.805.890.560	2.974.739.980
Công ty TNHH MTV Thương mại Quốc Bảo Gia Lai	659.322.484	1.110.987.034
Công ty TNHH SX TM và DV Như Ý	2.060.486.500	2.222.508.500
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hồng Thu	730.964.500	1.110.724.500
Xí nghiệp Kinh doanh Dịch vụ Tổng hợp - Cảng Quy Nhơn	-	10.307.394.240
CN Công ty TNHH Xăng dầu, TM và Đầu tư Quốc Bảo	1.216.749.285	1.778.545.825
Các đối tượng khác	28.637.532.413	34.751.321.554
Cộng	39.447.214.902	58.990.007.013

Trong đó, phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2020	01/01/2020
Công ty TNHH Nhà hàng tiệc cưới Quốc Bảo	300.000.000	-
Công ty TNHH MTV Thương mại Quốc Bảo Gia Lai	659.322.484	1.110.987.034
CN Công ty TNHH Xăng dầu, Thương mại và Đầu tư Quốc Bảo	1.216.749.285	1.778.545.825
Công ty TNHH Vận tải, Thương mại và Đầu tư Quốc Bảo	156.545.500	-
Cộng	2.332.617.269	2.889.532.859

8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Công ty Xi măng Phúc Sơn	4.230.056.566	1.931.912.692
Công ty Xăng Dầu Bình Định	1.080.925.670	352.853.490
Công ty Xi măng Nghi Sơn	1.178.148.365	857.151.457
Các đối tượng khác	1.112.876.150	64.743.100
Cộng	7.602.006.751	3.206.660.739

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. Phải thu khác**a. Ngắn hạn**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	22.370.950	-	116.609.680	-
Nguyễn Thanh Thi	-	-	56.308.000	-
Công ty CP Thương mại Mặt Trời	49.267.680	-	-	-
Các khoản phải thu khác	252.541.431	-	47.843.779	-
Cộng	324.180.061	-	220.761.459	-

b. Dài hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	-	-	315.000.000	-
Cộng	-	-	315.000.000	-

10. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2020	01/01/2020
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn	2.597.427.073	2.446.831.652
- Từ 3 năm trở lên	2.029.275.520	1.895.853.146
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	160.788.053	147.636.396
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	407.363.500	163.537.110
- Trên 6 tháng đến dưới 1 năm	-	239.805.000
Cộng	2.597.427.073	2.446.831.652

11. Hàng tồn kho

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	2.029.545.453	-	1.256.267.278	-
Hàng hóa	4.055.378.860	-	6.486.053.152	-
Cộng	6.084.924.313	-	7.742.320.430	-

Không có hàng tồn kho ứ đọng, khó tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2020.

Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 31/12/2020.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. Chi phí trả trước**a. Ngắn hạn**

	31/12/2020	01/01/2020
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	-	448.927.008
Chi phí bảo hiểm tài sản, bảo lãnh ngân hàng	84.297.862	70.821.060
Cộng	84.297.862	519.748.068

b. Dài hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	78.760.639	183.781.819
Cộng	78.760.639	183.781.819

13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	34.744.338.213	7.596.727.343	8.069.011.626	215.027.261	50.625.104.443
Tăng trong năm	-	-	390.000.000	-	390.000.000
T/lý, nhượng bán	356.851.413	60.000.000	68.000.000	-	484.851.413
Phân loại lại	(1.884.951.619)	-	1.884.951.619	-	-
Số cuối năm	32.502.535.181	7.536.727.343	10.275.963.245	215.027.261	50.530.253.030
Khấu hao					
Số đầu năm	17.748.463.840	7.426.422.906	999.897.688	215.027.261	26.389.811.695
Khấu hao trong năm	970.782.562	53.448.936	897.728.178	-	1.921.959.676
T/lý, nhượng bán	356.851.413	60.000.000	11.333.331	-	428.184.744
Phân loại lại	(1.889.484.951)	-	1.889.484.951	-	-
Số cuối năm	16.472.910.038	7.419.871.842	3.775.777.486	215.027.261	27.883.586.627
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	16.995.874.373	170.304.437	7.069.113.938	-	24.235.292.748
Số cuối năm	16.029.625.143	116.855.501	6.500.185.759	-	22.646.666.403

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay là 16.728.968.242 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là 16.056.289.136 đồng.
- Công ty có cam kết về việc bán TSCĐ hữu hình là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất là Nhà kho của Công ty tại Thôn Bình An 1, Xã Phước Thành, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định. Tại

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

ngày 31/12/2020, Nguyên giá và Giá trị còn lại của các TSCĐ này lần lượt là 4.296.688.772 đồng và 2.061.274.840 đồng.

14. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất lâu dài	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	900.648.000	900.648.000
Mua trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	900.648.000	900.648.000
Khấu hao		
Số đầu năm	-	-
Khấu hao trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	-	-
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	900.648.000	900.648.000
Số cuối năm	900.648.000	900.648.000

Quyền sử dụng đất lâu dài là Thửa đất số 1337, tờ bản đồ số 07 tại Xã Cát Hanh, Huyện Phù Cát, Tỉnh Bình Định. Diện tích: 1.080 m². Mục đích sử dụng: Làm kho bãi phục vụ sản xuất kinh doanh.

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2020	01/01/2020
Trung tâm kinh doanh_số 40 Tầng Bạt Hồ	5.724.181.224	1.159.137.852
Cộng	5.724.181.224	1.159.137.852

Đây là tài sản đầu tư theo Hợp đồng nguyên tắc số 12/HĐNT/CPPT về việc "Hợp tác đầu tư kinh doanh Trung tâm kinh doanh sản phẩm du lịch và dịch vụ hỗ trợ hoạt động du lịch, kinh doanh dịch vụ nhà hàng ẩm thực tại địa chỉ 40 Tầng Bạt Hồ, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định" giữa Công ty và Công ty TNHH Vận tải Thương mại và Đầu tư Quốc Bảo. Hình thức hợp tác kinh doanh là BCC (hợp tác kinh doanh chia lợi nhuận mà không thành lập pháp nhân mới). Thời hạn hợp đồng là 5 năm kể từ khi công trình được xây dựng xong, chính thức đi vào hoạt động kinh doanh. Sau khi hết thời hạn, hợp đồng được ưu tiên tiếp tục gia hạn cho 5 năm tiếp theo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2020				01/01/2020			
	Tỷ lệ vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào đơn vị khác				5.479.064.524	4.631.398.366		5.479.064.524	4.644.845.827
- Công ty CP Cà phê Petec (PCF)	0,97%	0,97%	29.200	296.000.000	126.640.000	29.200	296.000.000	4.000.000
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Nam Định (PND)	0,13%	0,13%	8.823	136.350.000	55.178.400	8.823	136.350.000	59.589.900
- Công ty CP Kho vận Petec (*)	2,78%	2,78%	200.000	2.000.000.000	2.000.000.000	200.000	2.000.000.000	2.000.000.000
- Công ty CP Xi măng Hà Tiên 1 (HT1)	0,00%	0,00%	6	137.524	32.824	6	137.524	47.822
- Công ty CP BĐ sản và Kỹ thuật Xăng dầu Petec Land (*)	5,22%	5,22%	200.000	2.000.000.000	1.811.633.542	200.000	2.000.000.000	1.833.653.105
- TCT TM Kỹ thuật và Đầu tư - CT Cổ phần (PETEC) (PEG)	0,02%	0,02%	49.837	1.046.577.000	637.913.600	49.837	1.046.577.000	747.555.000
Cộng				<u>5.479.064.524</u>	<u>4.631.398.366</u>		<u>5.479.064.524</u>	<u>4.644.845.827</u>

(*) Công ty trích lập dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính dài hạn này căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2020 của các Công ty nhận đầu tư.

Các Công ty còn lại có cổ phiếu niêm yết trên các sở giao dịch chứng khoán nên dự phòng được trích lập căn cứ vào giá đóng cửa phiên giao dịch cuối cùng của năm 2020 cho từng loại cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
CN Công ty CP Xăng dầu đầu khí Phú Yên tại Bình Định	2.496.377.000	3.000.000.000
Công ty TNHH Xăng dầu, Thương mại và Đầu tư Quốc Bảo	-	568.943.690
Công ty CP Cảng Thị Nại	78.980.000	256.269.310
Các đối tượng khác	1.388.041.912	576.250.923
Cộng	3.963.398.912	4.401.463.923

Trong đó, phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan

	31/12/2020	01/01/2020
Công ty TNHH Vận tải, Thương mại và Đầu tư Quốc Bảo	-	568.943.690
Cộng	-	568.943.690

18. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Công ty TNHH Kim Liên Gia Lai	24.931.000	-
Công ty TNHH Hoàng Giang	5.000.000.000	-
Các đối tượng khác	13.756.227	35.310.389
Cộng	5.038.687.227	35.310.389

19. Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước

	Đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	651.006.928	-	787.287.096	175.399.984	39.119.816	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.073.985.846	290.770.651	1.069.072.973	-	295.683.524
Thuế thu nhập cá nhân	-	166.446.207	159.801.235	152.495.135	-	173.752.307
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	640.351.523	1.432.220.381	1.424.576.681	-	647.995.223
Các loại thuế khác	-	-	8.000.000	8.000.000	-	-
Cộng	651.006.928	1.880.783.576	2.678.079.363	2.829.544.773	39.119.816	1.117.431.054

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. Phải trả khác**a. Ngắn hạn**

	31/12/2020	01/01/2020
Kinh phí công đoàn	227.800	227.800
Công ty TNHH Vận tải, Thương mại và Đầu tư Quốc Bảo (*)	6.278.641.672	1.177.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.391.623.068	1.326.760.488
Phải trả khác	284.391.920	431.125.120
Cộng	7.954.884.460	2.935.113.408

(*) Đây là khoản tiền mà Công ty TNHH Vận tải Thương mại và Đầu tư Quốc Bảo chuyển theo tiến độ xây dựng để Công ty đầu tư xây dựng tài sản theo hợp đồng "Hợp tác đầu tư kinh doanh Trung tâm kinh doanh sản phẩm du lịch và dịch vụ hỗ trợ hoạt động du lịch, kinh doanh dịch vụ nhà hàng ẩm thực tại địa chỉ 40 Tầng Bạt Hồ, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định" (xem Thuyết minh số 15).

Trong đó, phải trả ngắn hạn khác là các bên liên quan

	31/12/2020	01/01/2020
Công ty TNHH Vận tải, Thương mại và Đầu tư Quốc Bảo	6.278.641.672	1.177.000.000
Cộng	6.278.641.672	1.177.000.000

b. Dài hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	740.000.000	1.131.800.736
Cộng	740.000.000	1.131.800.736

21. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
Vay ngắn hạn	26.217.998.630	346.207.245.909	367.506.260.789	4.918.983.750
- NH TMCP Ngoại thương Việt Nam -				
Chi nhánh Quy Nhơn	26.217.998.630	346.207.245.909	367.506.260.789	4.918.983.750
Cộng	26.217.998.630	346.207.245.909	367.506.260.789	4.918.983.750

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2019	40.391.470.000	(54.000.000)	17.028.679.974	6.874.134.740	64.240.284.714
Tăng trong năm	-	-	-	4.151.119.864	4.151.119.864
Giảm trong năm	-	-	-	3.888.776.358	3.888.776.358
Số dư tại 31/12/2019	<u>40.391.470.000</u>	<u>(54.000.000)</u>	<u>17.028.679.974</u>	<u>7.136.478.246</u>	<u>64.502.628.220</u>
Số dư tại 01/01/2020	40.391.470.000	(54.000.000)	17.028.679.974	7.136.478.246	64.502.628.220
Tăng trong năm	-	-	-	1.033.863.604	1.033.863.604
Giảm trong năm	-	-	-	4.151.119.864	4.151.119.864
Số dư tại 31/12/2020	<u>40.391.470.000</u>	<u>(54.000.000)</u>	<u>17.028.679.974</u>	<u>4.019.221.986</u>	<u>61.385.371.960</u>

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2020	01/01/2020
Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty cổ phần (Petec)	12.740.640.000	12.740.640.000
Vốn góp của các cổ đông khác	27.650.830.000	27.650.830.000
Cộng	<u>40.391.470.000</u>	<u>40.391.470.000</u>

c. Cổ phiếu

	31/12/2020 Cổ phiếu	01/01/2020 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.039.147	4.039.147
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.039.147	4.039.147
- Cổ phiếu phổ thông	4.039.147	4.039.147
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.039.147	4.039.147
- Cổ phiếu phổ thông	4.039.147	4.039.147
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2020	Năm 2019
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	7.136.478.246	6.874.134.740
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay	1.033.863.604	4.151.119.864
Phân phối lợi nhuận	4.151.119.864	3.888.776.358
- Phân phối lợi nhuận năm trước (*)	4.151.119.864	3.888.776.358
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	719.802.264	457.458.758
+ Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	200.000.000	200.000.000
+ Trả cổ tức	3.231.317.600	3.231.317.600
- Tạm phân phối lợi nhuận năm nay	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối năm	4.019.221.986	7.136.478.246

(*) Việc trích lập các quỹ và trả cổ tức từ lợi nhuận năm 2019 căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ngày 19/06/2020.

e. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông ngày 19/06/2020 đã thông qua quyết định trả cổ tức năm 2019 với tỷ lệ 8% (tương đương 3.231.317.600 đồng). Công ty đã chốt danh sách cổ đông hưởng cổ tức và chi trả trong năm 2020.

23. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2020	Năm 2019
Doanh thu kinh doanh xi măng	188.999.145.907	231.762.039.895
Doanh thu kinh doanh xăng dầu	225.742.572.774	440.079.921.238
Doanh thu cho thuê nhà, kho bãi	165.823.382	699.139.746
Doanh thu từ hợp tác kinh doanh	2.653.677.731	2.666.677.675
Doanh thu khác	538.457.169	-
Cộng	418.099.676.963	675.207.778.554

24. Giá vốn hàng bán

	Năm 2020	Năm 2019
Giá vốn kinh doanh xi măng	170.383.649.321	218.010.489.479
Giá vốn kinh doanh xăng dầu	216.485.826.543	422.622.559.955
Giá vốn hợp tác kinh doanh	479.590.534	-
Cộng	387.349.066.398	640.633.049.434

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

25. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2020	Năm 2019
Lãi tiền gửi	21.225.950	6.261.253
Nhận hỗ trợ thanh toán	-	229.926.845
Lãi bán hàng trả chậm	798.133.849	1.181.948.788
Cộng	819.359.799	1.418.136.886

26. Chi phí tài chính

	Năm 2020	Năm 2019
Chi phí lãi vay	1.263.317.674	2.299.910.810
Chi phí lãi tài khoản ký quỹ	12.863.016	19.437.060
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng đầu tư tài chính	(13.447.461)	(12.529.817)
Cộng	1.262.733.229	2.306.818.053

27. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm

	Năm 2020	Năm 2019
Chi phí nhân viên bán hàng	4.782.632.782	6.456.935.108
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng văn phòng	594.031.541	677.374.689
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.277.188.194	1.422.988.914
Chi phí thuế, phí và lệ phí	1.238.585.813	1.068.957.305
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.683.762.562	20.388.318.667
Chi phí bằng tiền khác	696.232.920	1.177.998.146
Cộng	25.272.433.812	31.192.572.829

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm

	Năm 2020	Năm 2019
Chi phí nhân viên quản lý	2.495.421.052	2.238.446.439
Chi phí dụng cụ, đồ dùng, văn phòng phẩm	579.855.824	827.881.320
Chi phí khấu hao tài sản cố định	165.180.948	165.180.949
Chi phí thuế, phí, lệ phí	201.634.568	291.829.610
Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	150.595.421	696.278.505
Chi phí dịch vụ mua ngoài	554.144.190	931.273.190
Chi phí quản lý khác	1.452.875.344	1.650.009.673
Cộng	5.599.707.347	6.800.899.686

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28. Thu nhập khác

	Năm 2020	Năm 2019
Thu nhập từ nhận khuyến mãi, thưởng, hỗ trợ bán hàng	726.856.000	7.278.805.885
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	220.606.058	1.000.000.000
Thu nhập từ bồi thường thu hồi đất	212.500.000	1.168.996.000
Thu nhập khác	780.795.219	96.987.545
Cộng	1.940.757.277	9.544.789.430

29. Chi phí khác

	Năm 2020	Năm 2019
Chi phí phạt chậm nộp thuế	51.218.998	17.172.031
Cộng	51.218.998	17.172.031

30. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2020	Năm 2019
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.324.634.255	5.220.192.837
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	129.218.998	125.172.031
- Điều chỉnh tăng	129.218.998	125.172.031
+ Chi phí không được trừ	-	-
+ Thù lao HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành	78.000.000	108.000.000
+ Phạt thuế, phạt hành chính	51.218.998	17.172.031
- Điều chỉnh giảm	-	-
+ Lãi cổ tức được chia	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	1.453.853.253	5.345.364.868
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	290.770.651	1.069.072.973

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31. Lãi cơ bản/ Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2020	Năm 2019
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.033.863.604	4.151.119.864
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	(919.802.264)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ thưởng Ban điều hành)	-	919.802.264
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.033.863.604	3.231.317.600
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	4.039.147	4.039.147
Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	256	800

(*) Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2020 có thể thay đổi tùy thuộc vào quyết định của Đại hội đồng cổ đông về việc trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ thưởng Ban điều hành từ lợi nhuận sau thuế năm 2020.

32. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2020	Năm 2019
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.173.887.365	1.505.256.009
Chi phí nhân công	7.278.053.834	8.695.381.547
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.921.959.676	1.588.169.863
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.670.127.133	22.680.378.772
Chi phí khác bằng tiền	2.157.108.264	2.828.007.819
Cộng	31.201.136.272	37.297.194.010

33. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận duy nhất là kinh doanh thương mại và một bộ phận địa lý chính là tỉnh Bình Định.

34. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***b. Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất, rủi ro về tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua hàng hóa từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của hàng hóa đầu vào. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty lựa chọn những nhà cung cấp uy tín, quan hệ kinh doanh lâu năm và luôn yêu cầu được cung cấp những biến động về giá kịp thời nhất. Công ty còn tham khảo giá giữa các nhà cung cấp khác nhau để đảm bảo mua hàng với mức giá hợp lý nhất. Với chính sách quản lý về giá trên, Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động về giá hàng hóa ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Công ty bán hàng theo hai phương thức sau: thông qua các đại lý và trực tiếp bán tại các cửa hàng.

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng nhiều biện pháp tùy vào các phương thức bán hàng:

- Bán hàng qua các đại lý: Công nợ của các đại lý được quản lý bằng việc cấp hạn mức dư nợ tối đa theo từng quý trong năm. Theo đó, mỗi đại lý sẽ có một mức dư nợ khác nhau và các khoản nợ vượt hạn mức sẽ bị tính lãi vay theo mức lãi suất của ngân hàng mà Công ty giao dịch.
- Bán hàng trực tiếp: Phần lớn công nợ được thu bằng tiền mặt. Do đó, rủi ro tín dụng đối với các khoản công nợ phải thu phát sinh từ hoạt động bán hàng trực tiếp ở mức thấp.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

31/12/2020	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	3.963.398.912	-	3.963.398.912
Chi phí phải trả	460.909.091	-	460.909.091
Vay và nợ thuê tài chính	4.918.983.750	-	4.918.983.750
Phải trả khác	7.954.656.660	740.000.000	8.694.656.660
Cộng	17.297.948.413	740.000.000	18.037.948.413

01/01/2020	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	4.401.463.923	-	4.401.463.923
Vay và nợ thuê tài chính	26.217.998.630	-	26.217.998.630
Phải trả khác	2.934.885.608	1.131.800.736	4.066.686.344
Cộng	33.554.348.161	1.131.800.736	34.686.148.897

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2020	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.554.823.133	-	6.554.823.133
Đầu tư tài chính	200.000.000	847.666.158	1.047.666.158
Phải thu khách hàng	36.849.787.829	-	36.849.787.829
Phải thu khác	301.809.111	-	301.809.111
Cộng	43.906.420.073	847.666.158	44.754.086.231

01/01/2020	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.725.452.788	-	6.725.452.788
Đầu tư tài chính	200.000.000	834.218.697	1.034.218.697
Phải thu khách hàng	56.543.175.361	-	56.543.175.361
Phải thu khác	104.151.779	315.000.000	419.151.779
Cộng	63.772.779.928	1.149.218.697	64.921.998.625

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

35. Thông tin về các bên liên quan**a. Các bên liên quan**

	Mối quan hệ
Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty cổ phần (Petec)	Công ty đầu tư
Chi nhánh TCT Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư tại Bình Định	Đơn vị trực thuộc Công ty đầu tư
Công ty TNHH MTV Thương mại Quốc Bảo Gia Lai	Bên liên quan với Tổng Giám đốc
Công ty TNHH Vận tải, Thương mại và Đầu tư Quốc Bảo	Bên liên quan với Tổng Giám đốc
Công ty TNHH Xăng dầu, Thương mại & Đầu tư Quốc Bảo	Bên liên quan với Tổng Giám đốc
CN Công ty TNHH Xăng dầu, TM và ĐT Quốc Bảo	Bên liên quan với Tổng Giám đốc
Doanh Nghiệp Tư nhân Xăng dầu Quốc Bảo	Bên liên quan với Tổng Giám đốc
Công ty TNHH Nhà hàng tiệc cưới Quốc Bảo	Bên liên quan với Tổng Giám đốc
CN DNTN Xăng dầu Quốc Bảo	Bên liên quan với Tổng Giám đốc

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm

	Năm 2020	Năm 2019
Bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Công ty TNHH Vận tải, Thương mại và Đầu tư Quốc Bảo	446.336.819	-
Công ty TNHH Nhà hàng tiệc cưới Quốc Bảo	1.022.727.273	-
Công ty TNHH MTV Thương mại Quốc Bảo Gia Lai	14.735.759.500	20.869.081.420
Công ty TNHH Xăng dầu, Thương mại & Đầu tư Quốc Bảo	-	18.994.952.240
CN Công ty TNHH Xăng dầu, Thương mại & Đầu tư Quốc Bảo	18.766.548.600	29.284.976.600
Mua hàng		
CN TCT TM Kỹ thuật và Đầu tư tại Bình Định	25.510.713.000	36.276.703.540
Công ty TNHH Vận tải, Thương mại và Đầu tư Quốc Bảo	5.155.399.773	5.311.049.030
Thu lãi chậm thanh toán		
Công ty TNHH Xăng dầu, Thương mại & Đầu tư Quốc Bảo	-	250.000.000
Công ty TNHH MTV Thương mại Quốc Bảo	-	200.000.000
CN Công ty TNHH Xăng dầu, Thương mại & Đầu tư Quốc Bảo	-	250.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

c. Giao dịch với các cán bộ quản lý chủ chốt

Lương, thưởng và thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc như sau:

		Năm 2020	Năm 2019
- Ông Lương Duy Văn	Thù lao HĐQT	52.000.000	48.000.000
	Lương, thưởng	277.512.000	219.000.000
- Ông Nguyễn Trọng Phát	Thù lao HĐQT	50.000.000	48.000.000
	Lương, thưởng	343.258.000	512.000.000
- Ông Huỳnh Đức Trường	Thù lao HĐQT	30.000.000	60.000.000
	Lương, thưởng		40.000.000
- Bà Đỗ Khoa Mỹ Linh	Thù lao HĐQT	48.000.000	48.000.000
	Lương, thưởng	273.512.000	219.000.000
- Ông Nguyễn Thanh Hải	Thù lao HĐQT	24.000.000	-
- Ông Nguyễn Đức Linh	Thù lao HĐQT	24.000.000	48.000.000
	Lương, thưởng		27.000.000
Cộng		<u>1.122.282.000</u>	<u>1.269.000.000</u>

36. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Nghị quyết số 04/NQ/NKV-HĐQT ngày 26/02/2021 của Công ty đã quyết định thành lập Công ty TNHH MTV Xăng dầu Chợ Gồm do Công ty làm chủ sở hữu với vốn điều lệ là 2.500.000.000 đồng.

Ngoài ra, không còn sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

37. Số liệu so sánh

Là số liệu trong Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi AAC.



Nguyễn Trọng Phát

Quy Nhơn, ngày 22 tháng 03 năm 2021

Kế toán trưởng

Khổng Thị Hà

Người lập

Hồ Thị Phong Nguyệt



**CÔNG TY CỔ PHẦN PETEC
BÌNH ĐỊNH**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 4
Báo cáo kiểm toán độc lập	5
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	6 - 7
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Petec Bình Định công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Petec Bình Định (tên viết tắt là "PETEC BIDICO" sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp nhà nước (Công ty Thương nghiệp Tổng hợp Bình Định) thuộc Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Định chuyển đổi thành Công ty Cổ phần thương mại Bình Định) theo Quyết định số 35/2001/QĐ-UB ngày 14/05/2001 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Định và Quyết định số 98/QĐ-CPTM ngày 14/04/2007 đổi tên Công ty Cổ phần Thương mại Bình Định thành Công ty Cổ phần Petec Bình Định của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Bình Định. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3503000014 ngày 15/05/2001. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 13 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100406219) và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 09/11/2021. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Vốn điều lệ : 40.391.470.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến 31/12/2021: 40.391.470.000 đồng.

Cổ phiếu của công ty đã chính thức giao dịch trên thị trường Upcom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 21/12/2016 với mã chứng khoán GCB.

Tại ngày 31/12/2021, Công ty có 7 đơn vị trực thuộc:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Petec Bình Định tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cửa hàng Xăng dầu Trung Hậu - Đường Đào Tấn - TP Quy Nhơn;
- Cửa hàng Xăng dầu Trung Hậu - Đường Hùng Vương - TP Quy Nhơn;
- Cửa hàng Xăng dầu Phước Lộc - Tuy Phước - Bình Định;
- Cửa hàng Xăng dầu Phù Mỹ - Phù Mỹ - Bình Định;
- Cửa hàng Xăng dầu Hoài Hào - Hoài Nhơn - Bình Định;
- Cửa hàng Xăng dầu Chợ Gồm - Phù Cát - Bình Định.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 389 Trần Hưng Đạo - Phường Trần Hưng Đạo - Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định.
- Điện thoại: (84) 0256 3822 233
- Fax: (84) 0256 3823 863
- Website: www.petecbidico.com.vn

Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Mua bán xăng dầu, mỡ phụ, khí, dầu mỡ hóa lỏng và các chế phẩm từ dầu mỏ;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ xăng dầu và các sản phẩm liên quan;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Mua bán hóa chất, phân bón, vật tư công, nông, ngư nghiệp, nguyên vật liệu phi kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Mua bán phương tiện vận tải;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Mua bán thực ăn gia súc, hàng nông sản;
- Bán mô tô, xe máy;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán máy móc, dây chuyền thiết bị đồng bộ. Mua bán hàng điện lạnh công nghiệp;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông. Chi tiết: Mua bán hàng điện tử, viễn thông;
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp. Chi tiết: Mua bán hàng công nghệ phẩm, sữa và các sản phẩm từ sữa, nước giải khát, thuốc lá, rượu, bia, mỹ phẩm, hàng thủ công mỹ nghệ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản, đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng đô thị, khu công nghiệp; Cho thuê văn phòng, cửa hàng, ki ốt;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. Chi tiết: Tổ chức hội thảo, hội nghị, triển lãm quốc tế;
- Khách sạn;
- Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. Chi tiết: Sản xuất nước uống tinh khiết, nước giải khát đóng chai;
- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú). Chi tiết: Sản xuất, gia công hàng may mặc;
- Điều hành tua du lịch. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ du lịch, lữ hành nội địa và quốc tế;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn, lập dự án đầu tư mua sắm, đổi mới thiết bị công nghệ, lập hồ sơ mời thầu, đấu thầu và chọn thầu mua sắm thiết bị công nghệ;
- Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo. Chi tiết: Bán buôn thuốc lá;
- Kinh doanh vận tải đường thủy, đường bộ bao gồm: vận chuyển khách du lịch, vận chuyển khách bằng xe buýt và taxi, vận chuyển hàng hóa; kinh doanh dịch vụ và mua bán sản phẩm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông. Chế biến thực phẩm đồ hộp, nông, lâm, thủy, hải sản.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**Nhân sự**

Tổng số công nhân viên đến cuối năm tài chính là 76 người. Trong đó nhân viên quản lý 19 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|------------------------|------------|------------------------------|
| • Ông Nguyễn Hoàng Nam | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 04/11/2021 |
| • Ông Lương Duy Văn | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 01/08/2020 |
| | | Miễn nhiệm ngày 04/11/2021 |
| • Ông Nguyễn Thanh Hải | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 19/06/2020 |
| • Ông Ngô Minh Hải | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 04/11/2021 |
| • Bà Nguyễn Thu Hà | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 04/11/2021 |
| • Bà Đỗ Khoa Mỹ Linh | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 19/06/2020 |
| | | Miễn nhiệm ngày 04/11/2021 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|------------------------|------------|------------------------------|
| • Ông Nguyễn Thanh Lâm | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 04/11/2021 |
| • Ông Nguyễn Văn Ảnh | Trưởng ban | Bổ nhiệm lại ngày 19/06/2020 |
| | | Miễn nhiệm ngày 04/11/2021 |
| | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 04/11/2021 |
| • Ông Hoàng Anh Tuấn | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 19/06/2020 |
| • Ông Nguyễn Văn Phấn | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 19/06/2020 |
| | | Miễn nhiệm ngày 04/11/2021 |

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|---------------------------|-------------------|------------------------------|
| • Ông Ngô Minh Hải | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 04/11/2021 |
| • Ông Nguyễn Trọng Phát | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 19/06/2020 |
| | | Miễn nhiệm ngày 04/11/2021 |
| • Ông Tăng Vũ Giang | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 04/11/2021 |
| • Ông Lương Duy Văn | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 19/06/2020 |
| | | Miễn nhiệm ngày 04/11/2021 |
| • Bà Đỗ Khoa Mỹ Linh | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 19/06/2020 |
| | | Miễn nhiệm ngày 04/11/2021 |
| • Bà Nguyễn Thị Bích Trâm | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm ngày 04/01/2022 |
| • Bà Khổng Thị Hà | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm lại ngày 19/06/2020 |
| | | Miễn nhiệm ngày 04/01/2022 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**Kiểm toán độc lập**

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dnng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên nguyên tắc hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Ngô Minh Hải

Bình Định, ngày 03 tháng 03 năm 2022

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG THANH BÌNH
Chứng thực bản sao đúng với bản chính

Số CT. 000498 Quyển Số 01

Ngày: 09-03-2022



CÔNG CHỨNG VIÊN
Phạm Thị Thanh Hà



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dnng.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 168/2022/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Petec Bình Định

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính lập ngày 01/03/2022 của Công ty Cổ phần Petec Bình Định (sau đây gọi tắt là "Công ty"), đính kèm từ trang 6 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC


Trần Thị Phương Lan - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0396-2018-010-1
Đà Nẵng, ngày 03 tháng 03 năm 2022


Trần Xuân Quang - Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 4492-2018-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 01 - DN

Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT - BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		52.105.311.643	57.847.847.564
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		23.636.129.039	6.554.823.133
1. Tiền	111	5	23.636.129.039	6.554.823.133
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		200.000.000	200.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	200.000.000	200.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		20.218.638.136	44.775.974.641
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	21.071.238.468	39.447.214.902
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	1.914.367.380	7.602.006.751
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	324.525.527	324.180.061
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(3.091.493.239)	(2.597.427.073)
IV. Hàng tồn kho	140	11	7.880.683.143	6.084.924.313
1. Hàng tồn kho	141		7.880.683.143	6.084.924.313
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		169.861.325	232.125.477
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12.a	169.861.325	84.297.862
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	108.707.799
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	39.119.816
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		28.949.227.437	30.197.922.424
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		27.868.104.177	23.547.314.403
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	26.967.456.177	22.646.666.403
- Nguyên giá	222		53.062.922.214	50.530.253.030
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(26.095.466.037)	(27.883.586.627)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	900.648.000	900.648.000
- Nguyên giá	228		900.648.000	900.648.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	5.724.181.224
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	5.724.181.224
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	15	1.046.067.352	847.666.158
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		5.479.064.524	5.479.064.524
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(4.432.997.172)	(4.631.398.366)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		35.055.908	78.760.639
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12.b	35.055.908	78.760.639
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		81.054.539.080	88.045.769.988

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		16.431.916.084	26.660.398.028
I. Nợ ngắn hạn	310		15.931.916.084	25.920.398.028
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	1.237.456.707	3.963.398.912
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	1.203.485.781	5.038.687.227
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	1.324.115.202	1.117.431.054
4. Phải trả người lao động	314		2.285.176.034	1.287.055.952
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	460.909.091
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		325.757.576	416.666.667
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	19.a	8.875.616.791	7.954.884.460
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	29.527.078	4.918.983.750
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		650.780.915	762.380.915
II. Nợ dài hạn	330		500.000.000	740.000.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Phải trả dài hạn khác	337	19.b	500.000.000	740.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		64.622.622.996	61.385.371.960
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	64.622.622.996	61.385.371.960
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	21	40.391.470.000	40.391.470.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		40.391.470.000	40.391.470.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	21	(54.000.000)	(54.000.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	21	17.028.679.974	17.028.679.974
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	21	7.256.473.022	4.019.221.986
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	21	3.719.221.986	2.985.358.382
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	21	3.537.251.036	1.033.863.604
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		81.054.539.080	88.045.769.988



Bình Định, ngày 01 tháng 03 năm 2022

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Bích Trâm

Người lập

Hồ Thị Phong Nguyệt

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	22	289.594.208.758	418.099.676.963
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		289.594.208.758	418.099.676.963
4. Giá vốn hàng bán	11	23	261.473.791.257	387.349.066.398
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		28.120.417.501	30.750.610.565
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	362.795.484	819.359.799
7. Chi phí tài chính	22	25	(42.390.972)	1.262.733.229
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		156.020.222	1.263.317.674
8. Chi phí bán hàng	25	26.a	21.748.629.953	25.272.433.812
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26.b	6.023.442.075	5.599.707.347
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		753.531.929	(564.904.024)
11. Thu nhập khác	31	27	3.684.937.613	1.940.757.277
12. Chi phí khác	32	28	324.598	51.218.998
13. Lợi nhuận khác	40		3.684.613.015	1.889.538.279
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.438.144.944	1.324.634.255
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	900.893.908	290.770.651
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		3.537.251.036	1.033.863.604
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	876	182
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	30	876	182



Ngô Minh Hải

Bình Định, ngày 01 tháng 03 năm 2022

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Bích Trâm

Người lập

Hồ Thị Phong Nguyệt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Mẫu số B 03 - DN

Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		4.438.144.944	1.324.634.255
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao Tài sản cố định	02	13	1.978.581.767	1.921.959.676
- Các khoản dự phòng	03	25, 26.b	295.664.972	137.147.960
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	24, 27	(3.047.012.729)	(454.332.008)
- Chi phí lãi vay	06	25	156.020.222	1.263.317.674
3. Lợi nhuận từ hệ kế trước thay đổi vốn lưu động	08		3.821.399.176	4.192.727.557
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		24.211.097.954	16.189.976.981
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.795.758.830)	1.657.396.117
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(212.069.029)	4.266.603.546
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(41.858.732)	540.471.386
- Tiền lãi vay đã trả	14	25	(156.020.222)	(1.263.317.674)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	18	(894.693.891)	(1.069.072.973)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(411.600.000)	(775.900.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		24.520.496.426	23.738.884.940
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		(2.555.350.228)	(4.955.043.372)
2. Tiền thu từ TL, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	27	6.363.636	5.489.772.727
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	24	20.809.004	21.225.950
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.528.177.588)	555.955.305
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33	20	108.243.404.928	346.207.245.909
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	20	(113.132.861.600)	(367.506.260.789)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	19, 21	(21.556.260)	(3.166.455.020)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(4.911.012.932)	(24.465.469.900)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		17.081.305.906	(170.629.655)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	6.554.823.133	6.725.452.788
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		23.636.129.039	6.554.823.133



Ngô Minh Hải

Bình Định, ngày 01 tháng 03 năm 2022

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Bích Trâm

Người lập

Hồ Thị Phong Nguyệt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động**1.1. Khái quát chung**

Công ty Cổ phần Petec Bình Định (tên viết tắt là "PETEC BIDICO" sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp nhà nước (Công ty Thương nghiệp Tổng hợp Bình Định thuộc Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Định chuyển đổi thành Công ty Cổ phần thương mại Bình Định) theo Quyết định số 35/2001/QĐ-UB ngày 14/05/2001 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Định và Quyết định số 98/QĐ-CPTM ngày 14/04/2007 đổi tên Công ty Cổ phần Thương mại Bình Định thành Công ty Cổ phần Petec Bình Định của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Bình Định. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3503000014 ngày 15/05/2001, từ khi thành lập đến nay Công ty đã 13 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100406219) và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 09/11/2021. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Thương mại và dịch vụ**1.3. Ngành nghề kinh doanh**

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Mua bán xăng dầu, mỡ phụ, khí dầu mỏ hóa lỏng và các chế phẩm từ dầu mỏ;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ xăng dầu và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Mua bán hóa chất, phân bón, vật tư công, nông, ngư nghiệp, nguyên vật liệu phi kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Mua bán phương tiện vận tải;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Mua bán thức ăn gia súc, hàng nông sản;
- Bán mô tô, xe máy;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán máy móc, dây chuyền thiết bị đồng bộ. Mua bán hàng điện lạnh công nghiệp;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông. Chi tiết: Mua bán hàng điện tử, viễn thông;
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp. Chi tiết: Mua bán hàng công nghệ phẩm, sữa và các sản phẩm từ sữa, nước giải khát, thuốc lá, rượu, bia, mỹ phẩm, hàng thủ công mỹ nghệ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản, đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng đô thị, khu công nghiệp; Cho thuê văn phòng, cửa hàng, ki ốt;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. Chi tiết: Tổ chức hội thảo, hội nghị, triển lãm quốc tế;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

- Khách sạn;
- Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. Chi tiết: Sản xuất nước uống tinh khiết, nước giải khát đóng chai;
- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú). Chi tiết: Sản xuất, gia công hàng may mặc;
- Điều hành tua du lịch. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ du lịch, lữ hành nội địa và quốc tế;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn, lập dự án đầu tư mua sắm, đổi mới thiết bị công nghệ, lập hồ sơ mời thầu, đấu thầu và chọn thầu mua sắm thiết bị công nghệ;
- Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo. Chi tiết: Bán buôn thuốc lá;
- Kinh doanh vận tải đường thủy, đường bộ bao gồm: vận chuyển khách du lịch, vận chuyển khách bằng xe buýt và taxi, vận chuyển hàng hóa; kinh doanh dịch vụ và mua bán sản phẩm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông. Chế biến thực phẩm đồ hộp, nông, lâm, thủy, hải sản.

1.4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2021, Công ty có 7 đơn vị trực thuộc:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Petec Bình Định tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cửa hàng Xăng dầu Trung Hậu - Đường Đào Tấn - TP Quy Nhơn;
- Cửa hàng Xăng dầu Trung Hậu - Đường Hùng Vương - TP Quy Nhơn;
- Cửa hàng Xăng dầu Phước Lộc - Tuy Phước - Bình Định;
- Cửa hàng Xăng dầu Phù Mỹ - Phù Mỹ - Bình Định;
- Cửa hàng Xăng dầu Hoài Hảo - Hoài Nhơn - Bình Định;
- Cửa hàng Xăng dầu Chợ Gồm - Phù Cát - Bình Định.

Ngày 26/02/2021, Công ty đã quyết định thành lập Công ty TNHH MTV Xăng dầu Chợ Gồm do Công ty làm chủ sở hữu. Đến ngày 05/05/2021, Công ty đã quyết định giải thể Công ty này.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu****4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản đầu tư tài chính***Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Trường hợp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối niên độ kế toán.

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà Công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Dự phòng đối với khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào căn cứ vào khoản lỗ của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: Phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối niên độ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

4.5 Tài sản cố định hữu hình**Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 40
Máy móc, thiết bị	5 - 20
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3

4.6 Tài sản cố định vô hình**Nguyên giá**

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)****Quyền sử dụng đất***

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao. Đối với quyền sử dụng đất có thời hạn thì thời gian trích khấu hao là thời gian được phép sử dụng đất của Công ty.

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm;
- Chi phí bảo hiểm, thuê tài sản được phân bổ đều theo thời gian thực tế bảo hiểm, thuê tài sản;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.8 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: Phải trả người bán và phải trả khác.

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.9 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.10 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện tại Công ty bao gồm: Tiền nhận trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán đối với các dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng được phân bổ theo số kỳ mà Công ty đã nhận tiền trước.

4.11 Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hóa trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cầu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho các cổ đông theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Cổ tức, lợi nhuận trả cho các cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***4.13 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác**

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.14 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.15 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: Chi phí lãi tiền vay, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.16 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.17 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.18 Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu***Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư tài chính, phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.19 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế Giá trị gia tăng: Các mặt hàng xi măng, xăng dầu, công nghệ phẩm: Áp dụng mức thuế suất 10%. Các mặt hàng và dịch vụ khác áp dụng mức thuế suất theo quy định hiện hành.
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất 20%.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền

	31/12/2021	01/01/2021
Tiền mặt	359.313.218	344.179.789
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	23.276.815.821	6.210.643.344
Cộng	23.636.129.039	6.554.823.133

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn 12 tháng	200.000.000	200.000.000
Cộng	200.000.000	200.000.000

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2021	01/01/2021
Doanh nghiệp Tư nhân Hoài Thương	938.553.000	2.006.713.000
Công ty TNHH SX TM và DV Như Ý	2.224.051.500	2.060.486.500
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hồng Thu	472.554.500	730.964.500
Vật liệu xây dựng Thành Ly	1.133.923.712	575.051.361
Các đối tượng khác	16.302.155.756	34.073.999.541
Cộng	21.071.238.468	39.447.214.902

8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Công ty Xi măng Phúc Sơn	974.218.565	4.694.406.566
Công ty Xăng Dầu Bình Định	-	1.080.925.670
Công ty Xi măng Nghi Sơn	721.510.865	1.178.148.365
Các đối tượng khác	218.637.950	648.526.150
Cộng	1.914.367.380	7.602.006.751

9. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	10.859.900	-	22.370.950	-
Công ty CP Thương mại Mặt Trời	-	-	49.267.680	-
Các khoản phải thu khác	313.665.627	-	252.541.431	-
Cộng	324.525.527	-	324.180.061	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2021	01/01/2021
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn	3.091.493.239	2.597.427.073
- Từ 3 năm trở lên	2.078.749.739	2.029.275.520
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	489.545.000	160.788.053
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	523.198.500	407.363.500
Cộng	3.091.493.239	2.597.427.073

11. Hàng tồn kho

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	2.437.845.908	-	2.029.545.453	-
Hàng hóa	5.442.837.235	-	4.055.378.860	-
Cộng	7.880.683.143	-	6.084.924.313	-

Không có hàng tồn kho ứ đọng, khó tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2021.

Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 31/12/2021.

12. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	92.549.242	-
Các khoản khác	77.312.083	84.297.862
Cộng	169.861.325	84.297.862

b. Dài hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	35.055.908	78.760.639
Cộng	35.055.908	78.760.639

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	32.502.535.181	7.536.727.343	10.275.963.245	215.027.261	50.530.253.030
Mua sắm trong năm	6.497.588.906	-	1.781.942.546	-	8.279.531.452
T/lý, nhượng bán	4.296.688.772	-	114.225.745	-	4.410.914.517
Giảm khác	1.076.206.690	170.000.000	-	89.741.061	1.335.947.751
Số cuối năm	33.627.228.625	7.366.727.343	11.943.680.046	125.286.200	53.062.922.214
Khấu hao					
Số đầu năm	16.472.910.038	7.419.871.842	3.775.777.486	215.027.261	27.883.586.627
Khấu hao trong năm	909.980.500	31.962.182	1.036.639.085	-	1.978.581.767
T/lý, nhượng bán	2.316.528.861	-	114.225.745	-	2.430.754.606
Giảm khác	1.076.206.690	170.000.000	-	89.741.061	1.335.947.751
Số cuối năm	13.990.154.987	7.281.834.024	4.698.190.826	125.286.200	26.095.466.037
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	16.029.625.143	116.855.501	6.500.185.759	-	22.646.666.403
Số cuối năm	19.637.073.638	84.893.319	7.245.489.220	-	26.967.456.177

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay là 19.637.073.638 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là 15.567.709.483 đồng.

14. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất lâu dài	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	900.648.000	900.648.000
Mua trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	900.648.000	900.648.000
Khấu hao		
Số đầu năm	-	-
Khấu hao trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	-	-
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	900.648.000	900.648.000
Số cuối năm	900.648.000	900.648.000

Quyền sử dụng đất lâu dài là Thửa đất số 1337, tờ bản đồ số 07 tại Xã Cát Hanh, Huyện Phù Cát, Tỉnh Bình Định. Diện tích: 1.080 m². Mục đích sử dụng: Làm kho bãi phục vụ sản xuất kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2021				01/01/2021			
	Tỷ lệ vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào đơn vị khác				5.479.064.524	4.432.997.172		5.479.064.524	4.631.398.366
- Công ty CP Cà phê Petec (PCF)	0,97%	0,97%	29.200	296.000.000	35.743.776	29.200	296.000.000	126.640.000
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Nam Định (PND)	0,13%	0,13%	8.823	136.350.000	12.788.750	8.823	136.350.000	55.178.400
- Công ty CP Kho vận Petec (*)	2,78%	2,78%	200.000	2.000.000.000	2.000.000.000	200.000	2.000.000.000	2.000.000.000
- Công ty CP Xi măng Hà Tiên 1 (HTI) (**)	0,00%	0,00%	6	137.524	3.424	6	137.524	32.824
- Công ty CP BĐ sản và Kỹ thuật Xăng dầu Petec Land (*)	5,22%	5,22%	200.000	2.000.000.000	1.806.853.012	200.000	2.000.000.000	1.811.633.542
- TCT TM Kỹ thuật và Đầu tư - CT Cổ phần (PETEC) (PEG)	0,02%	0,02%	49.837	1.046.577.000	577.608.210	49.837	1.046.577.000	637.913.600
Cộng				5.479.064.524	4.432.997.172		5.479.064.524	4.631.398.366

(*) Công ty trích lập dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính dài hạn này căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2021 của các Công ty nhận đầu tư.

(**) Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh nên dự phòng được trích lập căn cứ vào giá đóng cửa phiên giao dịch cuối cùng của năm 2021.

Các Công ty còn lại có cổ phiếu niêm yết trên Sàn chứng khoán Upcom thuộc Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) nên dự phòng được trích lập căn cứ vào giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liên kế gần nhất trước thời điểm lập báo cáo tài chính năm 2021 cho từng loại cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
CN Công ty CP Xăng dầu dầu khí Phú Yên tại Bình Định	-	2.496.377.000
Công ty TNHH Vận tải và Dịch vụ Thương mại Tuệ Cát	501.084.891	628.247.316
Công ty CP Cảng Thị Nại	401.891.655	78.980.000
Các đối tượng khác	334.480.161	759.794.596
Cộng	1.237.456.707	3.963.398.912

17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Lương Thị Thanh	1.036.806.018	-
Công ty TNHH Hoàng Giang	-	5.000.000.000
Công ty CP Thương mại Xi măng Tây Nguyên	100.100.000	-
Các đối tượng khác	66.579.763	38.687.227
Cộng	1.203.485.781	5.038.687.227

18. Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước

	Đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	39.119.816	-	1.357.437.532	1.102.378.044	-	215.939.672
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	295.683.524	900.893.908	894.693.891	-	301.883.541
Thuế thu nhập cá nhân	-	173.752.307	92.058.034	102.409.204	-	163.401.137
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	647.995.223	973.270.464	978.374.835	-	642.890.852
Các loại thuế khác	-	-	8.000.000	8.000.000	-	-
Cộng	39.119.816	1.117.431.054	3.331.659.938	3.085.855.974	-	1.324.115.202

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. Phải trả khác

a. Ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Kinh phí công đoàn	-	227.800
Công ty TNHH Vận tải, Thương mại và Đầu tư Quốc Bảo	7.271.841.672	6.278.641.672
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.370.066.808	1.391.623.068
Phải trả khác	233.708.311	284.391.920
Cộng	8.875.616.791	7.954.884.460

b. Dài hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	500.000.000	740.000.000
Cộng	500.000.000	740.000.000

20. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
Vay ngắn hạn	4.918.983.750	108.243.404.928	113.132.861.600	29.527.078
- NH TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quy Nhơn	4.918.983.750	108.243.404.928	113.132.861.600	29.527.078
Cộng	4.918.983.750	108.243.404.928	113.132.861.600	29.527.078

21. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2020	40.391.470.000	(54.000.000)	17.028.679.974	7.136.478.246	64.502.628.220
Tăng trong năm	-	-	-	1.033.863.604	1.033.863.604
Giảm trong năm	-	-	-	4.151.119.864	4.151.119.864
Số dư tại 31/12/2020	40.391.470.000	(54.000.000)	17.028.679.974	4.019.221.986	61.385.371.960
Số dư tại 01/01/2021	40.391.470.000	(54.000.000)	17.028.679.974	4.019.221.986	61.385.371.960
Tăng trong năm	-	-	-	3.537.251.036	3.537.251.036
Giảm trong năm	-	-	-	300.000.000	300.000.000
Số dư tại 31/12/2021	40.391.470.000	(54.000.000)	17.028.679.974	7.256.473.022	64.622.622.996

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2021	01/01/2021
Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty cổ phần (Petec)	12.740.640.000	12.740.640.000
Vốn góp của các cổ đông khác	27.650.830.000	27.650.830.000
Cộng	40.391.470.000	40.391.470.000

c. Cổ phiếu

	31/12/2021 Cổ phiếu	01/01/2021 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.039.147	4.039.147
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.039.147	4.039.147
- Cổ phiếu phổ thông	4.039.147	4.039.147
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.039.147	4.039.147
- Cổ phiếu phổ thông	4.039.147	4.039.147
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND	-	-

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2021	Năm 2020
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	4.019.221.986	7.136.478.246
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay	3.537.251.036	1.033.863.604
Phân phối lợi nhuận	300.000.000	4.151.119.864
- Phân phối lợi nhuận năm trước (*)	300.000.000	4.151.119.864
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	300.000.000	719.802.264
+ Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	200.000.000
+ Trả cổ tức	-	3.231.317.600
- Tạm phân phối lợi nhuận năm nay	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối năm	7.256.473.022	4.019.221.986

(*) Việc trích lập quỹ căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 04/11/2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2021	Năm 2020
Doanh thu kinh doanh xi măng	137.150.981.728	188.999.145.907
Doanh thu kinh doanh xăng dầu	149.540.005.045	225.742.572.774
Doanh thu cho thuê nhà, kho bãi	196.550.163	165.823.382
Doanh thu từ hợp tác kinh doanh	2.706.671.822	2.653.677.731
Doanh thu khác	-	538.457.169
Cộng	289.594.208.758	418.099.676.963

23. Giá vốn hàng bán

	Năm 2021	Năm 2020
Giá vốn kinh doanh xi măng	121.179.536.412	170.383.649.321
Giá vốn kinh doanh xăng dầu	139.644.367.125	216.485.826.543
Giá vốn hợp tác kinh doanh	649.887.720	479.590.534
Cộng	261.473.791.257	387.349.066.398

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021	Năm 2020
Lãi tiền gửi	20.809.004	21.225.950
Lãi bán hàng trả chậm	341.986.480	798.133.849
Cộng	362.795.484	819.359.799

25. Chi phí tài chính

	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí lãi vay	156.020.222	1.263.317.674
Chi phí lãi tài khoản ký quỹ	-	12.863.016
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng đầu tư tài chính	(198.411.194)	(13.447.461)
Cộng	(42.390.972)	1.262.733.229

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

26. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm

	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí nhân viên bán hàng	6.105.432.234	4.782.632.782
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng văn phòng	848.200.035	594.031.541
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.163.513.099	1.277.188.194
Chi phí thuế, phí và lệ phí	832.054.851	1.238.585.813
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.198.612.911	16.683.762.562
Chi phí bằng tiền khác	600.816.823	696.232.920
Cộng	21.748.629.953	25.272.433.812

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm

	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí nhân viên quản lý	3.053.076.773	2.495.421.052
Chi phí dụng cụ, đồ dùng, văn phòng phẩm	173.714.251	579.855.824
Chi phí khấu hao tài sản cố định	165.180.948	165.180.948
Chi phí thuế, phí, lệ phí	105.974.106	201.634.568
Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	494.066.166	150.595.421
Chi phí dịch vụ mua ngoài	628.327.264	554.144.190
Chi phí quản lý khác	1.403.102.567	1.452.875.344
Cộng	6.023.442.075	5.599.707.347

27. Thu nhập khác

	Năm 2021	Năm 2020
Thu nhập từ nhận khuyến mãi, thưởng, hỗ trợ bán hàng	12.500.000	726.856.000
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ/chuyển nhượng BĐS	3.026.203.725	220.606.058
Thu nhập từ bồi thường thu hồi đất	-	212.500.000
Thu nhập khác	646.233.888	780.795.219
Cộng	3.684.937.613	1.940.757.277

28. Chi phí khác

	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí phạt chậm nộp thuế	324.598	51.218.998
Cộng	324.598	51.218.998

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2021	Năm 2020
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.438.144.944	1.324.634.255
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	66.324.598	129.218.998
- Điều chỉnh tăng	66.324.598	129.218.998
+ Chi phí không được trừ	-	-
+ Thu lao HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành	66.000.000	78.000.000
+ Phạt thuế, phạt hành chính	324.598	51.218.998
- Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	4.504.469.542	1.453.853.253
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	900.893.908	290.770.651

30. Lãi cơ bản/ Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2021	Năm 2020
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.537.251.036	1.033.863.604
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	(300.000.000)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ thưởng Ban điều hành)	-	300.000.000
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.537.251.036	733.863.604
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	4.039.147	4.039.147
Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	876	182

(*) Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2021 có thể thay đổi tùy thuộc vào quyết định của Đại hội đồng cổ đông về việc trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ thưởng Ban điều hành từ lợi nhuận sau thuế năm 2021.

31. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.021.914.286	1.173.887.365
Chi phí nhân công	9.158.509.007	7.278.053.834
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.978.581.767	1.921.959.676
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.764.969.132	18.670.127.133
Chi phí khác bằng tiền	2.003.919.390	2.157.108.264
Cộng	27.927.893.582	31.201.136.272

32. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận duy nhất là kinh doanh thương mại và một bộ phận địa lý chính là tỉnh Bình Định.

33. Quản lý rủi ro**a. Quản lý rủi ro vốn**

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất, rủi ro về tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua hàng hóa từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của hàng hóa đầu vào. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty lựa chọn những nhà cung cấp uy tín, quan hệ kinh doanh lâu năm và luôn yêu cầu được cung cấp những biến động về giá kịp thời nhất. Công ty còn tham khảo giá giữa các nhà cung cấp khác nhau để đảm bảo mua hàng với mức giá hợp lý nhất. Với chính sách quản lý về giá trên, Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động về giá hàng hóa ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Công ty bán hàng theo hai phương thức sau: thông qua các đại lý và trực tiếp bán tại các cửa hàng.

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng nhiều biện pháp tùy vào các phương thức bán hàng:

- Bán hàng qua các đại lý: Công nợ của các đại lý được quản lý bằng việc cấp hạn mức dư nợ tối đa theo từng quý trong năm. Theo đó, mỗi đại lý sẽ có một mức dư nợ khác nhau và các khoản nợ vượt hạn mức sẽ bị tính lãi vay theo mức lãi suất của ngân hàng mà Công ty giao dịch.
- Bán hàng trực tiếp: Phần lớn công nợ được thu bằng tiền mặt. Do đó, rủi ro tín dụng đối với các khoản công nợ phải thu phát sinh từ hoạt động bán hàng trực tiếp ở mức thấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

31/12/2021	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	1.237.456.707	-	1.237.456.707
Chi phí phải trả	-	-	-
Vay và nợ thuê tài chính	29.527.078	-	29.527.078
Phải trả khác	8.875.616.791	500.000.000	9.375.616.791
Cộng	10.142.600.576	500.000.000	10.642.600.576

01/01/2021	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	3.963.398.912	-	3.963.398.912
Chi phí phải trả	460.909.091	-	460.909.091
Vay và nợ thuê tài chính	4.918.983.750	-	4.918.983.750
Phải trả khác	7.954.656.660	740.000.000	8.694.656.660
Cộng	17.297.948.413	740.000.000	18.037.948.413

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2021	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.636.129.039	-	23.636.129.039
Đầu tư tài chính	200.000.000	1.046.067.352	1.246.067.352
Phải thu khách hàng	17.979.745.229	-	17.979.745.229
Phải thu khác	313.665.627	-	313.665.627
Cộng	42.129.539.895	1.046.067.352	43.175.607.247

01/01/2021	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.554.823.133	-	6.554.823.133
Đầu tư tài chính	200.000.000	847.666.158	1.047.666.158
Phải thu khách hàng	36.849.787.829	-	36.849.787.829
Phải thu khác	301.809.111	-	301.809.111
Cộng	43.906.420.073	847.666.158	44.754.086.231

34. Thông tin về các bên liên quan**a. Các bên liên quan**

	Mối quan hệ
Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty cổ phần (Petec)	Công ty đầu tư
Chi nhánh TCT Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư tại Bình Định	Đơn vị trực thuộc Công ty đầu tư

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm

	Năm 2021	Năm 2020
Mua hàng		
CN TCT TM Kỹ thuật và Đầu tư tại Bình Định	7.923.399.900	25.510.713.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

c. Thù lao của Hội đồng quản trị và thu nhập của Ban Lãnh đạo

		Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Thù lao Hội đồng Quản trị		164.000.000	228.000.000
Ông Nguyễn Hoàng Nam	Chủ tịch	10.000.000	-
Ông Lương Duy Văn	Chủ tịch	50.000.000	52.000.000
Ông Ngô Minh Hải	Thành viên	8.000.000	-
Bà Nguyễn Thu Hà	Thành viên	8.000.000	-
Bà Đỗ Khoa Mỹ Linh	Thành viên	40.000.000	48.000.000
Ông Nguyễn Thanh Hải	Thành viên	48.000.000	24.000.000
Ông Nguyễn Trọng Phát	Thành viên	40.000.000	50.000.000
Ông Nguyễn Đức Linh	Thành viên	-	24.000.000
Ông Huỳnh Đức Trường	Thành viên	-	30.000.000
Lương và phụ cấp Ban Tổng Giám đốc		560.800.000	894.282.000
Ông Ngô Minh Hải	Tổng Giám đốc	40.000.000	-
Ông Nguyễn Trọng Phát	Tổng Giám đốc	188.000.000	343.258.000
Ông Tăng Vũ Giang	Phó Tổng Giám đốc	32.000.000	-
Ông Lương Duy Văn	Phó Tổng Giám đốc	150.400.000	277.512.000
Bà Đỗ Khoa Mỹ Linh	Phó Tổng Giám đốc	150.400.000	273.512.000

35. Sự kiện quan trọng trong kỳ ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Năm 2021 là năm mà Việt Nam chịu sự ảnh hưởng nặng nề bởi Đại dịch Covid-19. Chính phủ đã áp dụng nhiều biện pháp mạnh để ngăn chặn đại dịch, trong đó có hạn chế đi lại, kiểm soát biên giới, giãn cách xã hội. Do đó tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp đều bị ảnh hưởng. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá tác động của dịch bệnh Covid-19 đến hoạt động kinh doanh của Công ty và từ đó đã có nhiều biện pháp chủ động, linh hoạt trong công tác quản lý và điều hành kinh doanh Công ty với mục tiêu kép "vừa sản xuất kinh doanh vừa đảm bảo phòng chống dịch" để kiểm soát tình hình, giảm thiểu các tác động tiêu cực, đảm bảo cho hoạt động kinh doanh của Công ty được ổn định và phát triển.

36. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

37. Số liệu so sánh

Số liệu trong Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi



Ngô Minh Hải

Bình Định, ngày 01 tháng 03 năm 2022

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Bích Trâm

Người lập

Hồ Thị Phong Nguyệt



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
Thành viên của PrimeGlobal



**CÔNG TY CỔ PHẦN PETEC
BÌNH ĐỊNH**

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022



**CÔNG TY CỔ PHẦN PETEC
BÌNH ĐỊNH**

**Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022**

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG THANH BÌNH
Chứng thực bản sao đúng với bản chính
Số CT. 0 0 1 3 4 7 Quyển Số 01

Ngày: 03-08-2022



CÔNG CHỨNG VIÊN
Lê Thị Cẩm Nhung

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
Báo cáo tài chính giữa niên độ	
• Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	9 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Petec Bình Định công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022 đã được soát xét.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Petec Bình Định (tên viết tắt là "PETEC BIDICO" sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp nhà nước (Công ty Thương nghiệp Tổng hợp Bình Định thuộc Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Định chuyển đổi thành Công ty Cổ phần thương mại Bình Định) theo Quyết định số 35/2001/QĐ-UB ngày 14/05/2001 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Định và Quyết định số 98/QĐ-CPTM ngày 14/04/2007 đổi tên Công ty Cổ phần Thương mại Bình Định thành Công ty Cổ phần Petec Bình Định của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Bình Định. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3503000014 ngày 15/05/2001. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 14 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100406219) và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 05/07/2022. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Vốn điều lệ : 40.391.470.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến 30/06/2022: 40.391.470.000 đồng.

Cổ phiếu của công ty đã chính thức giao dịch trên thị trường Upcom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 21/12/2016 với mã chứng khoán GCB.

Tại ngày 30/06/2022, Công ty có 6 đơn vị trực thuộc:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Petec Bình Định tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cửa hàng Xăng dầu Trung Hậu - Đường Đào Tấn - TP Quy Nhơn;
- Cửa hàng Xăng dầu Trung Hậu - Đường Hùng Vương - TP Quy Nhơn;
- Cửa hàng Xăng dầu Phước Lộc - Tuy Phước - Bình Định;
- Cửa hàng Xăng dầu Hoài Hảo - Hoài Nhơn - Bình Định;
- Cửa hàng Xăng dầu Chợ Gồm - Phù Cát - Bình Định.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 389 Trần Hưng Đạo - Phường Trần Hưng Đạo - Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định.
- Điện thoại: (84) 0256 3822 233
- Fax: (84) 0256 3823 863
- Website: www.petecbidico.com.vn

Ngành nghề kinh doanh chính

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác, bán buôn dầu thô, bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan và bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ xăng dầu và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn thực phẩm;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Mua bán thức ăn gia súc, hàng nông sản;
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp. Chi tiết: Mua bán hàng công nghệ phẩm, sữa và các sản phẩm từ sữa, nước giải khát, thuốc lá, rượu, bia, mỹ phẩm, hàng thủ công mỹ nghệ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản, đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng đô thị, khu công nghiệp; Cho thuê văn phòng, cửa hàng, ki ốt;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. Chi tiết: Tổ chức hội thảo, hội nghị, triển lãm quốc tế;
- Khách sạn;
- Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. Chi tiết: Sản xuất nước uống tinh khiết, nước giải khát đóng chai.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên đến cuối kỳ kế toán là 69 người. Trong đó nhân viên quản lý 10 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|------------------------|------------|----------------------------|
| • Ông Trần Trọng Bình | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 28/06/2022 |
| • Ông Nguyễn Hoàng Nam | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 04/11/2021 |
| | | Miễn nhiệm ngày 28/06/2022 |
| • Ông Nguyễn Thanh Hải | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 19/06/2020 |
| • Ông Ngô Minh Hải | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 04/11/2021 |
| • Bà Như Thị Việt Dung | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 28/06/2022 |
| • Ông Tăng Vũ Giang | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 28/06/2022 |
| • Bà Nguyễn Thu Hà | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 04/11/2021 |
| | | Miễn nhiệm ngày 28/06/2022 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|------------------------|------------|------------------------------|
| • Bà Lê Thị Ngọc | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 28/06/2022 |
| • Ông Nguyễn Thanh Lâm | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 04/11/2021 |
| | | Miễn nhiệm ngày 28/06/2022 |
| • Ông Nguyễn Văn Ánh | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 04/11/2021 |
| • Ông Hoàng Anh Tuấn | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 19/06/2020 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

• Ông Ngô Minh Hải	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 04/11/2021
• Ông Nguyễn Trường Quang	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/03/2022
• Ông Lương Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/07/2022
• Ông Tăng Vũ Giang	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 04/11/2021 Miễn nhiệm ngày 01/07/2022
• Bà Nguyễn Thị Bích Trâm	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 04/01/2022

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



Ngô Minh Hải

Bình Định, ngày 15 tháng 07 năm 2022



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dong.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 753/2022/BCSX-AAC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Petec Bình Định

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ lập ngày 15/07/2022 của Công ty Cổ phần Petec Bình Định (sau đây gọi tắt là "Công ty"), đính kèm từ trang 5 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 "Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện".

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về vấn đề tài chính kế toán và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có vấn đề gì để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2022 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022, phù hợp Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Trần Thị Thu Hiền - Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0753-2018-010-1

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 07 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Ngày 30 tháng 06 năm 2022

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		132.841.310.333	52.105.311.643
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		4.868.362.723	23.636.129.039
1. Tiền	111	5	4.868.362.723	23.636.129.039
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		4.476.677.730	200.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	7.a	4.991.940.000	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	7.a	(715.262.270)	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	200.000.000	200.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		105.629.082.441	20.218.638.136
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	98.612.901.602	21.071.238.468
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	9	7.475.344.819	1.914.367.380
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	10	2.504.983.940	324.525.527
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(2.964.147.920)	(3.091.493.239)
IV. Hàng tồn kho	140	12	16.897.252.236	7.880.683.143
1. Hàng tồn kho	141		16.897.252.236	7.880.683.143
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		969.935.203	169.861.325
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13.a	969.935.203	169.861.325
2. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		27.659.140.108	28.949.227.437
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		26.730.152.474	27.868.104.177
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	25.829.504.474	26.967.456.177
- Nguyên giá	222		52.890.450.599	53.062.922.214
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(27.060.946.125)	(26.095.466.037)
2. Tài sản cố định vô hình	227	15	900.648.000	900.648.000
- Nguyên giá	228		900.648.000	900.648.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		811.488.070	1.046.067.352
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	7.b	5.479.064.524	5.479.064.524
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	7.b	(4.667.576.454)	(4.432.997.172)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		117.499.564	35.055.908
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13.b	117.499.564	35.055.908
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		160.500.450.441	81.054.539.080

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Ngày 30 tháng 06 năm 2022

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		94.239.923.304	16.431.916.084
I. Nợ ngắn hạn	310		93.739.923.304	15.931.916.084
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	14.803.279.720	1.237.456.707
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	1.134.497.158	1.203.485.781
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	2.287.480.127	1.324.115.202
4. Phải trả người lao động	314		248.782.379	2.285.176.034
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	351.884.299	-
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		280.303.028	325.757.576
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	20.a	2.075.065.439	8.875.616.791
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	71.891.200.239	29.527.078
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		667.430.915	650.780.915
II. Nợ dài hạn	330		500.000.000	500.000.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Phải trả dài hạn khác	337	20.b	500.000.000	500.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		66.260.527.137	64.622.622.996
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	66.260.527.137	64.622.622.996
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	22	40.391.470.000	40.391.470.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		40.391.470.000	40.391.470.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	22	(54.000.000)	(54.000.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	22	17.028.679.974	17.028.679.974
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	22	8.894.377.163	7.256.473.022
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	22	6.956.473.022	3.719.221.986
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	22	1.937.904.141	3.537.251.036
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		160.500.450.441	81.054.539.080

Tổng Giám đốc



Ngô Minh Hải

Bình Định, ngày 15 tháng 07 năm 2022

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Bích Trâm

Người lập



Hồ Thị Phong Nguyệt

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2022 VND	6 tháng đầu năm 2021 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	23	260.067.395.936	173.338.922.739
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		29.333.333	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		260.038.062.603	173.338.922.739
4. Giá vốn hàng bán	11	24	244.426.698.150	158.543.813.830
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		15.611.364.453	14.795.108.909
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	36.924.677	344.416.526
7. Chi phí tài chính	22	26	1.892.499.049	145.327.528
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		942.657.497	145.327.528
8. Chi phí bán hàng	25	27.a	9.785.044.954	10.234.220.820
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27.b	1.745.309.526	2.432.678.257
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.225.435.601	2.327.298.830
11. Thu nhập khác	31	28	236.133.017	3.193.213.568
12. Chi phí khác	32	29	5.480.753	-
13. Lợi nhuận khác	40		230.652.264	3.193.213.568
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.456.087.865	5.520.512.398
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	518.183.724	1.110.702.480
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		1.937.904.141	4.409.809.918
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	480	1.092
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	31	480	1.092

Tổng Giám đốc

Ngô Minh Hải

Bình Định, ngày 15 tháng 07 năm 2022

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Bích Trâm

Người lập

Hồ Thị Phong Nguyệt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2022 VND	6 tháng đầu năm 2021 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2.456.087.865	5.520.512.398
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao Tài sản cố định	02	14	1.137.951.703	899.825.123
- Các khoản dự phòng	03	7,11	822.496.233	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	25,28	(100.561.040)	(3.030.933.991)
- Chi phí lãi vay	06	26	942.657.497	145.317.528
3. Lợi nhuận từ bỏ kê trước thay đổi vốn lưu động	08		5.258.632.258	3.534.721.058
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(85.283.098.986)	(4.710.652.879)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(9.016.569.093)	(1.353.306.004)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		5.708.471.003	1.148.047.693
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(882.517.534)	23.226.249
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13	7.a	(4.991.940.000)	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	26	(942.657.497)	(145.317.528)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	18	(296.970.668)	(894.693.891)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(283.350.000)	(206.600.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(90.730.000.517)	(2.604.575.302)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		-	(818.680.409)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	28	63.636.363	6.363.856
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	25	36.924.677	4.730.046
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		100.561.040	(807.586.507)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33	21	174.190.789.775	98.531.161.475
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	21	(102.329.116.614)	(98.164.570.225)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(6.520.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		71.861.673.161	360.070.450
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(18.767.766.316)	(3.052.091.359)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	23.636.129.039	6.554.823.133
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		4.868.362.723	3.502.731.774

Tổng Giám đốc

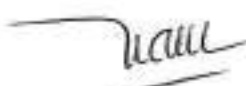
Kế toán trưởng

Người lập



Ngô Minh Hải

Bình Định, ngày 15 tháng 07 năm 2022



Nguyễn Thị Bích Trâm



Hồ Thị Phong Nguyệt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Petec Bình Định (tên viết tắt là "PETEC BIDICO" sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp nhà nước (Công ty Thương nghiệp Tổng hợp Bình Định thuộc Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Định chuyển đổi thành Công ty Cổ phần thương mại Bình Định) theo Quyết định số 35/2001/QĐ-UB ngày 14/05/2001 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Định và Quyết định số 98/QĐ-CPTM ngày 14/04/2007 đổi tên Công ty Cổ phần Thương mại Bình Định thành Công ty Cổ phần Petec Bình Định của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Bình Định. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3503000014 ngày 15/05/2001, từ khi thành lập đến nay Công ty đã 14 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100406219) và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 05/07/2022. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Thương mại và dịch vụ.

1.3. Ngành nghề kinh doanh chính

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác, bán buôn dầu thô, bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan và bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ xăng dầu và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Mua bán thức ăn gia súc, hàng nông sản;
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp. Chi tiết: Mua bán hàng công nghệ phẩm, sữa và các sản phẩm từ sữa, nước giải khát, thuốc lá, rượu, bia, mỹ phẩm, hàng thủ công mỹ nghệ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản, đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng đô thị, khu công nghiệp; Cho thuê văn phòng, cửa hàng, ki ốt;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. Chi tiết: Tổ chức hội thảo, hội nghị, triển lãm quốc tế;
- Khách sạn;
- Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. Chi tiết: Sản xuất nước uống tinh khiết, nước giải khát đóng chai.

1.4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) (Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2021, Công ty có 6 đơn vị trực thuộc:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Petec Bình Định tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cửa hàng Xăng dầu Trung Hậu - Đường Đào Tấn - TP Quy Nhơn;
- Cửa hàng Xăng dầu Trung Hậu - Đường Hùng Vương - TP Quy Nhơn;
- Cửa hàng Xăng dầu Phước Lộc - Tuy Phước - Bình Định;
- Cửa hàng Xăng dầu Hoài Hào - Hoài Nhơn - Bình Định;
- Cửa hàng Xăng dầu Chợ Gồm - Phù Cát - Bình Định.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Riêng Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022 (bắt đầu ngày 01/01/2022 và kết thúc ngày 30/06/2022).

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán và các công cụ tài chính khác (thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi,...) được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm: giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Khoản cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán nếu giá thị trường của chứng khoán kinh doanh thấp hơn giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Trường hợp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ kế toán.

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà Công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Dự phòng đối với khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào căn cứ vào khoản lỗ của bên nhận đầu tư.
- Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: Phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 40
Máy móc, thiết bị	5 - 20
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3

4.6 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao. Đối với quyền sử dụng đất có thời hạn thì thời gian trích khấu hao là thời gian được phép sử dụng đất của Công ty.

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm;
- Chi phí bảo hiểm, thuê tài sản được phân bổ đều theo thời gian thực tế bảo hiểm, thuê tài sản;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.8 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: Phải trả người bán và phải trả khác.

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.9 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.10 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện tại Công ty là tiền nhận trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán đối với các dịch vụ cung cấp cho khách hàng được phân bổ theo số kỳ mà Công ty đã nhận tiền trước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***4.11 Vay và nợ thuê tài chính**

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

4.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cầu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho các cổ đông theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Cổ tức, lợi nhuận trả cho các cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.13 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.14 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.15 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; Chi phí lãi tiền vay, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.16 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.17 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.18 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư tài chính, phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.19 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế Giá trị gia tăng: Các mặt hàng xi măng, xăng dầu, công nghệ phẩm: Áp dụng mức thuế suất 10%. Các mặt hàng và dịch vụ khác áp dụng mức thuế suất theo quy định hiện hành.
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất 20%.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền

	30/06/2022	01/01/2022
Tiền mặt	444.508.849	359.313.218
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.423.853.874	23.276.815.821
Cộng	4.868.362.723	23.636.129.039

6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2022	01/01/2022
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn 12 tháng	200.000.000	200.000.000
Cộng	200.000.000	200.000.000

Là khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn tại thời điểm 30/06/2022 có giá trị 200.000.000 đồng đang được cầm cố tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương – Chi nhánh Quy Nhơn theo Hợp đồng cầm cố tài khoản số 233/VCB Bình Định ngày 24/12/2019.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***7. Các khoản đầu tư****a. Chứng khoán kinh doanh**

STT	31/12/2021					01/01/2021		
	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
A Cổ phiếu niêm yết Công ty CP Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang (AFX)	293.100	4.991.940.000	4.276.677.730	715.262.270	-	-	-	-
	293.100	4.991.940.000	4.276.677.730	715.262.270	-	-	-	-
Cộng	293.100	4.991.940.000	4.276.677.730	715.262.270	-	-	-	-

- (i) Chứng khoán kinh doanh được đánh giá lại theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá giao dịch trên thị trường. Cổ phiếu AFX được niêm yết trên sàn Upcom thuộc Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) nên dự phòng được trích lập căn cứ vào giá tham chiếu bình quân 30 ngày giao dịch liên kế gần nhất trước thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

						30/06/2022					01/01/2022
	Tỷ lệ vốn	Tỷ lệ quyền	Số lượng	Giá	Dự	Số lượng	Giá	Dự	Số lượng	Giá	Dự
		biểu quyết	cổ phiếu	gốc	phòng	cổ phiếu	gốc	phòng	cổ phiếu	gốc	phòng
Đầu tư vào đơn vị khác											
- Công ty CP Cà phê Petec (PCF)	0,97%	0,97%	29.200	5.479.064,524	4.667.576,454		5.479.064,524		29.200	5.479.064,524	4.432.997,172
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Nam Định (PND)	0,13%	0,13%	8.823	296.000,000	162.558,663		296.000,000		8.823	296.000,000	35.743,776
- Công ty CP Kho vận Petec (*)	2,78%	2,78%	200.000	136.350,000	-		136.350,000		200.000	136.350,000	12.788,750
- Công ty CP Xi măng Hà Tiên 1 (HT1) (**)	0,00%	0,00%	6	2.000.000,000	2.000.000,000		2.000.000,000		6	2.000.000,000	2.000.000,000
- Công ty CP BĐ sản và Kỹ thuật Xăng dầu Petec Land (*)	5,22%	5,22%	200.000	137.524	44.524		137.524		200.000	137.524	3.424
- TCT TM Kỹ thuật và Đầu tư - CT Cổ phần (PETEC) (PEG)	0,02%	0,02%	-49.837	2.000.000,000	1.806.853,012		2.000.000,000		49.837	2.000.000,000	1.806.853,012
Cộng				1.046.577,000	698.120,255		1.046.577,000		49.837	1.046.577,000	577.608,210
				<u>5.479.064,524</u>	<u>4.667.576,454</u>		<u>5.479.064,524</u>			<u>5.479.064,524</u>	<u>4.432.997,172</u>

(*) Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chưa nhận được Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty nhận đầu tư này nên đã giữ nguyên mức trích lập tại thời điểm 31/12/2021.

(**) Cổ phiếu HT1 được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh nên dự phòng được trích lập căn cứ vào giá đóng cửa phiên giao dịch cuối cùng tại ngày 30/06/2022.

Các Công ty còn lại có cổ phiếu niêm yết trên Sàn chứng khoán Upcom thuộc Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) nên dự phòng được trích lập căn cứ vào giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liên kế gần nhất trước thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng loại cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2022	01/01/2022
Doanh nghiệp Tư nhân Hoài Thương	809.398.000	938.553.000
Công ty TNHH SX TM và DV Như Ý	2.405.781.500	2.224.051.500
Vật liệu xây dựng Thành Ly	1.801.796.584	1.133.923.712
Công ty CP Đầu tư Ego Việt Nam	34.061.912.279	-
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Xây dựng Thiên Kim	19.989.440.416	-
Doanh nghiệp tư nhân kinh doanh thương mại Lê Tính	8.346.164.520	-
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Kinh doanh Dịch vụ Phúc Khang	7.388.538.920	-
Các đối tượng khác	23.809.869.383	16.774.710.256
Cộng	98.612.901.602	21.071.238.468

Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan

	30/06/2022	01/01/2022
Công ty Cổ phần Đầu tư Ego Việt Nam	34.061.912.279	-
Cộng	34.061.912.279	-

9. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2022	01/01/2022
Công ty Xi măng Phúc Sơn	2.744.147.769	974.218.565
Công ty CP Xi măng Hoàng Long	2.117.400.000	-
Công ty Xi măng Nghi Sơn	296.799.050	721.510.865
Công ty TNHH CSS Asia	1.500.000.000	-
Các đối tượng khác	816.998.000	218.637.950
Cộng	7.475.344.819	1.914.367.380

10. Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	457.460.699	-	10.859.900	-
Các khoản phải thu khác	2.047.523.241	-	313.665.627	-
Cộng	2.504.983.940	-	324.525.527	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	30/06/2022	01/01/2022
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn	2.964.147.920	3.091.493.239
- Từ 3 năm trở lên	1.917.483.220	2.078.749.739
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	528.466.200	489.545.000
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	518.198.500	523.198.500
Cộng	2.964.147.920	3.091.493.239

12. Hàng tồn kho

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	2.170.207.473	-	2.437.845.908	-
Hàng hóa	14.727.044.763	-	5.442.837.235	-
Cộng	16.897.252.236	-	7.880.683.143	-

Không có hàng tồn kho ứ đọng, khó tiêu thụ tại thời điểm 30/06/2022.

Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 30/06/2022.

13. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	30/06/2022	01/01/2022
Tiền thuê đất	923.441.067	-
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	19.367.418	92.549.242
Các khoản khác	27.126.718	77.312.083
Cộng	969.935.203	169.861.325

b. Dài hạn

	30/06/2022	01/01/2022
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	40.582.488	-
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	76.917.076	35.055.908
Cộng	117.499.564	35.055.908

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu kỳ	33.627.228.625	7.366.727.343	11.943.680.046	125.286.200	53.062.922.214
Mua sắm trong kỳ	-	-	-	-	-
T/lý, nhượng bán	172.471.615	-	-	-	172.471.615
Số cuối kỳ	33.454.757.010	7.366.727.343	11.943.680.046	125.286.200	52.890.450.599
Khấu hao					
Số đầu kỳ	13.990.154.987	7.281.834.024	4.698.190.826	125.286.200	26.095.466.037
Khấu hao trong kỳ	521.367.768	15.981.091	600.602.844	-	1.137.951.703
T/lý, nhượng bán	172.471.615	-	-	-	172.471.615
Số cuối kỳ	14.339.051.140	7.297.815.115	5.298.793.670	125.286.200	27.060.946.125
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	19.637.073.638	84.893.319	7.245.489.220	-	26.967.456.177
Số cuối kỳ	19.115.705.870	68.912.228	6.644.886.376	-	25.829.504.474

- Giá trị còn lại tại ngày 30/06/2022 của TSCĐ hữu hình để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay là 19.593.275.481 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2022 là 16.099.115.552 đồng.

15. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất lâu dài	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu kỳ	900.648.000	900.648.000
Mua trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	900.648.000	900.648.000
Khấu hao		
Số đầu kỳ	-	-
Khấu hao trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	-	-
Giá trị còn lại		
Số đầu kỳ	900.648.000	900.648.000
Số cuối kỳ	900.648.000	900.648.000

- Quyền sử dụng đất lâu dài là Thửa đất số 1337, tờ bản đồ số 07 tại Xã Cát Hanh, Huyện Phù Cát, Tỉnh Bình Định. Diện tích: 1.080 m². Mục đích sử dụng: Làm kho bãi phục vụ sản xuất kinh doanh.
- Giá trị còn lại tại ngày 30/06/2022 của TSCĐ vô hình dùng để cầm cố, thế chấp đảm bảo nợ vay là 900.648.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2022	01/01/2022
CN Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty CP tại Bình Định	4.325.200.220	-
Công ty TNHH Kinh doanh và Dịch vụ Minh Hải	7.359.172.040	-
Công ty TNHH Vận tải và Dịch vụ Thương mại Tuệ Cát	1.516.344.000	501.084.891
Công ty CP Cảng Thị Nại	551.420.800	401.891.655
Các đối tượng khác	1.051.142.660	334.480.161
Cộng	14.803.279.720	1.237.456.707

Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan

	30/06/2022	01/01/2022
CN Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty CP tại Bình Định	4.325.200.220	-
Cộng	4.325.200.220	-

17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2022	01/01/2022
Lương Thị Thanh	-	1.036.806.018
Công ty TNHH Vận tải Thương mại và Đầu tư Quốc Bảo	453.600.000	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Tổng hợp An Thịnh	561.497.090	-
Các đối tượng khác	119.400.068	166.679.763
Cộng	1.134.497.158	1.203.485.781

18. Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước

	Đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Cuối kỳ	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	215.939.672	316.164.844	489.003.952	-	43.100.564
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	301.883.541	518.183.724	296.970.668	-	523.096.597
Thuế thu nhập cá nhân	-	163.401.137	121.448.695	119.587.510	-	165.262.322
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	642.890.852	1.846.882.137	933.752.345	-	1.556.020.644
Các loại thuế khác	-	-	8.000.000	8.000.000	-	-
Cộng	-	1.324.115.202	2.810.679.400	1.847.314.475	-	2.287.480.127

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2022	01/01/2022
Trích trước chi phí vận chuyển	351.884.299	-
Cộng	351.884.299	-

20. Phải trả khác

a. Ngắn hạn

	30/06/2022	01/01/2022
Kinh phí công đoàn	37.842.200	-
Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn	460.000.000	-
Công ty TNHH Vận tải, Thương mại và Đầu tư Quốc Bảo	-	7.271.841.672
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.370.066.808	1.370.066.808
Phải trả khác	207.156.431	233.708.311
Cộng	2.075.065.439	8.875.616.791

b. Dài hạn

	30/06/2022	01/01/2022
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	500.000.000	500.000.000
Cộng	500.000.000	500.000.000

21. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Vay ngắn hạn	29.527.078	174.190.789.775	102.329.116.614	71.891.200.239
- NH TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quy Nhơn	29.527.078	139.549.365.469	102.179.116.614	37.399.775.933
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - Chi nhánh Bình Định	-	34.641.424.306	150.000.000	34.491.424.306
Cộng	29.527.078	174.190.789.775	102.329.116.614	71.891.200.239

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2021	40.391.470.000	(54.000.000)	17.028.679.974	4.019.221.986	61.385.371.960
Tăng trong năm	-	-	-	3.537.251.036	3.537.251.036
Giảm trong năm	-	-	-	300.000.000	300.000.000
Số dư tại 31/12/2021	40.391.470.000	(54.000.000)	17.028.679.974	7.256.473.022	64.622.622.996
Số dư tại 01/01/2022	40.391.470.000	(54.000.000)	17.028.679.974	7.256.473.022	64.622.622.996
Tăng trong kỳ	-	-	-	1.937.904.141	1.937.904.141
Giảm trong kỳ	-	-	-	300.000.000	300.000.000
Số dư tại 30/06/2022	40.391.470.000	(54.000.000)	17.028.679.974	8.894.377.163	66.260.527.137

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/06/2022	01/01/2022
Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty cổ phần (Petec)	12.740.640.000	12.740.640.000
Vốn góp của các cổ đông khác	27.650.830.000	27.650.830.000
Cộng	40.391.470.000	40.391.470.000

c. Cổ phiếu

	30/06/2022 Cổ phiếu	01/01/2022 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.039.147	4.039.147
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.039.147	4.039.147
- Cổ phiếu phổ thông	4.039.147	4.039.147
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.039.147	4.039.147
- Cổ phiếu phổ thông	4.039.147	4.039.147
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	6 tháng đầu năm 2022	Năm 2021
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	7.256.473.022	4.019.221.986
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay	1.937.904.141	3.537.251.036
Phân phối lợi nhuận	300.000.000	300.000.000
- Phân phối lợi nhuận năm trước (*)	300.000.000	300.000.000
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	300.000.000	300.000.000
- Tạm phân phối lợi nhuận năm nay	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối năm	8.894.377.163	7.256.473.022

(*) Công ty phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 ngày 28/06/2022.

23. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Doanh thu kinh doanh xi măng	71.083.473.520	81.633.961.865
Doanh thu kinh doanh xăng dầu	94.410.877.400	90.644.124.964
Doanh thu cho thuê nhà, kho bãi	62.030.966	56.727.272
Doanh thu từ hợp tác kinh doanh	2.189.957.915	1.004.108.638
Doanh thu kinh doanh thực phẩm	92.321.056.135	-
Cộng	260.067.395.936	173.338.922.739

24. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Giá vốn kinh doanh xi măng	63.060.467.698	73.592.457.676
Giá vốn kinh doanh xăng dầu	88.936.681.748	84.951.356.154
Giá vốn hợp tác kinh doanh	435.971.779	-
Giá vốn bán thực phẩm	91.993.576.925	-
Cộng	244.426.698.150	158.543.813.830

25. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Lãi tiền gửi	36.924.677	4.730.046
Lãi bán hàng trả chậm	-	339.686.480
Cộng	36.924.677	344.416.526

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

26. Chi phí tài chính

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Chi phí lãi vay	942.657.497	145.327.528
Trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	949.841.552	-
Cộng	1.892.499.049	145.327.528

27. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ**

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Chi phí nhân viên bán hàng	1.631.583.039	2.880.863.200
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng văn phòng	960.198.934	52.509.090
Chi phí khấu hao tài sản cố định	619.389.450	817.234.649
Chi phí thuế, phí và lệ phí	402.910.944	427.180.872
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.469.785.965	5.917.156.099
Chi phí bằng tiền khác	701.176.622	139.276.910
Cộng	9.785.044.954	10.234.220.820

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Chi phí nhân viên quản lý	546.378.472	1.080.949.326
Chi phí dụng cụ, đồ dùng, văn phòng phẩm	1.844.659	89.172.865
Chi phí khấu hao tài sản cố định	82.590.474	82.590.474
Chi phí thuế, phí, lệ phí	64.496.140	66.337.866
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(127.345.319)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	788.056.592	762.237.082
Chi phí quản lý khác	389.288.508	351.390.644
Cộng	1.745.309.526	2.432.678.257

28. Thu nhập khác

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Tiền khoán quây	171.051.745	167.009.623
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	63.636.363	3.026.203.945
Thu nhập khác	1.444.909	-
Cộng	236.133.017	3.193.213.568

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. Chi phí khác

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Chi phí phạt chậm nộp thuế	5.480.753	-
Cộng	5.480.753	-

30. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.456.087.865	5.520.512.398
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	134.830.753	33.000.000
- Điều chỉnh tăng	134.830.753	33.000.000
+ Chi phí không được trừ	-	-
+ Thu lao HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành	129.350.000	33.000.000
+ Phạt thuế, phạt hành chính	5.480.753	-
- Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	2.590.918.618	5.553.512.398
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	518.183.724	1.110.702.480

31. Lãi cơ bản/ Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.937.904.141	4.409.809.918
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	-
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ thưởng Ban điều hành)	-	-
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.937.904.141	4.409.809.918
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	4.039.147	4.039.147
Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu	480	1.092

(*) Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu 6 tháng đầu năm 2022 có thể thay đổi tùy thuộc vào quyết định của Đại hội đồng cổ đông về việc trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ thưởng Ban điều hành từ lợi nhuận sau thuế năm 2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

32. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	962.043.593	141.681.955
Chi phí nhân công	2.177.961.511	3.961.812.526
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.137.951.703	899.825.123
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.725.249.641	7.172.911.919
Chi phí khác bằng tiền	1.090.296.827	490.667.554
Cộng	12.093.503.275	12.666.899.077

33. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận duy nhất là kinh doanh thương mại và một bộ phận địa lý chính là tỉnh Bình Định.

34. Quản lý rủi ro**a. Quản lý rủi ro vốn**

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất, rủi ro về tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua hàng hóa từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của hàng hóa đầu vào. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty lựa chọn những nhà cung cấp uy tín, quan hệ kinh doanh lâu năm và luôn yêu cầu được cung cấp những biến động về giá kịp thời nhất. Công ty còn tham khảo giá giữa các nhà cung cấp khác nhau để đảm bảo mua hàng với mức giá hợp lý nhất. Với chính sách quản lý về giá trên, Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động về giá hàng hóa ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Quản lý rủi ro tín dụng

Công ty bán hàng theo các phương thức sau: bán buôn thực phẩm, bán thông qua các đại lý và trực tiếp bán tại các cửa hàng.

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng nhiều biện pháp tùy vào các phương thức bán hàng:

- Đối với bán hàng thực phẩm: Quy định thời hạn thanh toán không quá 6 tháng.
- Bán hàng qua các đại lý: Công nợ của các đại lý được quản lý bằng việc cấp hạn mức dư nợ tối đa theo từng quý trong năm. Theo đó, mỗi đại lý sẽ có một mức dư nợ khác nhau và các khoản nợ vượt hạn mức sẽ bị tính lãi vay theo mức lãi suất của ngân hàng mà Công ty giao dịch.
- Bán hàng trực tiếp: Phần lớn công nợ được thu bằng tiền mặt. Do đó, rủi ro tín dụng đối với các khoản công nợ phải thu phát sinh từ hoạt động bán hàng trực tiếp ở mức thấp.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

30/06/2022	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	14.803.279.720	-	14.803.279.720
Chi phí phải trả	351.884.299	-	351.884.299
Vay và nợ thuê tài chính	71.891.200.239	-	71.891.200.239
Phải trả khác	2.037.223.239	500.000.000	2.537.223.239
Cộng	89.083.587.497	500.000.000	89.583.587.497

01/01/2022	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	1.237.456.707	-	1.237.456.707
Vay và nợ thuê tài chính	29.527.078	-	29.527.078
Phải trả khác	8.875.616.791	500.000.000	9.375.616.791
Cộng	10.142.600.576	500.000.000	10.642.600.576

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

30/06/2022	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.868.362.723	-	4.868.362.723
Đầu tư tài chính	4.476.677.730	811.488.070	5.288.165.800
Phải thu khách hàng	95.648.753.682	-	95.648.753.682
Phải thu khác	2.047.523.241	-	2.047.523.241
Cộng	107.041.317.376	811.488.070	107.852.805.446

01/01/2022	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.636.129.039	-	23.636.129.039
Đầu tư tài chính	200.000.000	1.046.067.352	1.246.067.352
Phải thu khách hàng	17.979.745.229	-	17.979.745.229
Phải thu khác	313.665.627	-	313.665.627
Cộng	42.129.539.895	1.046.067.352	43.175.607.247

35. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

	Mối quan hệ
Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty cổ phần (Petec)	Công ty đầu tư
Chi nhánh TCT Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư tại Bình Định	Đơn vị trực thuộc Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Đầu tư Ego Việt Nam	Bên liên quan với Tổng Giám đốc

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Công ty Cổ phần Đầu tư Ego Việt Nam	34.061.912.279	-
Mua hàng		
CN Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty CP tại Bình Định	57.991.223.931	7.923.399.900

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

c. Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và thu nhập của Ban Tổng Giám đốc

		6 tháng đầu năm 2022 VND	6 tháng đầu năm 2021 VND
Thù lao Hội đồng Quản trị			
Ông Nguyễn Hoàng Nam	Chủ tịch	102.000.000	60.000.000
Ông Nguyễn Thanh Hải	Thành viên	30.000.000	-
Ông Ngô Minh Hải	Thành viên	24.000.000	24.000.000
Bà Nguyễn Thu Hà	Thành viên	24.000.000	-
Ban Kiểm soát			
Ông Nguyễn Thanh Lâm	Trưởng ban	57.350.000	21.000.000
Ông Hoàng Anh Tuấn	Thành viên	24.000.000	-
Bà Khổng Khánh Huyền	Thành viên	15.000.000	15.000.000
Ông Lê Quang Huy	Thành viên	12.350.000	-
Lương và phụ cấp Ban Tổng Giám đốc			
Ông Ngô Minh Hải	Tổng Giám đốc	6.000.000	6.000.000
Ông Nguyễn Trường Quang	Phó Tổng Giám đốc	398.705.462	150.000.000
Ông Tăng Vũ Giang	Phó Tổng Giám đốc	124.105.462	124.600.000

36. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

- Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

37. Số liệu so sánh

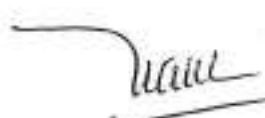
Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trong Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi AAC. Số liệu so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021.

Tổng Giám đốc



Ngô Minh Hải

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Bích Trâm

Người lập



Hồ Thị Phong Nguyệt

Bình Định, ngày 15 tháng 07 năm 2022



Trụ sở chính tại Đà Nẵng

Lô 78-80, Đường 30/4,
Tp. Đà Nẵng, Việt Nam
Tel: +(84-236) 3655 886
Fax: +(84-236) 3655 887
Email: sac@dnng.vnn.vn
Website: <http://www.aac.com.vn>

Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh

Lầu 4, Tòa nhà Hoàng Đơn
47-49 Hoàng Sa, Quận 1
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: +(84-28) 3910 2235
Fax: +(84-28) 3910 2349
Email: sac.hcm@aac.vnn.vn

Chi nhánh Hà Nội

Tầng 6, tòa nhà Việt Á
Số 09 Duy Tân, Cầu Giấy
Hà Nội, Việt Nam
Tel: +(84-24) 3224 2403
Fax: +(84-24) 3224 2402
Email: sac.hn@aac.com.vn

Thành viên

 **PrimeGlobal**